

TỔNG HỢP CÂU HỎI ÔN TẬP

**CHỦ NGHĨA XÃ HỘI**

**KHOA HỌC**

# Mục lục

Câu hỏi ôn thi giữa kỳ Chủ nghĩa xã hội.....	5
<b>Chương 2</b> .....	5
Câu 1: Những điều kiện khách quan quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân.....	5
Câu 2: Điều kiện chủ quan để giai cấp công nhân thực hiện thắng lợi sứ mệnh lịch sử.....	7
Câu 3: Đặc điểm giai cấp công nhân Việt Nam và những giải pháp xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay.....	9
<b>Chương 3</b> .....	11
Câu 4: Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Khái niệm và phân loại).....	11
Câu 5: Đặc điểm thời kỳ quá độ ở Việt Nam? .....	12
Câu 6: Đặc trưng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam (theo quan điểm Đại hội XI của Đảng) .....	13
<b>Chương 4</b> .....	13
Câu 7: Bản chất nền dân chủ XHCN ở Việt Nam?.....	13
Câu 8: Đặc điểm nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam?.....	17
<b>Chương 5</b> .....	22
Câu 9: Nội dung cương lĩnh dân tộc của Lênin? .....	22
<b>Chương 6</b> .....	25
Câu 10: Sự biến đổi của gia đình Việt Nam hiện nay (quy mô, kết cấu, chức năng, quan hệ trong gia đình)? ....	25
<b>Câu hỏi thêm</b> .....	31
Câu 11: Đặc trưng của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.....	31
Câu 12: Phân tích những giá trị tư tưởng của chủ nghĩa xã hội khoa học không tưởng đặc biệt là chủ nghĩa xã hội không tưởng đầu thế kỷ XIX tiền đề tư tưởng của chủ nghĩa xã hội khoa học. ....	35
Câu 13: Phân tích những điều kiện và tiền đề khách quan ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học.....	36
Câu 14: Nêu rõ những đặc điểm cơ bản của xã hội xã hội chủ nghĩa và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.....	37
Câu 15: Nêu sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, nội dung và tiền đề khách quan quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, liên hệ với giai cấp công nhân Việt Nam.....	39
Câu 16: Nguyên nhân, điều kiện khách quan, chủ quan, mục tiêu, động lực của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa.....	41

Câu 17: Nêu quan niệm của chủ nghĩa Mác Lênin về dân chủ xã hội chủ nghĩa, và bản chất của dân chủ xã hội chủ nghĩa.....	42
Câu 18: Nội dung của liên minh giai cấp công nhân, nông dân và tầng lớp trí thức trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. ....	43
Câu 19: Nêu rõ bản chất, nguồn gốc, tính chất của tôn giáo. Chính sách tôn giáo của Đảng và nhà nước ta hiện nay .....	44
Câu 20: Nêu khái niệm gia đình, mối quan hệ giữa gia đình và xã hội, các chức năng của gia đình: .....	46
Câu 21: Chủ nghĩa xã hội không tưởng là gì? Khái quát quá trình phát triển của nó? .....	46
Câu 22: Giá trị và hạn chế lịch sử của chủ nghĩa xã hội không tưởng.....	47
Câu 23: Chủ nghĩa xã hội khoa học là gì ? Nó được hiểu theo mấy nghĩa? Vị trí của chủ nghĩa xã hội khoa học trong hệ thống lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin? .....	48
Câu 24: Ý nghĩa nghiên cứu, học tập chủ nghĩa xã hội khoa học ở Việt Nam hiện nay. Suy nghĩ và nhận thức của mình về việc học môn này.....	48
Câu 25: Phân tích những giá trị và những hạn chế của chủ nghĩa xã hội không tưởng? nguyên nhân những hạn chế đó .....	49
Câu 26: Cống hiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh, của Đảng Cộng sản Việt Nam trong việc vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học là gì? .....	50
Câu 27: Những thay đổi về chất lượng của giai cấp công nhân trong xã hội tư bản hiện nay có làm thay đổi sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân không? Hãy phê phán những quan điểm đang tìm cách phủ định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân .....	51
Câu 28: Tại sao nói Đảng cộng sản là nhân tố quyết định thực hiện thắng lợi sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân? .....	53
Câu 29: Vì sao chuyển từ cách mạng dân tộc, dân chủ, nhân dân lên cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam là tất yếu? .....	54
Câu 30: Hiện nay cách mạng xã hội chủ nghĩa có phải là tất yếu không? Vì sao? .....	56
Câu 31: Phân tích những xu thế của thời đại ngày nay. Ý nghĩa việc nghiên cứu vấn đề này đối với chúng ta hiện NAY?.....	57
Câu 32. Cuộc cách mạng khoa học - công nghệ có những tác động gì tới sự phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam hiện NAY?.....	59
Câu 33: Vì sao nói Việt Nam quá độ lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa là tất yếu? Hãy nêu những khó khăn và thuận lợi. ....	59
Câu 34. Những đặc trưng của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam trước thời kỳ đổi mới và sau thời kỳ đổi mới có gì khác NHAU? .....	60
Câu 35. Hãy nêu và phân tích những thành tựu và hạn chế trong đổi mới hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa và mở rộng dân chủ trong đời sống xã hội trong những năm qua ở Việt NAM? .....	61
Câu 37: Giữa tăng cường sự lãnh đạo của Đảng cộng sản với xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa có mâu thuẫn nhau không? Vì sao? .....	62

Câu 36. Xây dựng khối liên minh công - nông - trí thức ở Việt Nam có những thuận lợi và khó khăn gì trong quá trình cách mạng? .....	63
Câu 37. Những nội dung xây dựng khối liên minh công - nông - trí thức là gì? Nội dung nào là quan trọng nhất? vì sao? .....	64
Câu 38: Hãy phân tích những đặc điểm quan hệ dân tộc ở Việt Nam? những đặc điểm đó có thuận lợi và khó khăn gì trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ở Việt Nam?.....	66
Câu 39: Hai xu hướng của phong trào dân tộc hiện nay được biểu hiện như thế nào? Chúng ta cần phải làm gì để đảm bảo sự thống nhất giữa hai xu hướng đó?.....	67
Câu 40: Hãy phân tích luận điểm của Mác: <i>"Tôn giáo là tiếng thở dài của chúng sinh bị áp bức, là trái tim của một thế giới không có trái tim, là trạng thái tinh thần của một thế giới không có tinh thần"</i> .....	68
Câu 41. Hãy trình bày những quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin trong giải quyết vấn đề tín ngưỡng, tôn giáo trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội.....	69
Câu 42. Phân tích khái niệm gia đình và những đặc trưng của nó? Khái niệm và kết cấu của gia đình. ....	70
Câu 43. Phân tích những chức năng của gia đình dưới chủ nghĩa xã hội? Các quan hệ cơ bản của gia đình.....	72
Câu 44. Phân tích vị trí của gia đình. ý nghĩa vấn đề này trong sự nghiệp đổi mới hiện nay .....	74
Câu 45. Phân tích những định hướng cơ bản của việc xây dựng gia đình mới trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta hiện nay. ....	76
Câu 46: Hãy trình bày những nội dung chủ yếu xây dựng gia đình ở Việt Nam hiện nay. ....	77
Câu 47: Nêu và phân tích quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về con người và con người xã hội chủ nghĩa? 77	
Câu 48: Nguồn lực con người là gì? Vai trò, vị trí nguồn lực con người trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội? .....	79
Câu 49. Hãy nêu và phân tích những thành tựu và những hạn chế trong phát huy nguồn lực con người Việt Nam trong những năm qua? .....	80
Câu 50: Phân tích những phương hướng, giải pháp phát huy nguồn lực con người Việt Nam hiện nay? .....	82
Câu 51: Để phát huy nguồn lực con người ở Việt Nam hiện nay, thanh niên, sinh viên nước ta cần phải làm gì? Vì sao lại như vậy? .....	84

# Câu hỏi ôn thi giữa kỳ

## Chủ nghĩa xã hội

### Chương 2

#### CÂU 1: NHỮNG ĐIỀU KIỆN KHÁCH QUAN QUY ĐỊNH SỰ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN.

a) Địa vị kinh tế - xã hội của giai cấp công nhân trong xã hội tư bản chủ nghĩa

Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, lực lượng sản xuất là yếu tố động nhất, luôn luôn vận động và phát triển. Trong lực lượng sản xuất ở bất kỳ xã hội nào, người lao động cũng là yếu tố quan trọng nhất. Trong chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội, với nền sản xuất đại công nghiệp ngày càng phát triển, thì "Lực lượng sản xuất hàng đầu của toàn nhân loại là công nhân, là người lao động".

Trong nền sản xuất đại công nghiệp, giai cấp công nhân vừa là chủ thể trực tiếp nhất, vừa là sản phẩm căn bản nhất của nền sản xuất đó. Khi sản xuất đại công nghiệp ngày càng mở rộng, ngày càng phát triển thì "Tất cả các giai cấp khác đều suy tàn và tiêu vong cùng với sự phát triển của đại công nghiệp, còn giai cấp vô sản lại là sản phẩm của bản thân nền đại công nghiệp", giai cấp vô sản "được tuyển mộ trong tất cả các giai cấp của dân cư".

Với nền sản xuất tư bản chủ nghĩa "... giai cấp công nhân hiện đại... chỉ có thể sống với điều kiện là kiếm được việc làm, và chỉ kiếm được việc làm, nếu lao động của họ làm tăng thêm tư bản". Từ điều kiện làm việc như vậy đã buộc giai cấp công nhân phải không ngừng học tập vươn lên sao cho đáp ứng được yêu cầu của nền sản xuất ngày càng hiện đại. Ngày nay, trong các nước tư bản phát triển, tỷ lệ sản xuất tự động hóa ngày càng gia tăng với "văn minh tin học", "kinh tế tri thức", do vậy đội ngũ công nhân được "tri thức hóa" cũng ngày càng gia tăng.

Trong chế độ tư bản chủ nghĩa, giai cấp công nhân hoàn toàn không có hoặc có rất ít tư liệu sản xuất, là người lao động làm thuê, "vì thế họ phải chịu hết sự may rủi của cạnh mình, mọi sự lên xuống của thị trường với mức độ khác nhau". Như vậy, trong chế độ tư bản chủ nghĩa, giai cấp công nhân có lợi ích cơ bản đối lập trực tiếp với lợi ích của giai cấp tư sản. Giai cấp tư sản muốn duy trì chế độ tư hữu tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất, duy trì chế độ áp bức bóc lột đối với giai cấp công nhân và quần chúng nhân dân lao động. Ngược lại, lợi ích cơ bản của giai cấp công nhân là xóa bỏ chế độ tư hữu tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất, giành lấy chính quyền về tay giai cấp công nhân và nhân dân lao động, dùng chính quyền đó để tổ chức xây dựng xã hội mới, tiến tới một xã hội không còn tình trạng áp bức bóc lột.

Giai cấp công nhân lao động trong nền sản xuất đại công nghiệp, có quy mô sản xuất ngày càng lớn, sự phụ thuộc lẫn nhau trong quá trình sản xuất ngày càng nhiều, họ lại thường sống ở những thành phố lớn, những khu công nghiệp tập trung. Điều kiện làm việc, điều kiện sống của giai cấp công nhân đã tạo điều kiện cho họ có thể đoàn

kết chặt chẽ với nhau trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa tư bản. Khả năng này giai cấp nông dân, thợ thủ công không thể có được.

Giai cấp công nhân có những lợi ích cơ bản thống nhất với lợi ích của đại đa số quần chúng nhân dân lao động, do vậy tạo ra khả năng cho giai cấp này có thể đoàn kết với các giai cấp, tầng lớp lao động khác trong cuộc đấu tranh chống lại giai cấp tư sản để giải phóng mình và giải phóng toàn xã hội.

#### **b) Những đặc điểm chính trị - xã hội của giai cấp công nhân**

Địa vị kinh tế - xã hội đã tạo cho giai cấp công nhân có những đặc điểm chính trị - xã hội mà những giai cấp khác không thể có được, đó là những đặc điểm cơ bản sau đây:

**Thứ nhất**, giai cấp công nhân là giai cấp tiên phong cách mạng.

Giai cấp công nhân là giai cấp tiên phong cách mạng vì họ đại biểu cho phương thức sản xuất tiên tiến, gắn liền với những thành tựu khoa học và công nghệ hiện đại. Đó là giai cấp được trang bị bởi một lý luận khoa học, cách mạng và luôn luôn đi đầu trong mọi phong trào cách mạng theo mục tiêu xóa bỏ xã hội cũ lạc hậu, xây dựng xã hội mới tiến bộ, nhờ đó có thể tập hợp được đông đảo các giai cấp, tầng lớp khác vào phong trào cách mạng.

**Thứ hai**, giai cấp công nhân là giai cấp có tinh thần cách mạng triệt để nhất thời đại ngày nay.

Trong cuộc cách mạng tư sản, giai cấp tư sản chỉ có tinh thần cách mạng trong thời kỳ đấu tranh chống chế độ phong kiến, còn khi giai cấp này đã giành được chính quyền thì họ quay trở lại bóc lột giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, những giai cấp đã từng kề vai sát cánh với giai cấp này trong cuộc cách mạng dân chủ tư sản. Khác với giai cấp tư sản, giai cấp công nhân bị giai cấp tư sản bóc lột, có lợi ích cơ bản đối lập trực tiếp với lợi ích của giai cấp tư sản. Điều kiện sống, điều kiện lao động trong chế độ tư bản chủ nghĩa đã chỉ cho họ thấy: họ chỉ có thể được giải phóng bằng giải phóng toàn xã hội khỏi chế độ tư bản chủ nghĩa.

Trong Tuyên ngôn của Đảng cộng sản, C. Mác và Ph. Ăngghen đã chỉ rõ: "Trong tất cả các giai cấp hiện đang đối lập với giai cấp tư sản thì chỉ có giai cấp vô sản là giai cấp thật sự cách mạng...

Các tầng lớp trung đẳng là những tiểu công nghiệp, tiểu thương, thợ thủ công và nông dân, tất cả đều đấu tranh chống giai cấp tư sản để cứu lấy sự sống còn của họ với tính cách là những tầng lớp trung đẳng. Cho nên họ không cách mạng mà bảo thủ".

**Thứ ba**, giai cấp công nhân là giai cấp có ý thức tổ chức kỷ luật cao.

Giai cấp công nhân lao động trong nền sản xuất đại công nghiệp với hệ thống sản xuất mang tính chất dây chuyền và nhịp độ làm việc khẩn trương buộc giai cấp này phải tuân thủ nghiêm ngặt kỷ luật lao động; cùng với cuộc sống đô thị tập trung đã tạo nên tính tổ chức, kỷ luật chặt chẽ cho giai cấp công nhân.

Tính tổ chức và kỷ luật cao của giai cấp này được tăng cường khi nó phát triển thành một lực lượng chính trị lớn mạnh, có tổ chức: được sự giác ngộ bởi một lý luận khoa học, cách mạng và tổ chức ra được chính đảng có nó - đảng cộng sản. Giai cấp

công nhân không có ý thức tổ chức kỷ luật cao thì không thể giành được thắng lợi trong cuộc đấu tranh chống lại giai cấp tư sản và xây dựng chế độ xã hội mới.

**Thứ tư**, giai cấp công nhân có bản chất quốc tế.

Chủ nghĩa Mác - Lênin cho rằng, giai cấp tư sản là một lực lượng quốc tế. Giai cấp tư sản không chỉ bóc lột giai cấp công nhân ở chính nước họ mà còn bóc lột giai cấp công nhân ở các nước thuộc địa. Ngày nay, với sự phát triển mạnh mẽ của lực lượng sản xuất, sản xuất mang tính toàn cầu hóa. Tư bản của nước này có thể đầu tư sang nước khác là một xu hướng khách quan. Nhiều sản phẩm không phải do một nước sản xuất ra mà là kết quả lao động của nhiều quốc gia. Vì thế, phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân không chỉ diễn ra đơn lẻ ở từng doanh nghiệp, ở mỗi quốc gia mà ngày càng phải có sự gắn bó giữa phong trào công nhân các nước, có như vậy, phong trào công nhân mới có thể giành được thắng lợi. V. I. Lênin chỉ rõ: "... không có sự ủng hộ của cách mạng quốc tế của thế giới thì thắng lợi của cách mạng vô sản là không thể có được", "Tư bản là một lực lượng quốc tế. Muốn thắng nó, cần phải có sự liên minh quốc tế".

Nguồn: <https://loigiaihay.com/nhung-dieu-kien-khach-quan-quy-dinh-su-menh-lich-su-cua-giai-cap-cong-nhan-c126a20302.html#ixzz6hpvhvhdQvH>

## **CÂU 2: ĐIỀU KIỆN CHỦ QUAN ĐỂ GIAI CẤP CÔNG NHÂN THỰC HIỆN THẮNG LỢI SỨ MỆNH LỊCH SỬ.**

Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân xuất hiện một cách khách quan, song, để biến khả năng khách quan đó thành hiện thực thì phải thông qua những nhân tố chủ quan. Trong những nhân tố chủ quan ấy, việc thành lập ra đảng cộng sản trung thành với sự nghiệp, lợi ích của giai cấp công nhân là yếu tố quyết định nhất đảm bảo cho giai cấp công nhân có thể hoàn thành sứ mệnh lịch sử của mình.

**Bản thân giai cấp công nhân:** Ngay từ khi mới hình thành trong xã hội tư bản chủ nghĩa, bản thân giai cấp công nhân đã không ngừng hoạt động và trưởng thành từng bước về số lượng và chất lượng

**Về số lượng:** chẳng những ngày càng tăng lên rất rõ rệt ở tất cả các nước, kể cả trong "kinh tế tri thức" hiện nay, mà còn đa dạng hơn về cơ cấu các loại công nhân với nhiều ngành nghề ngày càng phong phú, phát triển, tinh vi hơn. Theo Tổ chức lao động Quốc tế (ILO) thì: từ năm 1900, toàn thế giới có 80 triệu công nhân; đến năm 1990, thế giới đã có hơn 600 triệu công nhân và đến 1998 đã có 800 triệu công nhân...

**Về chất lượng,** bản thân giai cấp công nhân luôn có sự nâng cao về học vấn, về khoa học công nghệ và tay nghề; từ hoạt động kinh tế, đấu tranh kinh tế trước mắt, đã từng bước hoạt động chính trị, đấu tranh chính trị, thông qua các tổ chức nghiệp đoàn, công đoàn, từng bước có ý thức giai cấp, giác ngộ giai cấp và cao nhất là dẫn đến hình thành đảng tiên phong là đảng cộng sản. Khi đó, theo chủ nghĩa Mác-Lênin, giai cấp công nhân đã từ chỗ là "giai cấp tự nó" (tức là chưa có ý thức giác ngộ giai cấp) đến chỗ là "giai cấp vì nó" (tức giai cấp tự giác).

Vì thế, giai cấp công nhân trở thành cơ sở chính trị căn bản nhất của đảng cộng sản.

### **1. Tính tất yếu, quy luật hình thành và phát triển đảng của giai cấp công nhân**

Chỉ khi nào giai cấp công nhân đạt tới trình độ tự giác bằng việc tiếp thu lý luận khoa học và cách mạng của chủ nghĩa Mác-Lênin thì phong trào cách mạng của nó mới thật sự là một phong trào chính trị. Trình độ lý luận đó cho phép giai cấp công nhân nhận thức được vị trí, vai trò của mình trong xã hội, nguồn gốc tạo nên sức mạnh và biết tạo nên sức mạnh đó bằng sự đoàn kết, nhận rõ mục tiêu, con đường và những biện pháp giải phóng giai cấp mình, giải phóng cả xã hội và giải phóng nhân loại.

Phải có chủ nghĩa Mác soi sáng, giai cấp công nhân mới đạt tới trình độ nhận thức lý luận về vai trò lịch sử của mình. Sự thâm nhập của chủ nghĩa Mác vào phong trào công nhân dẫn đến sự hình thành chính đảng của giai cấp công nhân. V.I. Lênin chỉ ra rằng, đảng là sự kết hợp phong trào công nhân với chủ nghĩa xã hội khoa học. Nhưng trong mỗi nước, sự kết hợp ấy là sản phẩm của lịch sử lại được thực hiện bằng những con đường.

Đặc biệt, tùy theo điều kiện không gian và thời gian. ở nhiều nước thuộc địa, nửa thuộc địa, chủ nghĩa Mác thường kết hợp với phong trào công nhân và phong trào yêu nước thành lập ra đảng cộng sản.

Từ thực tiễn lịch sử ở nước ta, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: Chủ nghĩa Mác – Lênin kết hợp với phong trào công nhân và phong trào yêu nước đã dẫn tới việc thành lập Đảng Cộng sản Đông Dương vào đầu năm 1930.

Chỉ có đảng cộng sản lãnh đạo, giai cấp công nhân mới chuyển từ đấu tranh tự phát sang đấu tranh tự giác trong mỗi hành động với tư cách một giai cấp tự giác và thực sự cách mạng. C. Mác đã nhấn mạnh rằng, trong cuộc đấu tranh của mình chống lại quyền lực liên hiệp của các giai cấp hữu sản, chỉ khi nào giai cấp vô sản tự mình tổ chức được thành một chính đảng độc lập của mình chống lại quyền lực liên hiệp của các giai cấp hữu sản, chỉ khi nào giai cấp vô sản tự mình tổ chức được thành một đảng độc lập với tất cả mọi chính đảng cũ do giai cấp hữu sản lập ra thì mới có thể hành động với tư cách là một giai cấp được.

## **2. Mối quan hệ giữa đảng cộng sản với giai cấp công nhân**

Đảng chính trị là tổ chức cao nhất, đại biểu tập trung cho trí tuệ và lợi ích của toàn thể giai cấp. Đối với giai cấp công nhân đó là đảng cộng sản, chẳng những đại biểu cho trí tuệ và lợi ích của giai cấp công nhân mà còn đại biểu cho toàn thể nhân dân lao động và dân tộc.

Cho nên phải có một đảng chính trị vững vàng, kiên định và sáng suốt, có đường lối chiến lược và sách lược đúng đắn thể hiện lợi ích của toàn giai cấp và toàn bộ phong trào để giai cấp công nhân có thể hoàn thành sứ mệnh lịch sử của mình

Giai cấp công nhân là cơ sở xã hội – giai cấp của đảng, là nguồn bổ sung lực lượng của đảng, đảng là đội tiên phong chiến đấu, là bộ tham mưu của giai cấp, là biểu hiện tập trung lợi ích, nguyện vọng, phẩm chất, trí tuệ của giai cấp công nhân và của dân tộc. Giữa đảng với giai cấp công nhân có mối liên hệ hữu cơ, không thể tách rời. Những đảng viên của đảng cộng sản có thể không phải là công nhân nhưng phải là người giác ngộ về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân và đứng trên lập trường của giai cấp này.

Với một đảng cộng sản chân chính thì sự lãnh đạo của đảng chính là sự lãnh đạo của giai cấp. Đảng với giai cấp là thống nhất, nhưng đảng có trình độ lý luận và tổ chức



cao nhất để lãnh đạo cả giai cấp và dân tộc; vì thế không thể lẫn lộn Đảng với giai cấp. Đảng đem lại giác ngộ cho toàn bộ giai cấp, sức mạnh đoàn kết, nghị lực cách mạng, trí tuệ và hành động cách mạng của toàn bộ giai cấp, trên cơ sở đó lôi cuốn tất cả các tầng lớp nhân dân lao động khác và cả dân tộc đứng lên hành động theo đường lối của đảng nhằm hoàn thành sứ mệnh lịch sử của mình. Để giai cấp công nhân hoàn thành sứ mệnh của mình, giai cấp công nhân cũng như mỗi người công nhân cần thường xuyên phấn đấu vươn lên, trưởng thành về các mặt: tư tưởng, chính trị, lập trường giai cấp, văn hoá, khoa học kỹ thuật, tay nghề... Các tổ chức nghiệp đoàn, công đoàn, thường xuyên phát triển vững mạnh... cùng với quá trình phát triển không ngừng của nền sản xuất công nghiệp hiện đại, v.v.

Nguồn: <https://hoctap24h.vn/nhung-nhan-to-chu-quan-trong-qua-trinh-thuc-hien-su-menh-lich-su-cua-giai-cap-cong-nhan>

### **CÂU 3: ĐẶC ĐIỂM GIAI CẤP CÔNG NHÂN VIỆT NAM VÀ NHỮNG GIẢI PHÁP XÂY DỰNG GIAI CẤP CÔNG NHÂN VIỆT NAM HIỆN NAY.**

#### **1. Đặc điểm của giai cấp công nhân Việt Nam:**

Ngoài những đặc điểm chung của giai cấp công nhân quốc tế, giai cấp công nhân Việt Nam còn có những đặc điểm riêng:

- Giai cấp công nhân Việt Nam tuy ra đời muộn và chiếm một tỷ lệ ít trong thành phần dân cư, nhưng do kế thừa được truyền thống đấu tranh anh dũng kiên cường của dân tộc mà giai cấp công nhân nước ta luôn tỏ rõ là một giai cấp kiên cường, bất khuất.
- Giai cấp công nhân Việt Nam ra đời trong nỗi nhục mất nước cộng với nỗi khổ vì ách áp bức bóc lột của giai cấp tư sản đế quốc làm cho lợi ích giai cấp và lợi ích dân tộc kết hợp làm một, khiến động cơ cách mạng, nghị lực cách mạng và tính triệt để của cách mạng của giai cấp công nhân được nhân lên gấp bội.
- Giai cấp công nhân Việt Nam ra đời trước giai cấp tư sản Việt Nam, lại có Đảng lãnh đạo nên luôn giữ được sự đoàn kết thống nhất và giữ vững vai trò lãnh đạo của mình
- Giai cấp công nhân Việt Nam đa số xuất thân từ nông dân, có mối liên hệ máu thịt với nông dân. Đó là điều kiện hết sức thuận lợi để thực hiện sự liên minh giai cấp, trước hết là đối với giai cấp nông dân. Ngày nay, trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông thôn, sẽ có nhiều người nông dân làm việc ở các cơ sở công nghiệp và trở thành công nhân ở chính ngay quê hương mình...

Tuy nhiên số lượng công nhân nước ta còn ít, trình độ văn hóa, tay nghề, khoa học kỹ thuật còn thấp, cách thức làm việc có nơi, có chỗ còn tỏ ra tùy tiện, manh mún. Do vậy để đảm đương được sứ mệnh lịch sử của mình, một trong những điều kiện quan trọng là giai cấp công nhân Việt Nam phải liên minh được với giai cấp nông dân, tầng lớp trí thức và các tầng lớp nhân dân khác.

#### **2. Thực trạng giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay và phương hướng phát triển.**

Cùng với sự tăng trưởng nhanh của dòng vốn đầu tư nước ngoài và xu thế phát triển của các doanh nghiệp trong nước, đội ngũ công nhân nước ta đang bộc lộ dấu hiệu hụt hẫng và bất cập. Tình trạng thiếu hụt lao động có tay nghề cao và các chức danh quản lý có trình độ đang là hiện thực. Không cần phải cảnh báo, với tốc độ thu hút FDI và xu thế phát triển như 2 năm gần đây (2006 – 2007), vấn đề thiếu hụt nguồn nhân lực có tay nghề sẽ càng trở nên trầm trọng. Giai cấp công nhân nước ta không những bất cập so với yêu cầu phát triển chung của thời đại mà đang thực sự bất cập với chính yêu cầu phát triển của bản thân sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa hiện nay. Chúng ta không phủ định mặt tích cực và những đóng góp chung to lớn của đội ngũ giai cấp công nhân nước ta, bởi họ là lực lượng đang vận hành những cơ sở vật chất và các phương tiện sản xuất hiện đại nhất của xã hội, quyết định phương hướng phát triển chủ yếu của nền kinh tế, nhưng trước mặt trái của cơ chế thị trường và diễn biến phức tạp của tình hình thế giới, nhiều công nhân lao động có biểu hiện phai nhạt về chính trị, một bộ phận chỉ lo lắng nhiều đến những vấn đề thiết thực trước mắt, ít quan tâm đến những vấn đề lâu dài có tính chiến lược như định hướng xã hội chủ nghĩa, vai trò vị trí của giai cấp công nhân...phương hướng phát triển:

**Một là,** cần định hướng lại mục tiêu của giáo dục cho sát với yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Có kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực thích ứng với mục tiêu phát triển cụ thể của từng giai đoạn. Thực hiện nhất quán chủ trương xã hội hóa giáo dục, trong đó Nhà nước và các tổ chức xã hội có nhiệm vụ đào tạo cơ bản ban đầu, các doanh nghiệp trực tiếp sử dụng công nhân phải có trách nhiệm đào tạo nâng cao tay nghề, cập nhật kiến thức chuyên môn, tiêu chuẩn hóa chức danh nghề nghiệp trong mỗi doanh nghiệp.

Quan tâm đến đội ngũ giai cấp công nhân hiện nay là phải quan tâm đến trình độ văn hóa, năng lực chuyên môn, phẩm chất nghề nghiệp và ý thức chính trị của họ. Xây dựng giai cấp công nhân phải thể hiện trước hết ở việc tổ chức đào tạo bồi dưỡng nâng cao tay nghề và trình độ chuyên môn. Cần xem việc đào tạo nghề nghiệp, nâng cao trình độ chuyên môn là một trong những chỉ tiêu pháp lệnh như mọi chỉ tiêu phát triển kinh tế – xã hội khác. Một thế hệ công nhân mới giỏi về chuyên môn, vững vàng về ý thức chính trị, tự họ sẽ vươn lên làm chủ và đủ sức đối đầu với mọi thách thức. Nâng tầm trí tuệ, năng lực chuyên môn và ý thức chính trị cho đội ngũ giai cấp công nhân, chính là nhân tố góp phần bảo đảm sự ổn định chính trị, củng cố vững chắc cơ sở chính trị – xã hội của Đảng trong thời kỳ mới.

**Hai là,** phải xem công tác xây dựng Đảng, củng cố các đoàn thể quần chúng là nhiệm vụ có ý nghĩa sống còn đối với phong trào công nhân hiện nay.

Để làm được điều này chúng ta phải thẳng thắn trả lời một câu hỏi lớn. Vì sao Đảng của giai cấp công nhân, Công đoàn của công nhân, Đoàn Thanh niên là tổ chức chính trị của tuổi trẻ công nhân, nhưng một bộ phận công nhân chưa thiết tha vào Đảng vào Đoàn, chưa hoàn toàn xem công đoàn là tổ chức của họ.

Thực tế cho thấy công tác xây dựng Đảng và tổ chức công đoàn, đoàn thanh niên chưa theo kịp yêu cầu phát triển của sự nghiệp đổi mới. Một mặt do áp lực của những điều kiện khách quan, mặt khác bản thân các tổ chức đảng, công đoàn cũng bộc lộ những bất cập yếu kém, tự thân không theo kịp yêu cầu của sự phát triển, nhưng không có những chấn chỉnh kịp thời. Đã đến lúc không chỉ dừng lại ở những chỉ thị nghị quyết

mà nên có những văn bản pháp luật thể chế rõ chỉ thị nghị quyết thành những quy định cụ thể.

Đảng ta là Đảng cầm quyền, hoạt động của các tổ chức đảng, công đoàn, đoàn thanh niên phải được hình thành trong từng doanh nghiệp bất kỳ thuộc thành phần kinh tế nào. Tuy nhiên hoạt động của các tổ chức trên đây phải góp phần làm cho doanh nghiệp phát triển, sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao. Đời sống vật chất, tinh thần và các quyền lợi khác của người công nhân phải được bảo đảm tốt hơn. Các chủ trương đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước phải được thực thi và chấp hành nghiêm túc.

**Ba là,** phải thực sự chăm lo đến đời sống vật chất tinh thần của công nhân.

Ký các hợp đồng lao động với công nhân phải được xem là tiêu chuẩn bắt buộc đối với các chủ doanh nghiệp. Ngoài hợp đồng lao động cần chú trọng thanh kiểm tra điều kiện làm việc và cường độ lao động, không để và không cho phép chủ lao động ép công nhân làm việc vượt quá mức về cường độ, thời gian làm việc. Vấn đề này cần phải sớm được pháp luật quy định cụ thể.

Quan tâm thích đáng đến đời sống tinh thần, hình thành những tiêu chí có tính pháp quy về ăn ở, nơi vui chơi giải trí, các tiện ích văn hóa công, chế độ nghỉ dưỡng, thưởng thức các chương trình văn hóa nghệ thuật ở trong từng doanh nghiệp, ở mỗi cụm dân cư và các khu công nghiệp tập trung.

Khuyến khích động viên và khen thưởng, cổ vũ mạnh mẽ các doanh nghiệp làm tốt, phê bình và xử lý thích đáng các đơn vị cố tình không làm tốt, hoặc làm có tính chất đối phó, chiếu lệ... Sự thiếu thốn và nghèo nàn về đời sống văn hóa tinh thần sẽ làm cho đại bộ phận lao động trẻ sống và làm việc trong môi trường không có cảm hứng sáng tạo, tính tích cực xã hội không có điều kiện phát huy, lao động chắc chắn sẽ không đem lại hiệu quả mong muốn, thiệt thòi trước hết cho chính các doanh nghiệp.

Nguồn:

- <https://sites.google.com/site/drcongcuu/cau-24>
- [https://luatquanghuy.vn/giai-cap-cong-nhan-o-viet-nam-hien-nay-thuc-trang-va-phuong-huong-phat-trien/#Thuc\\_trang\\_giai\\_cap\\_cong\\_nhan\\_Viet\\_Nam\\_hien\\_nay\\_va\\_phuong\\_huong\\_phat\\_trien](https://luatquanghuy.vn/giai-cap-cong-nhan-o-viet-nam-hien-nay-thuc-trang-va-phuong-huong-phat-trien/#Thuc_trang_giai_cap_cong_nhan_Viet_Nam_hien_nay_va_phuong_huong_phat_trien)

## Chương 3

### CÂU 4: THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI (KHÁI NIỆM VÀ PHÂN LOẠI).

Khái niệm: Là thời kì cải tạo cách mạng xã hội tư bản chủ nghĩa thành xã hội xã hội chủ nghĩa, bắt đầu từ khi giai cấp công nhân giành được chính quyền và kết thúc khi xây dựng xong các cơ sở của chủ nghĩa xã hội. Đặc trưng kinh tế của thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội là cơ cấu kinh tế nhiều thành phần. Nhiệm vụ cơ bản của nhà nước trong thời kì quá độ, một mặt là phát huy đầy đủ quyền dân chủ của nhân dân lao động, chuyên chính với mọi hoạt động chống chủ nghĩa xã hội, mặt khác từng bước cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới.

Phân loại:

- Thời kỳ quá độ trực tiếp:

Theo C. Mác, quá độ chính trị của CNTB không phải chỉ là sự thể hiện ra ở một, hay một số cuộc cách mạng chính trị. Đây là cả một thời kỳ quá độ chính trị lâu dài và khó khăn, từ CNTB phát triển cao trực tiếp lên CNXH. Đây là một quá trình cách mạng không ngừng thực hiện không chỉ một điểm quá độ, mà là một giai đoạn quá độ tất yếu. Trong đó, chính trị (chuyên chính vô sản- CCVS) là điều kiện tiên quyết để thực hiện quá độ trong mọi lĩnh vực khác của xã hội.

Theo V. I. Lênin, từ xã hội phong kiến lên CNTB, ngay trong giai đoạn quá độ đã hình thành cả LLSX lẫn những tổ chức kinh tế mới và những hình thức quan hệ TBCN. Đến giai đoạn quá độ chính trị (cách mạng tư sản), mới sinh thành chế độ chính trị TBCN. Nhưng ở TKQĐ lên CNXH trước hết sinh thành nhà nước XHCN, nhờ đó mới phát triển dần LLSX và quan hệ sản xuất (QHSX) XHCN. Cho nên, TKQĐ không dễ dàng, không chóng vánh. Độ dài của nó có thể được tham chiếu từ các giai đoạn nhiều trăm năm hình thành các xã hội nô lệ, phong kiến, TBCN.

- Thời kỳ quá độ gián tiếp:

Thời kỳ quá độ bỏ qua giai đoạn phát triển TBCN. Cùng với sự phát triển lịch đại của một xã hội theo chiều dọc thời gian, tuần tự trải qua các hình thái do mâu thuẫn bên trong, C. Mác còn đề cập đến sự phát triển đồng đại theo chiều ngang không gian do tương tác qua lại giữa các xã hội. Ông chú ý đến trường hợp đặc biệt là, hai xã hội thời cổ đại “tác động qua lại làm nảy sinh ra một cái gì mới, một sự tổng hợp”, “kết hợp cả hai” PTSX và cùng tiến lên một hình thái kinh tế - xã hội cao hơn. Đó là trường hợp người Giécmanh từ xã hội công xã nguyên thủy bỏ qua xã hội nô lệ, cùng người La Mã đi lên xã hội phong kiến. Từ khi người Giécmanh bắt đầu lấn át người La Mã vào thế kỷ thứ II và đánh đổ chế độ nô lệ vào thế kỷ thứ V, họ chỉ mất 300 năm để từ cuối công xã nguyên thủy bỏ qua chế độ nô lệ lên chế độ phong kiến. Nếu vẫn tồn tại riêng biệt, thì để có sự phát triển đó, họ phải trải qua xã hội nô lệ hàng nghìn năm.

## **CÂU 5: ĐẶC ĐIỂM THỜI KỲ QUÁ ĐỘ Ở VIỆT NAM?**

Ở Việt Nam là hình thái quá độ gián tiếp với: “Đặc điểm to nhất là từ một nước nông nghiệp lạc hậu tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội không phải kinh qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa”. Đặc điểm này chi phối tác động đến mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, nhằm từng bước xóa bỏ triệt để các tàn tích của chế độ thực dân, phong kiến, đồng thời từng bước gây dựng các mầm mống cho chủ nghĩa xã hội phát triển, đó là một tất yếu.

Theo đó, quá độ lên chủ nghĩa là một cuộc đấu tranh cách mạng phức tạp, gian khổ và lâu dài chứ “không thể một sớm một chiều”. Bởi vì, “chúng ta phải xây dựng một xã hội hoàn toàn mới xưa nay chưa từng có trong lịch sử dân tộc ta. Chúng ta phải thay đổi triệt để những nếp sống, thói quen, ý nghĩ và thành kiến có gốc rễ hàng ngàn năm... biến nước ta từ một nước nông nghiệp thành một nước công nghiệp”. Tuy nhiên, muốn “tiến lên chủ nghĩa xã hội” thì không phải “cứ ngồi mà chờ” là sẽ có được chủ nghĩa xã hội. Nếu nhân dân ta mọi người cố gắng, phấn khởi thi đua xây dựng, thì thời kỳ quá độ có thể rút ngắn hơn.

Thực chất của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta là quá trình cải biến nền sản xuất lạc hậu thành nền sản xuất tiên tiến, hiện đại. Thực chất của quá trình cải

tạo và phát triển nền kinh tế quốc dân cũng là cuộc đấu tranh giai cấp gay go, phức tạp trong điều kiện mới, khi mà nhân dân ta hoàn thành cơ bản cách mạng dân tộc dân chủ, so sánh lực lượng trong nước và quốc tế đã có những biến đổi. Điều này đòi hỏi phải áp dụng toàn diện các hình thức đấu tranh cả về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội nhằm chống lại các thế lực đi ngược lại con đường xã hội chủ nghĩa. Hồ Chí Minh nhấn mạnh đến tính chất tuần tự, dần dần của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Tính chất phức tạp và khó khăn của thời kỳ quá độ lên CNXH ở nước ta, trong đó nhiệm vụ trọng tâm là:

**Một là**, xây dựng nền tảng vật chất và kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội, xây dựng các tiền đề kinh tế, chính trị, văn hóa, tư tưởng cho chủ nghĩa xã hội.

**Hai là**, cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới, kết hợp cải tạo và xây dựng, trong đó lấy xây dựng làm trọng tâm làm nội dung cốt yếu nhất, chủ chốt, lâu dài

## **CÂU 6: ĐẶC TRƯNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM (THEO QUAN ĐIỂM ĐẠI HỘI XI CỦA ĐẢNG)**

Xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là một xã hội:

- Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh;
- Do nhân dân làm chủ;
- Có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp;
- Có nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc;
- Con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện;
- Các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển;
- Có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo;
- Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới.

## **Chương 4**

### **CÂU 7: BẢN CHẤT NỀN DÂN CHỦ XHCN Ở VIỆT NAM?**

Dân chủ xã hội chủ nghĩa là bản chất của chế độ ta, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển đất nước. Tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội so với chủ nghĩa tư bản không chỉ ở chỗ xóa bỏ chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất, xóa bỏ phân hóa giai cấp, mà về chính trị, dân chủ xã hội chủ nghĩa phải vượt qua dân chủ tư sản, thực hiện quyền làm chủ thực sự của nhân dân.

#### **1. Quan niệm chung về dân chủ**

Theo nội dung dân chủ chính trị thì dân chủ là một phạm trù riêng lĩnh vực chính trị. Còn chế độ dân chủ là một hình thức nhà nước, một trong những hình thái của nhà nước. Dân chủ là một giá trị xã hội mang tính toàn nhân loại.



Dân chủ là một phạm trù lịch sử. Theo C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n, dân chủ là phương tiện tất yếu để con người đạt tới tự do, giải phóng toàn diện những năng lực vốn có của mỗi cá nhân, tức quyền con người được bảo đảm và thực hiện đầy đủ. Đặc trưng cơ bản của dân chủ là tất cả các công dân đều có quyền tham dự đời sống chính trị, quyền lực cao nhất của đất nước thuộc về đại diện của nhân dân; mọi công dân đều có quyền bình đẳng trước pháp luật.

Dưới chế độ nô lệ và phong kiến, tư tưởng thần quyền và phân biệt đẳng cấp hà khắc đã tước bỏ tự do, dân chủ của nhân dân. Giai cấp tư sản đã lật đổ chế độ chuyên chế quân chủ, xác lập chế độ nghị viện, phổ thông đầu phiếu, hai đảng (hoặc chế độ đa đảng), phân quyền, bình quyền..., đây là những nội dung chủ yếu của chế độ dân chủ tư sản. Dân chủ tư sản được xây dựng trên cơ sở phủ định chế độ chuyên quyền phong kiến, vì thế, trong sự phát triển chung của lịch sử, nó có những đóng góp tích cực, thể hiện sự tiến bộ nhất định. Nhưng dân chủ tư sản xây dựng trên cơ sở chiếm hữu tư nhân về tư liệu sản xuất, chỉ những nhà tư bản lớn mới là những người nắm giữ vai trò quyết định, cũng có nghĩa dân chủ không bao giờ thuộc về quảng đại nhân dân. Do đó, dân chủ xã hội chủ nghĩa mới thực sự là nền dân chủ ưu việt, phát triển cao hơn dân chủ tư sản.

Lịch sử phát triển dân chủ trong xã hội nhân loại chứng minh, mỗi một quốc gia có quyền lựa chọn chế độ dân chủ phù hợp, không nhất thiết mô phỏng chế độ dân chủ của quốc gia khác. Chế độ dân chủ của một quốc gia phù hợp với đặc điểm lịch sử, văn hóa, thể chế chính trị, kinh tế... của từng nước, đồng thời cần không ngừng hoàn thiện và phát triển. Một nền dân chủ ưu việt và đích thực chỉ khi nó do chính nhân dân lựa chọn và quyền làm chủ của nhân dân, các quyền con người, quyền công dân được tôn trọng và bảo vệ. Thực tiễn chứng minh, chế độ chính trị phương Tây cũng đầy rẫy những bất công và tình trạng vi phạm dân chủ, không “hoàn hảo”, khác với nhiều người vẫn ra sức tán dương, ca tụng (?!). Trái lại, một số quốc gia đã phải trả giá đắt cho việc bê nguyên xi mô hình dân chủ phương Tây, dẫn tới những bất ổn, thậm chí rơi vào vòng xoáy của khủng hoảng và nội chiến kéo dài.

## **2. Nâng cao nhận thức và phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa ở nước ta**

Thực hiện dân chủ nhân dân là yêu cầu nhất quán của Đảng Cộng sản Việt Nam. Từ ngày thành lập tới nay, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn nhấn mạnh quyền làm chủ của nhân dân. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định, dân chủ có nghĩa “dân là chủ” và “người dân làm chủ”, cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, quần chúng là động lực của cách mạng. Chính quần chúng nhân dân là lực lượng cách mạng đông đảo nhất trực tiếp thực hiện đường lối cách mạng, biến đường lối cách mạng của Đảng thành hiện thực. Người nói, trong bầu trời không có gì quý bằng nhân dân, “Nước ta là nước dân chủ, địa vị cao nhất là dân, vì dân là chủ”.

Ngay từ những ngày đầu mới giành được chính quyền về tay nhân dân sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: *“NƯỚC TA LÀ NƯỚC DÂN CHỦ./ Bao nhiêu lợi ích đều vì dân./ Bao nhiêu quyền hạn đều của dân./ Công việc đổi mới, xây dựng là trách nhiệm của dân./ Sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc là công việc của dân./ Chính quyền từ xã đến Chính phủ Trung ương do dân cử ra./ Đoàn thể từ Trung ương đến xã do dân tổ chức nên./ Nói tóm lại, quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân”*. Trong lãnh đạo đấu tranh cách mạng, trải qua cuộc cách mạng giải phóng dân tộc và sau đó là cách mạng dân chủ nhân dân, cách mạng xã hội chủ

nghĩa, Đảng ta luôn chú trọng xây dựng chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền dân chủ của nhân dân trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội.

Đại hội VI của Đảng nhấn mạnh chủ trương phát huy dân chủ để tạo động lực mạnh mẽ cho phát triển đất nước “trong toàn bộ hoạt động của mình, Đảng phải quán triệt tư tưởng “lấy dân làm gốc”, xây dựng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân lao động”. Phát huy tinh thần của Đại hội VI, các kỳ đại hội tiếp theo cũng nhấn mạnh “sự nghiệp cách mạng là của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân” và nhiệm vụ quan trọng trong sự nghiệp cách mạng là “xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân”. Trong công cuộc đổi mới, Đảng ta luôn nhấn mạnh nhân dân làm chủ là bản chất của chủ nghĩa xã hội, kiên định nguyên tắc tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân, không ngừng thúc đẩy đổi mới chính trị, xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và đã đạt được những thành tựu to lớn. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) đã nêu rõ: “Dân chủ xã hội chủ nghĩa là bản chất của chế độ ta, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển đất nước. Xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm dân chủ được thực hiện trong thực tế cuộc sống ở mỗi cấp, trên tất cả các lĩnh vực. Dân chủ gắn liền với kỷ luật, kỷ cương và phải được thể chế hóa bằng pháp luật, được pháp luật bảo đảm”.

Nội dung cơ bản của dân chủ xã hội chủ nghĩa là tất cả quyền lực thuộc về nhân dân. Hiến pháp năm 2013 quy định: Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Tất cả quyền lực của nhà nước thuộc về nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức.

Ở Việt Nam, nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa quản lý và vận hành nền kinh tế thị trường, bảo đảm đúng định hướng xã hội chủ nghĩa. Trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tăng trưởng kinh tế luôn gắn với bảo đảm công bằng, thực hiện tiến bộ xã hội, phát triển văn hóa, phát triển con người, nhằm mục đích nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân. Quá trình dân chủ hóa trong lĩnh vực kinh tế ngày càng mở rộng. Phát triển đa dạng các hình thức sở hữu, các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp... Công bằng trong phân phối theo kết quả lao động, hiệu quả kinh tế, đồng thời theo mức đóng góp vốn cùng các nguồn lực khác và phân phối thông qua hệ thống an sinh xã hội, phúc lợi xã hội. Quá trình mở rộng dân chủ kinh tế gắn liền với mở rộng dân chủ chính trị, thực hành ngày càng rộng rãi và thực chất quyền lực chính trị của nhân dân, thông qua cả phương thức ủy quyền gián tiếp và dân chủ trực tiếp.

Sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội là sự nghiệp của nhân dân, không có sự đoàn kết, sáng tạo của quần chúng nhân dân thì sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội sẽ thất bại. Dân chủ chính là biểu hiện quan điểm giá trị cốt lõi của chủ nghĩa xã hội, là nhân tố tạo ra sự ổn định, phát triển và thịnh vượng.

Nắm vững và xử lý tốt mối quan hệ giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ, trên cơ sở thượng tôn pháp luật, bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng - nhân tố quyết định là mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Nhân dân làm chủ là bản chất của chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa. Thượng tôn pháp luật sẽ bảo đảm tất cả các thành viên xã hội được bình đẳng về quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm. Đảng vừa là bộ phận cấu thành của hệ thống chính trị vừa là hạt nhân lãnh đạo hệ thống chính trị

và Đảng cũng phải hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật. Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng lãnh đạo có chức năng thể chế hóa quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng thành các văn bản quy phạm pháp luật đầy đủ và thống nhất. Nhân dân làm chủ thông qua các cơ quan đại diện và làm chủ trực tiếp qua cơ chế “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, giám sát”.

Nhận thức của Đảng ta về thực hành dân chủ ngày càng toàn diện và sâu sắc. Điều này thể hiện rõ hơn cả ở chỗ quyền công dân gắn với quyền con người được đề cao, tôn trọng và bảo vệ bằng pháp luật, tích cực thực hiện các công ước quốc tế liên quan quyền con người mà Việt Nam đã ký kết và tham gia; coi trọng dân chủ ở cơ sở, coi trọng phản biện xã hội, đề cao thượng tôn Hiến pháp và pháp luật.

Quyền con người là phẩm giá, nhu cầu, lợi ích và năng lực vốn có ở con người được pháp luật công nhận, nhằm thừa nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm thực hiện và thúc đẩy. Việt Nam đã xây dựng được các thể chế và thiết chế bảo đảm quyền con người, nhất là bảo đảm ngày càng tốt hơn các quyền chính trị, dân sự, các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa; quyền của nhóm thiểu số hoặc yếu thế, như người cao tuổi, phụ nữ, trẻ em, người khuyết tật, người dân tộc thiểu số, người có tín ngưỡng, tôn giáo. Công tác tuyên truyền, giáo dục, nghiên cứu về quyền con người có bước phát triển tích cực. Nhận thức về quyền con người được nâng cao hơn. Hợp tác quốc tế trên lĩnh vực quyền con người được đẩy mạnh. Đấu tranh phản bác kịp thời và hiệu quả các luận điệu xuyên tạc, sai trái, thù địch về vấn đề nhân quyền ở Việt Nam.

Thực hiện dân chủ ở cơ sở là bước tiến mở rộng dân chủ trực tiếp, nâng cao chất lượng dân chủ đại diện, đưa phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” vào cuộc sống ở cơ sở. Xây dựng và thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở đã góp phần tích cực thúc đẩy phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, giữ vững an ninh, trật tự ở cơ sở, góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đảng viên; không ngừng nâng cao năng lực quản lý, điều hành của các cơ quan nhà nước và trách nhiệm đội ngũ cán bộ, công chức; góp phần đổi mới phương thức hoạt động và nâng cao vai trò, uy tín của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể nhân dân.

Phản biện xã hội mang lại kết quả tích cực, phát huy và mở rộng dân chủ, là phương thức quan trọng để đạt đồng thuận xã hội. Tạo dựng thói quen thảo luận và bảo đảm quyền tự do ngôn luận để kích lệ cá nhân, các tổ chức tham gia thảo luận về các vấn đề quan trọng của quốc gia. Xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân bao hàm hoạt động giám sát và phản biện xã hội, nhất là phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội. Cần tiếp tục hoàn thiện hơn các quy định về quyền giám sát của nhân dân, cơ chế pháp lý bảo đảm cho nhân dân trực tiếp giám sát hoạt động của đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức và các tổ chức, cơ quan Đảng, Nhà nước.

Trong nhà nước pháp quyền, tính tối thượng của pháp luật được tôn trọng, mọi hành vi của tổ chức và cá nhân đều phải tuân theo Hiến pháp, pháp luật. Tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa trên cả 3 lĩnh vực: xây dựng pháp luật, chấp hành pháp luật và bảo vệ pháp luật. Tập trung xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật đồng bộ, hiện đại, khả thi, công khai, minh bạch, công bằng..., phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và yêu cầu hội nhập quốc tế sâu rộng.



Tuy nhiên, ở một số nơi, nhận thức và thực hành về dân chủ còn hạn chế, thực hiện dân chủ cơ sở còn hình thức, quyền làm chủ của nhân dân chưa hoàn toàn được tôn trọng và phát huy, chưa có cơ chế đầy đủ bảo đảm để nhân dân thực hiện vai trò chủ thể của quyền lực.

Nguyên tắc *“tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách”* trên thực tế ở một số nơi rơi vào hình thức. Còn tình trạng lạm quyền, lộng quyền, quan liêu, cửa quyền gây phiền hà cho nhân dân của một số cơ quan công quyền, cán bộ. Chậm trễ chế hóa các chủ trương của Đảng thành pháp luật, quy định... Hệ thống pháp luật của Việt Nam có mặt còn chưa đồng bộ, hay thay đổi gây khó khăn cho các cơ quan thi hành pháp luật và nhân dân, ảnh hưởng đến việc thực hành dân chủ trong xã hội... Những hạn chế đó cần sớm được khắc phục để nguyên tắc quyền lực thuộc về nhân dân và thực hành quyền làm chủ của nhân dân trong thực tiễn ngày càng rộng rãi và thực chất.

Trải qua 90 năm lãnh đạo cách mạng, Đảng ta luôn dựa vào dân, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, coi đó là mục tiêu và động lực của cách mạng. Đó cũng chính là bài học quý báu để Đảng ta vượt qua muôn vàn khó khăn, thử thách, để giành hết thắng lợi này đến thắng lợi khác. Bài học đó giữ nguyên giá trị trong quá trình lãnh đạo công cuộc đổi mới và hội nhập toàn cầu hiện nay.

Nguồn: <https://tapchicongsan.org.vn/web/guest/nguyen-cu/-/2018/817155/phan-huy-dan-chu-xa-hoi-chu-nghia-o-viet-nam-hien-nay.aspx>

## **CÂU 8: ĐẶC ĐIỂM NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM?**

### **1. Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam**

Ở Việt Nam, khái niệm “Nhà nước pháp quyền XHCN” lần đầu tiên được nêu ra tại Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VII (ngày 29/11/1991) và tiếp tục được khẳng định tại Hội nghị toàn quốc giữa nhiệm kỳ khoá VII của Đảng năm 1994 cũng như trong các văn kiện khác của Đảng. Tiếp theo là tại các Đại hội lần thứ X và XI của Đảng đã có bước phát triển về chất trong nhận thức về xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN ở nước ta.

Thể chế hoá quan điểm xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN của Đảng, Điều 2 Hiến pháp năm 2013 khẳng định: *“1. Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam là Nhà nước pháp quyền XHCN của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân; 2. Nước Cộng hòa XHCN Việt Nam do Nhân dân làm chủ, tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức; 3. Quyền lực nhà nước là thống nhất có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp”*.

Xuất phát từ bản chất Nhà nước của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân, Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam cần được xây dựng trên cơ sở đáp ứng các nguyên tắc sau:

- Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp;
- Thượng tôn Hiến pháp và pháp luật, mọi chủ thể trong xã hội đều phải tôn trọng và nghiêm chỉnh thực hiện pháp luật mà Hiến pháp là đạo luật tối cao, bộ luật gốc mang tính nền tảng;

- Khẳng định và bảo vệ quyền con người, quyền công dân, tôn trọng sự bình đẳng của mọi cá nhân trong thụ hưởng và phát triển quyền, không có sự phân biệt đối xử, trước tiên và chủ yếu trong việc tham gia vào công tác quản lý nhà nước và xã hội;
- Đảng Cộng sản Việt Nam hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật;
- Bảo vệ công lý, quyền con người, quyền công dân. Quyền và nghĩa vụ của công dân được pháp luật thừa nhận, tôn trọng và bảo đảm thực hiện, thúc đẩy trong khuôn khổ luật pháp.

Bản chất của Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam là nhà nước đặt dưới sự điều chỉnh tối cao của pháp luật. Do đó, pháp luật trong nhà nước pháp quyền phải bảo đảm tính công khai, minh bạch, khả thi và hiệu quả, bảo đảm nguyên tắc bình đẳng trước pháp luật và bảo vệ quyền con người.

## **2. Vị trí, vai trò của công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình trong xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam**

Trong hoạt động của bộ máy nhà nước, “công khai” nghĩa là mọi hoạt động của Nhà nước phải được công bố hoặc phổ biến, truyền tải trên các phương tiện thông tin đại chúng, làm cho mọi người dân có thể tiếp cận được các quyết định của Nhà nước một cách dễ dàng. “Minh bạch” nghĩa là không những phải công khai mà còn phải trong sáng, không khuất tất, không rắc rối, không gây khó khăn cho công dân trong tiếp cận thông tin. Minh bạch luôn phải gắn với trách nhiệm, đòi hỏi Chính phủ và đội ngũ cán bộ, công chức phải công khai quá trình thực hiện công việc cho các bên quan tâm. Ở góc độ này, minh bạch có mối quan hệ chặt chẽ với trách nhiệm, vì có trách nhiệm mới có xu hướng công khai và đảm bảo các điều kiện cho công khai.

Trách nhiệm giải trình được coi là một trong những yếu tố quan trọng của một nền chính trị dân chủ, giúp thiết lập và duy trì mối quan hệ giữa Nhà nước và người dân. Trong mô hình quản trị nhà nước, giải trình giúp người dân biết được “Nhà nước đang làm gì và đang làm như thế nào?”. Giải trình là một phần của quản trị nhà nước đồng thời là yếu tố giúp tăng tính hợp pháp cũng như độ tin cậy của Nhà nước trong mắt người dân. Do vậy, trách nhiệm giải trình được hiểu là nghĩa vụ cung cấp thông tin một cách đầy đủ, rõ ràng về những dữ liệu do mình tạo ra và phải chịu trách nhiệm về hoạt động đó. Với ý nghĩa đó, trách nhiệm giải trình của cơ quan nhà nước bao gồm 2 nội dung cơ bản đó là nghĩa vụ cung cấp, lý giải thông tin và phải gắn với trách nhiệm pháp lý của tổ chức, cá nhân giải trình.

Nhà nước pháp quyền XHCN là một mô hình nhà nước mà Việt Nam đang hướng tới, trong đó kết hợp giữa một số yếu tố cơ bản của “xã hội pháp quyền” với đặc thù của hệ thống chính trị nước ta, đó là hệ thống chính trị nhất nguyên, do một đảng chính trị là Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Tính nhất nguyên còn thể hiện ở chỗ, mặc dù có tiếp thu những yếu tố hợp lý của các học thuyết chính trị, pháp lý khác, song nền tảng tư tưởng về tổ chức, vận hành của bộ máy nhà nước và quản lý xã hội là chủ nghĩa Mác Lênin. Vì vậy, việc thực hiện công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình đóng một vai trò vô cùng quan trọng trong việc xây dựng và vận hành của một “xã hội pháp quyền” theo cả nghĩa rộng và nghĩa hẹp.

*Xã hội pháp quyền* theo nghĩa hẹp thể hiện ở việc hạn chế sự tùy tiện trong việc sử dụng quyền lực nhà nước, mà điều này đòi hỏi phải “ràng buộc quyền lực vào các đạo luật được xây dựng rõ ràng và chặt chẽ”. Đây chính là một đòi hỏi về sự công khai,

minh bạch và trách nhiệm giải trình trong thực thi pháp luật, để có thể “buộc các quan chức chính quyền và công dân phải hành xử phù hợp với pháp luật”.

*Xã hội pháp quyền* theo nghĩa rộng được hiểu là “một hệ thống/cơ chế mà trong đó không có chủ đề nào, ngay cả nhà nước, đứng trên pháp luật; nơi mà pháp luật bảo vệ các quyền cơ bản và tất cả mọi người đều có thể tiếp cận với công lý”. Hệ thống/cơ chế đó không thể xây dựng và vận hành được trong bối cảnh thiếu công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình. Để buộc mọi cá nhân, tổ chức, thiết chế, cả công và tư, đều phải tuân thủ pháp luật thì pháp luật phải được xây dựng một cách minh bạch, được công bố công khai, được áp dụng bình đẳng. Nguyên tắc thượng tôn pháp luật cũng đòi hỏi các chủ thể có liên quan chịu trách nhiệm trước pháp luật và trách nhiệm giải trình trước các chủ thể khác, từ đó mới có thể tạo lập sự tin cậy, tính công bằng trong áp dụng pháp luật, ngăn ngừa sự tùy tiện trong việc xây dựng và thực thi pháp luật.

Mặc dù không hoàn toàn đồng nhất với *xã hội pháp quyền*, nhưng do kết hợp nhiều yếu tố của “*xã hội pháp quyền*” nên công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình cũng có vị trí, vai trò rất quan trọng trong việc xây dựng và vận hành Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam. Cụ thể, vị trí, vai trò của công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình thể hiện rõ nhất qua việc những vấn đề này là cơ sở để hiện thực hoá hai đặc trưng cơ bản sau đây của Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam:

**Đặc trưng thứ nhất**, Nhà nước của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân, thể hiện quyền làm chủ của Nhân dân. Đặc trưng này có nghĩa là Nhà nước phải công khai, minh bạch và có trách nhiệm giải trình trước Nhân dân; nó cũng có nghĩa Nhân dân với tư cách là chủ thể lập nên Nhà nước-có quyền yêu cầu Nhà nước phải công khai, minh bạch cũng như phải báo cáo, chịu trách nhiệm trước Nhân dân về tổ chức và hoạt động của mình.

**Đặc trưng thứ hai**, quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp; có sự kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc thực hiện quyền lực nhà nước của Nhân dân thông qua các tổ chức xã hội. Trong đặc trưng này, việc các cơ quan nhà nước thực hiện công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình vừa là một yêu cầu, vừa là một điều kiện để Nhân dân có thể thực hiện quyền kiểm tra, giám sát của mình với hoạt động của các cơ quan.

### **3. Yêu cầu đặt ra đối với việc thực hiện công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình đáp ứng yêu cầu của xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam**

**Thứ nhất**, yêu cầu gắn vấn đề công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình trong tổ chức, hoạt động của các CQHCNN với việc kiểm soát quyền lực nhà nước.

Thực hiện công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình có thể kiểm soát được việc sử dụng quyền lực nhà nước một cách hiệu quả nhất, vì thế phải xem công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình như là một yếu tố cấu thành cốt lõi trong mọi chiến lược, kế hoạch, chính sách, pháp luật về kiểm soát quyền lực của bộ máy CQHCNN.

**Thứ hai**, yêu cầu về xây dựng, áp dụng các quy tắc ứng xử, đạo đức nghề nghiệp của cán bộ, công chức, viên chức hành chính.

Quy tắc ứng xử, đạo đức nghề nghiệp cần đưa ra những yêu cầu về thái độ, hành vi của cán bộ, công chức, viên chức hành chính khi thi hành công vụ. Đồng thời, các hình thức xử lý trách nhiệm cũng cần được quy định rõ và tương xứng nhằm đảm bảo thực hiện các quy tắc ứng xử, đạo đức nghề nghiệp trên thực tế. Mặt khác, cần giáo dục, nâng cao ý thức của cán bộ, công chức hành chính về thực hiện công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình và sự liêm chính. Mỗi cán bộ, công chức hành chính phải coi công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình trong thi hành công vụ là trách nhiệm của mình. Tính liêm chính thể hiện phẩm chất của mỗi người và cần được coi như một yêu cầu bắt buộc đối với cán bộ, công chức - những người công bộc của nhân dân và phải gương mẫu trước Nhân dân.

**Thứ ba,** yêu cầu bảo đảm sự tuân thủ pháp luật về công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình của các CQHCNN.

Bảo đảm sự tuân thủ pháp luật về công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình đòi hỏi các cơ quan nhà nước phải thực hiện nghiêm túc các quy định có liên quan của của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018, đặc biệt là quy định tại Điều 9, trong đó việc công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình phải bảo đảm chính xác, rõ ràng, đầy đủ, kịp thời theo trình tự, thủ tục của cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền và phù hợp với quy định của pháp luật. Tuân thủ pháp luật về công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình đòi hỏi áp dụng nhiều hình thức công khai khác nhau để các chủ thể có thể theo dõi, giám sát bộ máy nhà nước nói chung, các CQHCNN nói riêng. Bảo đảm sự tuân thủ pháp luật về công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình đòi hỏi phải nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị trong vấn đề này, thông qua việc chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân thuộc quyền quản lý thực hiện công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình và xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị người có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật đối với các trường hợp vi phạm pháp luật về công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình.

**Thứ tư,** yêu cầu bảo đảm công khai, minh bạch trong xây dựng chính sách, pháp luật.

Cần thực hiện nghiêm túc, hiệu quả việc tham vấn ý kiến người dân và doanh nghiệp về các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật; kết hợp với việc minh bạch hóa quá trình chuẩn bị, soạn thảo, trình, ban hành các chính sách, pháp luật của Nhà nước. Đồng thời, cần chú trọng rà soát, hệ thống hóa, công bố danh mục tài liệu bí mật nhà nước để ngăn ngừa, hạn chế việc lợi dụng bí mật nhà nước theo nguyên tắc: Công khai là tối đa, bí mật là tối thiểu.

Quản lý nhà nước không tách rời thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quyết định đối với các chủ thể quản lý. Vì vậy, cần hoàn thiện khung khổ pháp luật để tăng cường công tác kiểm tra việc thực hiện công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình ở các cơ quan, tổ chức, đơn vị hành chính, cũng như các quy định pháp luật điều chỉnh hoạt động của các ngành, các cơ quan, đơn vị hành chính nhằm đảm bảo sự công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình.

**Thứ năm,** yêu cầu về việc nâng cao trách nhiệm của các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện công khai, minh bạch.

Các cơ quan nhà nước cần thực hiện nghiêm quy định về công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình trong tổ chức và hoạt động, có trách nhiệm giải trình rõ những ý

kiến, kiến nghị của người dân về các vấn đề liên quan, đem lại hiệu quả cao nhất trong vấn đề này. Đồng thời, Nhà nước cần đẩy mạnh cải cách hành chính theo hướng đơn giản hóa để tạo thuận lợi nhất cho các tổ chức, cá nhân khi có yêu cầu giải quyết công việc; tạo điều kiện để người dân có thể giám sát và kiểm soát được hoạt động của cơ quan công quyền với phương châm lấy sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp làm thước đo của hiệu quả hành chính công.

**Thứ sáu,** yêu cầu về nâng cao trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức hành chính trong thực thi công vụ.

Việc này đòi hỏi phải tổ chức thực hiện tốt quy định của Luật Cán bộ, công chức; xây dựng và thực hiện chế độ, định mức công việc theo vị trí việc làm gắn với phân công rõ ràng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mỗi cán bộ, công chức hành chính. Việc đảm bảo công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình trong đánh giá cán bộ, công chức hành chính và sự minh bạch trong quản trị nhà nước sẽ tạo thuận lợi cho người dân giám sát hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, trong đó, việc xây dựng, thực hiện định mức theo vị trí việc làm và trách nhiệm công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình là điều kiện để xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức hành chính liêm chính, kỷ cương, trách nhiệm. Nhà nước cũng cần duy trì và nâng cao chất lượng quản lý hoạt động cơ quan hành chính theo tiêu chuẩn ISO hiện đã và đang áp dụng tại một số cơ quan, đơn vị. Ngoài ra, Nhà nước cần hoàn thiện và thực hiện các bộ quy tắc ứng xử, đạo đức công vụ để công dân có căn cứ giám sát hoạt động của cán bộ, công chức và cơ quan hành chính.

**Thứ bảy,** yêu cầu đảm bảo sự giám sát của người dân và quyền giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội.

Sự tham gia của Nhân dân vào quản trị nhà nước không chỉ làm cho các quyết định của Nhà nước được ban hành sát với thực tế, mà còn là cơ sở tăng cường sự minh bạch hoạt động của cơ quan nhà nước và đội ngũ cán bộ, công chức trong quá trình thực thi công vụ. Vì vậy, cần đảm bảo sự giám sát của người dân và quyền giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội trên thực tế. Ngoài ra, cần phát huy vai trò của báo chí và các phương tiện thông tin đại chúng trong việc cung cấp thông tin về tổ chức, hoạt động của bộ máy nhà nước nói chung, các CQHCNN nói riêng, tạo diễn đàn tranh luận cho công chúng và tạo dư luận để thúc đẩy tiến trình, nội dung minh bạch hóa hoạt động của bộ máy nhà nước nói chung, các CQHCNN nói riêng.

**Kết luận:** Quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam đang phải đối mặt với không ít khó khăn, thách thức. Yêu cầu đặt ra là Đảng phải luôn đảm bảo được tính chính đáng trong cầm quyền của mình thể hiện uy tín, sự tin tưởng, sự cuốn hút của Đảng đối với Nhân dân; tính hiệu quả trong lãnh đạo phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, đáp ứng yêu cầu, lợi ích của Nhân dân. Do đó, việc thực hiện công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình của các CQHCNN là điều kiện tiên quyết, có ý nghĩa to lớn đối với công cuộc xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam.

Nguồn: <http://lapphap.vn/Pages/tintuc/tinchitiet.aspx?tintucid=210628>



### CÂU 9: NỘI DUNG CƯƠNG LĨNH DÂN TỘC CỦA LÊNIN?

Cộng đồng dân tộc với tính cách là quốc gia dân tộc xuất hiện khi xã hội có sự phân chia giai cấp. Mối quan hệ giữa dân tộc và giai cấp trở thành một trong những mối quan hệ chính trị cơ bản trong xã hội và tác động, chi phối đến nhiều lĩnh vực khác của đời sống xã hội. Dựa trên quan điểm của C. Mác và Ph. Ăngghen về mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp; phân tích hai xu hướng khách quan trong phong trào dân tộc dưới chủ nghĩa tư bản; dựa vào kinh nghiệm của phong trào cách mạng thế giới, thực tiễn cách mạng nước Nga trong việc giải quyết vấn đề dân tộc, khôi phục và thống nhất các lực lượng cách mạng ở nước Nga những năm đầu thế kỷ XX, V.I. Lênin đã xây dựng “Cương lĩnh dân tộc”. Đây là cơ sở lý luận cho việc thực hiện các chủ trương, sách lược cách mạng của giai cấp công nhân đối với các vấn đề dân tộc trong cách mạng xã hội chủ nghĩa. Nội dung cơ bản của “Cương lĩnh dân tộc” thể hiện ở những nội dung cơ bản sau:

#### **Một là, các dân tộc hoàn toàn bình đẳng**

Quyền bình đẳng dân tộc là quyền của tất cả các dân tộc được hưởng những điều kiện và những khả năng như nhau đối với việc tự do phát triển các năng lực và thỏa mãn các nhu cầu của mình, có địa vị như nhau đối với tất cả các dân tộc. Theo V.I. Lênin, bình đẳng dân tộc về thực chất là xóa bỏ tình trạng người bóc lột người để từ đó xóa bỏ tình trạng dân tộc này có đặc quyền, đặc lợi so với dân tộc khác, dân tộc này đi áp bức dân tộc khác. Chính vì thế mà V.I. Lênin đã xem bình đẳng dân tộc là một nguyên tắc quan trọng và việc giải quyết nó là một bộ phận không thể thiếu trong cương lĩnh cách mạng nhằm thực hiện bình đẳng xã hội.

Quyền bình đẳng giữa các dân tộc bao gồm tất cả các lĩnh vực trong đời sống kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội. Đây là cơ sở pháp lý chung giải quyết các quan hệ dân tộc trên thế giới, trong khu vực hay trong một quốc gia. Điều đó được công pháp quốc tế và pháp luật quốc gia ghi nhận. Bình đẳng giữa các dân tộc cũng chính là kết quả đấu tranh của nhân dân lao động các nước trên thế giới.

Bình đẳng dân tộc phải được thể hiện trong nội dung kinh tế hay bình đẳng về kinh tế. Ở phương diện này, bình đẳng dân tộc phụ thuộc vào sự đồng đều về trình độ phát triển kinh tế của các dân tộc, cốt lõi là sự phát triển đồng đều về lực lượng sản xuất. Theo V.I. Lênin, lợi ích kinh tế gắn liền với lợi ích giai cấp, dân tộc, quốc gia. Bất cứ sự áp đặt nào trong hợp tác, giao lưu liên kết, bất kỳ đặc quyền kinh tế nào giành riêng cho các dân tộc, tộc người đều dẫn đến việc vi phạm lợi ích của các dân tộc, dẫn đến sự bất bình đẳng dân tộc.

Bình đẳng chính trị cũng là quyền của các dân tộc, tộc người. Bình đẳng về chính trị đóng vai trò là tiền đề, là điều kiện tiên quyết và là cơ sở để thực hiện quyền bình đẳng trên các lĩnh vực khác trong quan hệ giữa các dân tộc. Đối với các dân tộc bị áp bức, bị lệ thuộc, đấu tranh giành quyền bình đẳng về dân tộc, chính là điều kiện để có bình đẳng trên các phương diện khác của đời sống xã hội. Mọi biểu hiện của tư tưởng dân tộc cực đoan, sô vanh nước lớn, sự kỳ thị, phân biệt, đối xử giữa các dân tộc – tộc người; mọi biểu hiện nhằm can thiệp vào công việc nội bộ của các quốc gia, dân tộc đều vi phạm quyền bình đẳng chính trị của các quốc gia, dân tộc. Như vậy, bình đẳng

về chính trị là quyền của mỗi dân tộc tự quyết định vận mệnh của dân tộc mình, bao gồm: quyền lựa chọn chế độ, con đường phát triển của dân tộc mình, quyền quyết định chính sách dân tộc mình trong lĩnh vực quan hệ với các dân tộc khác.

Bình đẳng trên lĩnh vực văn hóa có tầm quan trọng đặc biệt và liên quan đến nhiều yếu tố dân tộc – tộc người. Chính trên lĩnh vực văn hóa, các yếu tố tộc người – những yếu tố mà nhờ đó phân biệt được dân tộc này với dân tộc khác – được biểu hiện đầy đủ nhất. Văn hóa của mỗi dân tộc tạo nên sức sống bền vững của mỗi dân tộc. Trong quan hệ dân tộc, văn hóa là một nhân tố có ý nghĩa quyết định địa vị bình đẳng của một dân tộc này với dân tộc khác. V.I. Lênin khẳng định “Đối với những người mác xít, vấn đề khẩu hiệu “văn hóa dân tộc” có một ý nghĩa to lớn, chẳng những vì nó xác định nội dung tư tưởng của toàn bộ công tác tuyên truyền và cổ động của chúng ta về vấn đề dân tộc, là công tác khác với công tác tuyên truyền tư sản, mà còn vì toàn bộ cái cương lĩnh về tự trị dân tộc về văn hóa trừ danh đều dựa trên khẩu hiệu đó”<sup>1</sup>. Vấn đề bình đẳng trong văn hóa phải luôn luôn gắn liền với bình đẳng về kinh tế, chính trị.

### **Hai là, các dân tộc có quyền tự quyết**

Quyền dân tộc tự quyết là quyền của các dân tộc tự mình định đoạt công việc và vận mệnh của mình. Quyền dân tộc tự quyết có thể biểu hiện ở những mức độ khác nhau, từ tự trị nội bộ đến tách ra thành các quốc gia dân tộc độc lập. Theo V.I. Lênin: *“Quyền dân tộc tự quyết hoàn toàn chỉ có nghĩa là các dân tộc có quyền độc lập chính trị, có quyền tự do phân lập, về mặt chính trị khỏi dân tộc áp bức họ”*.

Tuy nhiên, các dân tộc có quyền tự quyết không phải là các dân tộc tách ra mà chính là để các dân tộc xích lại với nhau trong quốc gia xã hội chủ nghĩa. Sức mạnh của khẩu hiệu đó là ở chỗ, nó gạt bỏ tất cả mọi sự nghi ngờ về mưu đồ xâm lăng của dân tộc này đối với dân tộc khác và nhằm chuẩn bị cho các dân tộc tiến đến sự liên minh tự nguyện vào một quốc gia xã hội chủ nghĩa bao gồm nhiều dân tộc. *“Chủ nghĩa xã hội có mục đích không những xóa bỏ tình trạng nhân loại bị chia thành những quốc gia nhỏ và xóa bỏ mọi trạng thái biệt lập giữa các dân tộc, không những làm cho các dân tộc gần gũi nhau mà cũng cần nhằm thực hiện việc hợp nhất các dân tộc lại... Nhân loại chỉ có trải qua thời quá độ của chuyên chính của giai cấp bị áp bức, mới có thể xóa bỏ được giai cấp, cũng giống như vậy, nhân loại chỉ có trải qua thời kỳ quá độ hoàn toàn giải phóng tất cả các dân tộc bị áp bức, nghĩa là thời kỳ các dân tộc được tự do phân lập, thì mới có thể đạt tới sự hợp nhất tất nhiên giữa các dân tộc”*.

### **Ba là, liên hiệp công nhân các dân tộc lại**

Liên hiệp công nhân các dân tộc lại là sự đoàn kết thống nhất giai cấp công nhân tất cả các dân tộc trên cơ sở có cùng địa vị kinh tế – xã hội, có sự thống nhất về lợi ích giai cấp, có cùng sứ mệnh lịch sử...; là liên minh quốc tế trong cuộc đấu tranh chống áp bức giai cấp và áp bức dân tộc, vì sự giải phóng dân tộc và xã hội. V.I. Lênin khẳng định: Việc giải phóng khỏi ách tư bản, việc xây dựng xã hội chủ nghĩa, cộng sản chủ nghĩa là nhiệm vụ quốc tế của tất cả những người vô sản, của tất cả nhân dân lao động các nước. Liên hiệp giai cấp công nhân tất cả các dân tộc chính là điều kiện giải quyết tốt các quan hệ dân tộc, thực hiện quyền bình đẳng và quyền dân tộc tự quyết trên thực tế.

Những nội dung cơ bản của “Cương lĩnh dân tộc” chính là cơ sở lý luận và cơ sở pháp lý để giải quyết các quan hệ dân tộc. Đặc biệt hiện nay, vấn đề dân tộc đang diễn

ra vô cùng phức tạp. Những xung đột dân tộc, tộc người, những mưu đồ đồng hóa dân tộc vẫn tiếp tục tồn tại dưới nhiều sắc thái tinh vi, nhiều quốc gia khu vực. Ở Việt Nam, những năm gần đây các thế lực thù địch cũng ráo riết lợi dụng vấn đề dân tộc, những khó khăn trong đời sống của đồng bào các dân tộc thiểu số, kích động bạo loạn, ly khai, chia rẽ khối đại đoàn kết các dân tộc. Việc giải quyết những tranh chấp hay mâu thuẫn liên quan đến dân tộc, đòi hỏi chúng ta phải nhận thức một cách đầy đủ, sâu sắc, sáng suốt, những quan điểm của V.I. Lênin về vấn đề dân tộc cũng như nội dung của “Cương lĩnh dân tộc”; phải đấu tranh kiên quyết làm thất bại mọi thủ đoạn lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo, nhân quyền. Nhận thức sâu sắc và vận dụng đúng đắn những nội dung cơ bản của “Cương lĩnh dân tộc” trong hoạt động thực tiễn chính là góp phần ổn định chính trị xã hội, phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Vận dụng những quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin và của Đảng cộng sản Việt Nam, tỉnh Bắc Kạn những năm qua đã giải quyết và thực hiện tốt công tác dân tộc trên địa bàn tỉnh. Nhìn chung, công tác dân tộc, chính sách dân tộc trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn được các cấp, các ngành quan tâm, tập trung chỉ đạo thực hiện, đã đem lại hiệu quả thiết thực, cơ sở hạ tầng được cải thiện, bước đầu đáp ứng nhu cầu phát triển sản xuất và phục vụ đời sống của đồng bào các dân tộc, nhất là hệ thống đường giao thông, điện sinh hoạt, trường học, trạm y tế... Các chính sách dân tộc đã tạo điều kiện trực tiếp cho các hộ đồng bào dân tộc thiểu số ở các khu vực khó khăn có điều kiện sớm thoát nghèo và ổn định cuộc sống, góp phần tích cực cho công tác xóa đói giảm nghèo bền vững. Tình hình an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững, ổn định.

Trong giai đoạn từ năm 2016 đến năm 2019, Ban Dân tộc đã tham mưu cho UBND tỉnh chỉ đạo các cấp, các ngành triển khai thực hiện và ban hành các chính sách phát triển kinh tế – xã hội vùng dân tộc và miền núi, ban hành một số chính sách, giải pháp thực hiện các đề án, quyết định cụ thể nhằm đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế xã hội và giải quyết kịp thời những vấn đề mới phát sinh ở vùng dân tộc miền núi trên địa bàn toàn tỉnh. Chỉ đạo triển khai có hiệu quả các chương trình, chính sách dân tộc như: Chính sách cấp một số ấn phẩm báo, tạp chí cho vùng dân tộc thiểu số; hỗ trợ trực tiếp cho người dân thuộc hộ nghèo vùng khó khăn; hỗ trợ phát triển kinh tế – xã hội vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2017 – 2020; chính sách đối với người có uy tín; giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong đồng bào các dân tộc thiểu số giai đoạn 2015-2025.

Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020, những năm qua, Ban Dân tộc tỉnh Bắc Kạn đã thực hiện tốt vai trò tham mưu, giúp UBND tỉnh tổ chức, triển khai thực hiện Chương trình 135 trên địa bàn tỉnh. Triển khai thực hiện tốt các dự án như: Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng đã có nhiều công trình giao thông, thủy lợi, điện, trường lớp học, trạm y tế, nhà sinh hoạt cộng đồng, nước sinh hoạt tập trung và duy tu, bảo dưỡng công trình sau đầu tư, đồng thời, được sự quan tâm, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền, Chương trình 135 giai đoạn 2016 – 2020 đã được triển khai sâu rộng, đúng đối tượng và tạo được sự đồng thuận cao trong nhân dân, đặc biệt là đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng đặc biệt khó khăn. Các công trình giao thông, thủy lợi, trường học được đầu tư xây dựng đã phát huy tốt hiệu quả, thúc đẩy việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh Bắc Kạn. Trình độ phát triển sản xuất từng bước được nâng cao, thông qua các dự án, mô hình phát triển sản xuất



người dân đã biết áp dụng khoa học kỹ thuật vào trong quá trình sản xuất và tiếp cận dần với sản xuất hàng hóa...

Kết quả, toàn tỉnh đã đầu tư cơ sở hạ tầng được 758 công trình giao thông nông thôn phục vụ sản xuất, kinh doanh và dân sinh; cải tạo, xây mới các công trình thủy lợi nhỏ; công trình cung cấp điện phục vụ sinh hoạt và sản xuất; trạm chuyển tiếp phát thanh xã, nhà văn hóa, nhà sinh hoạt cộng đồng; công trình y tế, trường, lớp học; công trình phục vụ nước sinh hoạt cho người dân. Thực hiện duy tu bảo dưỡng 642 công trình giao thông, thủy lợi, điện, công trình văn hóa. Tổ chức tập huấn nâng cao năng lực được 179 lớp, 05 cuộc tham quan, học tập với 9.447 lượt học viên tham gia và trên 95% lượt học viên là người dân tộc thiểu số... Công tác dân tộc và chính sách dân tộc trên địa bàn toàn tỉnh đã cải thiện và nâng cao đời sống của đồng bào các dân tộc tỉnh Bắc Kạn, góp phần thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ, mục tiêu kinh tế – xã hội trong những năm qua.

*Nguồn: <https://truongchinhtribackan.gov.vn/tim-hieu-nhung-noi-dung-co-ban-trong-cuong-linh-dan-toc-cua-chu-nghia-mac-lenin/>*

## Chương 6

### **CÂU 10: SỰ BIẾN ĐỔI CỦA GIA ĐÌNH VIỆT NAM HIỆN NAY (QUY MÔ, KẾT CẤU, CHỨC NĂNG, QUAN HỆ TRONG GIA ĐÌNH)?**

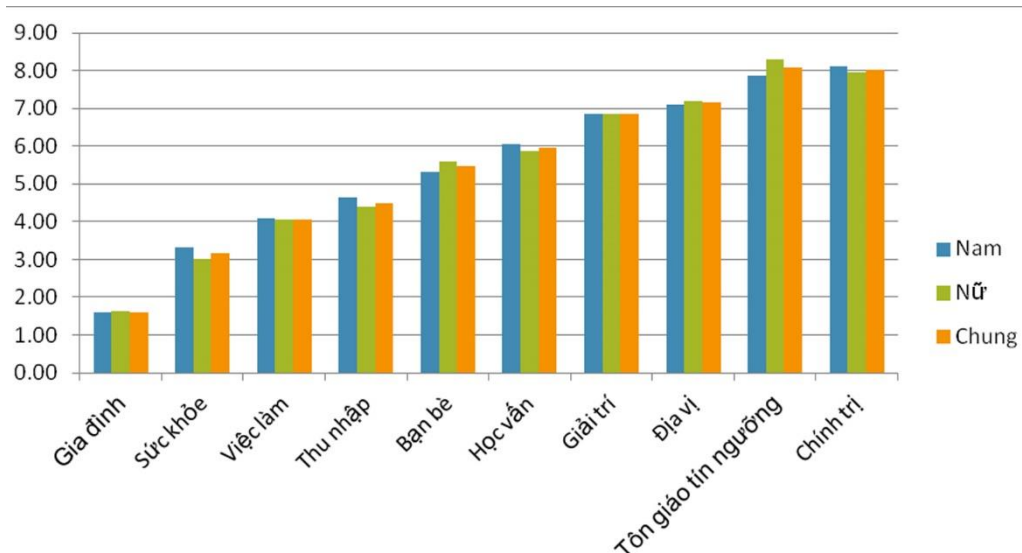
Trước tác động của bối cảnh mới hiện nay, các giá trị gia đình Việt Nam đang có những biến đổi nhất định cần được nhận biết, đánh giá, từ đó đưa ra những khuyến nghị chính sách phù hợp nhằm xây dựng gia đình tiến bộ, hạnh phúc, góp phần vào thành công của sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta.

Trong những thập niên qua, gia đình Việt Nam đã trải qua những biến chuyển quan trọng, từ gia đình truyền thống sang gia đình với những đặc điểm mới, hiện đại và tự do hơn. Quá trình hội nhập quốc tế, trong đó có hội nhập và giao lưu văn hóa làm xuất hiện những quan điểm cởi mở hơn về hôn nhân và gia đình Việt Nam.

#### **1. Gia đình là giá trị quan trọng hàng đầu.**

Người dân Việt Nam vốn coi gia đình là ưu tiên hàng đầu trong cuộc sống, sau đó là sức khỏe, việc làm, thu nhập, bạn bè, học vấn, thời gian giải trí, địa vị, tín ngưỡng tôn giáo và chính trị (Biểu 1). Khái niệm gia đình ở đây là mô hình gia đình truyền thống được xây dựng trên cơ sở hôn nhân.

*Biểu 1. Sắp xếp thứ tự ưu tiên trong cuộc sống theo giới tính*



Có thể thấy, gia đình và hôn nhân là một giá trị quan trọng ở Việt Nam và là thiết chế xã hội phổ biến. Phần lớn những người được hỏi vẫn khẳng định tầm quan trọng của hôn nhân, theo đó, thanh niên đến tuổi trưởng thành nhất thiết lập gia đình. Quan điểm của nhóm những người chưa kết hôn cho thấy xu hướng hôn nhân vẫn là xu hướng chủ đạo trong tương lai (với 80.5% số người chưa kết hôn cho biết sẽ “kết hôn, có gia đình”, 46.2% cho rằng “thanh niên đến tuổi trưởng thành phải lập gia đình”; tỷ lệ người đồng ý với việc sống độc thân thấp hơn nhiều so với số người không đồng ý).

## 2. Gia đình Việt Nam trong quá trình vừa bảo lưu các giá trị truyền thống, vừa tiếp thu yếu tố hiện đại

Trong số các giá trị đạo đức, tâm lý, tình cảm của gia đình, giá trị chung thủy là giá trị rất được coi trọng trong quan hệ hôn nhân và gia đình, được người dân đánh giá cao nhất, sau đó là đến các giá trị tình yêu thương, bình đẳng, có con, chia sẻ việc nhà, hòa hợp, có thu nhập. Kết quả khảo sát cho thấy, có tới 41,6% coi chung thủy là “quan trọng”, và 56,7% coi chung thủy là “rất quan trọng” trong hôn nhân. Đồng thời, nghiên cứu cho thấy hiện tượng bảo lưu những tiêu chuẩn kép khắt khe với phụ nữ và xu hướng vị tha hơn cho nam giới trong vấn đề chung thủy (giá trị “chung thủy quan trọng hơn với phụ nữ” có tỷ lệ đồng ý cao là 66,2%). Điều này cho thấy, chung thủy vẫn là thước đo phẩm giá của người phụ nữ khi họ được kỳ vọng là nhân tố giữ gìn cho sự êm ấm, tốt đẹp của gia đình và xã hội.

Giá trị tình yêu là một giá trị bảo đảm sự bền vững của hôn nhân, nhất là hôn nhân hiện đại dựa trên tình yêu để kết hôn. Kết quả nghiên cứu cho thấy, không có sự khác biệt theo giới tính, tuổi, học vấn trong đánh giá tầm quan trọng của tình yêu với sự gắn kết hôn nhân (trong số người được khảo sát có 89,7% số người được hỏi cho rằng tình yêu là quan trọng và rất quan trọng). Thực tế khảo sát cũng cho thấy tỷ lệ người đánh giá thấp tiêu chí này nhất thuộc về nhóm người trẻ nhất, người dân tộc Kinh, người đi làm, người sống ở đô thị, ở các khu vực có đời sống kinh tế phát triển và mức độ hiện đại hóa cao.

Bình đẳng là một giá trị của xã hội hiện đại. Đa số người dân đánh giá khá cao tầm quan trọng của bình đẳng, cho thấy gia đình Việt Nam đang thích ứng với sự thay đổi của xã hội hiện đại, ủng hộ bình đẳng giới trong quan hệ vợ chồng. Cùng với đó là những thay đổi trong quan niệm về việc sống chung hoặc riêng trong gia đình. Sự xuất

hiện các nhân tố mới, như di cư lao động, tôn trọng tự do cá nhân, sự độc lập về kinh tế giữa bố mẹ và con cái trong đời sống gia đình hiện đại cũng góp phần làm chuyển dịch từ gia đình lớn nhiều thế hệ (ông bà - cha mẹ - con cháu) sang gia đình nhỏ (1 hoặc 2 thế hệ).

Hiện nay, các gia đình ngày càng nhận thức cao về tầm quan trọng của trách nhiệm, chia sẻ trong đời sống gia đình. Đó là việc chia sẻ những mối quan tâm, lắng nghe tâm tư, suy nghĩ của các thành viên trong gia đình. Các gia đình có mức độ hiện đại hóa càng cao, mang nhiều đặc điểm hiện đại, như sống ở đô thị, có việc làm, có học vấn cao, mức sống cao, các khu vực kinh tế phát triển hơn thì các giá trị chia sẻ và trân trọng càng được các cặp vợ chồng thể hiện rõ. Tuy nhiên thực tế cho thấy, người phụ nữ vẫn chưa bình đẳng thực sự với nam giới, thể hiện trong tỷ lệ được người chồng chia sẻ, lắng nghe tâm tư và chia sẻ suy nghĩ. Các gia đình được khảo sát ở khu vực Đông Nam Bộ đạt điểm số trung bình cao nhất trong các hoạt động chia sẻ, lắng nghe những mối quan tâm, tâm tư của vợ/chồng. Còn nhóm nữ giới, dân tộc thiểu số, có mức sống thấp, ở nông thôn, học vấn thấp thì có tỷ lệ cao trong việc cho rằng bạn đời coi thường hoặc đánh giá thấp việc ứng xử hằng ngày hoặc đóng góp của họ đối với gia đình.

### **3. Các giá trị truyền thống và xu hướng dịch chuyển sang các giá trị hiện đại trong tiêu chuẩn lựa chọn bạn đời**

Cùng với việc coi trọng giá trị gia đình, các tiêu chuẩn lựa chọn bạn đời của người Việt Nam vẫn nghiêng về các giá trị truyền thống nhưng đang có xu hướng dịch chuyển sang các giá trị mang tính cá nhân và hiện đại. Có thể thấy, tiêu chuẩn lựa chọn bạn đời của người dân được khảo sát ưu tiên các phẩm chất về tư cách, đạo đức hơn là các tiêu chuẩn về ngoại hình hay tiêu chuẩn về kinh tế. Tiêu chuẩn đầu tiên của lựa chọn bạn đời là người đó “có tư cách đạo đức tốt” (chiếm 66,7%), tiếp theo là tiêu chuẩn “biết cách ứng xử” (chiếm 45%), tiêu chuẩn “khỏe mạnh” đứng thứ 3 trong các tiêu chuẩn lựa chọn bạn đời (chiếm 36,1%). Các tiêu chuẩn liên quan đến điều kiện kinh tế, vật chất được lựa chọn nhưng với tỷ lệ thấp, như biết cách làm ăn (chiếm 28,6%), có nghề nghiệp ổn định (chiếm 12,9%). Trong các nhóm tiêu chí lựa chọn bạn đời hiện nay, tiêu chí tình yêu được người trả lời đề cập đến cao nhất. Điều này nói lên rằng những giá trị về tiêu chuẩn lựa chọn bạn đời đã có sự chuyển đổi rõ nét từ giá trị truyền thống sang các giá trị hiện đại. Khi cá nhân được giải phóng thì yếu tố tình cảm và sự tự do lựa chọn hôn nhân được đề cao. Vì thế, hôn nhân đã chuyển dần từ thể chế kinh tế là chính sang thể chế tâm lý là chính. Tiêu chuẩn lựa chọn gia đình tương đồng về điều kiện kinh tế, địa vị xã hội “gia đình môn đăng hộ đối” hầu như không còn là giá trị cần chú ý trong thang tiêu chuẩn lựa chọn bạn đời. Nghiên cứu cũng cho thấy, tiêu chuẩn nội hôn, hôn nhân cùng nhóm xã hội/tộc người/tôn giáo trong xã hội truyền thống không còn là tiêu chí hàng đầu. Có đến 69% số người được hỏi cho rằng tiêu chuẩn người “cùng làng, cùng địa phương” không quan trọng; 64,1% cho rằng “cùng dân tộc, cùng tôn giáo” không phải là những tiêu chí quan trọng trong lựa chọn người yêu. Quá trình này tạo nên sự di động xã hội nhanh và đa dạng. Bên cạnh đó, nhiều loại hình nghề nghiệp xuất hiện và sự phát triển của công nghệ thông tin là những yếu tố thúc đẩy việc hình thành hôn nhân giữa các tiểu văn hóa (dân tộc, vùng, miền) và giữa các nền văn hóa (hôn nhân có yếu tố nước ngoài).

Như vậy, có thể thấy, nếu chia tiêu chuẩn lựa chọn bạn đời theo nhóm giá trị cá nhân (tình yêu, hình thức, thu nhập, công việc, học vấn) và giá trị tập thể (gia đình tương đồng, sự chấp thuận của bố mẹ, cùng địa phương, cùng dân tộc) thì các giá trị cá nhân trong chọn lựa bạn đời là xu hướng nổi bật hiện nay, nhất là với nhóm có đặc điểm hiện đại, như học vấn cao, sống ở thành thị.

#### **4. Gia đình truyền thống và mức độ chấp nhận cởi mở dần với một số hiện tượng hôn nhân gia đình mới**

Các kiểu loại gia đình mới như hôn nhân đồng giới, chung sống không kết hôn, làm mẹ đơn thân, tùy từng giai đoạn, thường rất hiếm hoặc không có trong truyền thống nhưng lại có xu hướng gia tăng trong các xã hội đang chuyển đổi từ xã hội nông nghiệp sang xã hội công nghiệp, hiện đại. Ở Việt Nam hiện nay, một bộ phận người dân, chủ yếu là người dân tộc Kinh, trẻ tuổi, học vấn cao, ở thành thị có tỷ lệ chấp nhận những kiểu loại gia đình mới cao hơn, tuy rằng có thể chưa thực sự hiểu rõ những hệ quả tiêu cực của nó.

Với những thay đổi lớn trong kinh tế, xã hội và hội nhập quốc tế, những hình thức hôn nhân gia đình mới ủng hộ tính cá nhân có xu hướng tăng. Nghiên cứu cho thấy 38,5% người trả lời chấp nhận sống độc thân - mức độ này được chấp nhận cao hơn ở nữ giới và nhóm xã hội mang nhiều đặc điểm hiện đại; 28,4% có nhu cầu, mong muốn sống thử trước khi kết hôn; 58,3% không ủng hộ sống thử. Tỷ lệ này cho thấy nhóm người vẫn theo khuôn mẫu truyền thống trong kết hôn tuy vẫn chiếm tỷ lệ cao nhưng không mang tính gần như tuyệt đối như trong xã hội truyền thống trước đây.

Gần đây, hôn nhân đồng giới là vấn đề gây ra tranh cãi gay gắt giữa những người ủng hộ và không ủng hộ. Hôn nhân đồng tính mới được chấp nhận dè dặt, chỉ có 27,7% người đồng ý, phần lớn ở nhóm mang nhiều đặc điểm hiện đại.

Trong xã hội Việt Nam truyền thống, người phụ nữ không lấy chồng nhưng có con thường phải chịu sự lên án gay gắt của xã hội, cộng đồng và gia đình. Hiện nay, hôn nhân vẫn là quyết định hệ trọng trong cuộc đời của người phụ nữ. Tuy vậy, cùng với sự tiếp nhận văn hóa phương Tây cộng với quyền cá nhân ngày càng được pháp luật bảo vệ, người phụ nữ ngày càng có quyền quyết định việc kết hôn và có con. Quyền làm mẹ không chỉ thể hiện sự biến đổi trong nhận thức mà còn là biểu hiện của sự nhân văn trong bảo vệ quyền của phụ nữ.

#### **5. Gia đình hiện đại và xu hướng suy giảm tính tập thể, tính cộng đồng**

Quan hệ của gia đình với dòng họ trong xã hội Việt Nam hiện nay còn khá chặt chẽ, gắn kết, mức độ gắn kết mạnh mẽ hơn ở nhóm mang những đặc điểm truyền thống (như cao tuổi, học vấn thấp, nghèo, cư trú ở nông thôn); thể hiện ở số gia đình đồng ý cao với nhận định mỗi gia đình, thành viên cần luôn gắn kết với dòng họ để giúp đỡ lẫn nhau, đạt điểm trung bình 4,04 theo thang đo 5 điểm, coi trọng việc giữ gìn nề nếp gia phong cho con cháu, đạt điểm trung bình 4,17 theo thang đo 5 điểm.

Thực tế cho thấy có xu hướng suy giảm tính tập thể, tính cộng đồng theo mức độ hiện đại hóa. Ở một chừng mực nhất định, những giá trị truyền thống về tình làng nghĩa xóm vẫn được duy trì. Điều này cho thấy tính liên tục của các giá trị văn hóa nhưng cũng đã có những biểu hiện mới ở thế hệ trẻ về thái độ đối với quan hệ tình cảm và quan hệ vật chất giữa các thành viên trong gia đình và cộng đồng. Trong khi người cao tuổi đề cao việc ứng xử có lễ nghĩa, có trước có sau trong mọi hoàn cảnh thì nhiều

thanh niên lại gắn khía cạnh kinh tế với khía cạnh tình cảm, hạnh phúc gia đình. Họ cho rằng không thể có hạnh phúc nếu khó khăn về kinh tế.

So với điểm trung bình về mức độ gắn kết với dòng họ, mức độ gắn kết giữa gia đình với cộng đồng thấp hơn. Chẳng hạn, điểm trung bình về nhận định “bạn bè xóm giềng giúp đỡ bất cứ khi nào tôi cần” là 3,52/5 điểm, khá thấp so với nhiều giá trị về quan hệ gắn kết với cha mẹ, anh chị em và dòng họ. Một chiều quan hệ khác của gia đình với cộng đồng là mức độ tham gia các hoạt động cộng đồng của gia đình và thành viên gia đình. Kết quả cho thấy, điểm trung bình tham gia các hoạt động cộng đồng là 3,54, trên ngưỡng trung bình một chút, cho thấy, tính cộng đồng của người dân Việt Nam đang trên đà suy giảm.

Tình làng nghĩa xóm theo nghĩa được giúp đỡ, hỗ trợ thể hiện nhiều hơn ở nhóm các gia đình mang đặc điểm hiện đại thấp hơn. Điểm trung bình về mức độ sẵn sàng hy sinh lợi ích vì cộng đồng của gia đình Việt Nam trong diện được khảo sát là 3,60, không quá cao, nhưng cũng không quá thấp. Điều đáng chú ý là, mức độ sẵn sàng vì tập thể, vì cái chung cao hơn ở khu vực có mức độ hiện đại thấp hơn, tức là khu vực còn duy trì tính cộng đồng cao hơn. Mức độ sẵn sàng hy sinh lợi ích cá nhân vì cái chung giảm dần theo đoàn hệ tuổi, cho thấy càng nhóm trẻ, mức độ chấp nhận tính cộng đồng, tính tập thể càng thấp, tính cá nhân càng cao. Chiều hướng này cũng tương tự nếu nhìn theo mức độ chấp nhận hy sinh lợi ích cá nhân vì cái chung theo trình độ học vấn của người trả lời và mức sống. Sự chấp nhận giá trị cộng đồng, giá trị tập thể cao hơn ở những nhóm có đặc điểm truyền thống hoặc yếu thế hơn.

Như vậy, các kết quả nghiên cứu về giá trị gia đình Việt Nam hiện nay cho thấy có sự dịch chuyển từ các giá trị gia đình truyền thống sang giá trị gia đình hiện đại, đồng thời có sự bền vững tương đối của văn hóa trong quá trình hiện đại hóa.

## **6. Một số khuyến nghị chính sách trong bối cảnh mới**

Các yếu tố ảnh hưởng đến giá trị gia đình hiện nay bao gồm các yếu tố liên quan đến thể chế, văn hóa và hội nhập quốc tế. Sự phát triển mạnh mẽ về kinh tế, văn hóa, xã hội giúp giải phóng sức lao động, nhất là lao động làm việc nhà cho người dân, trong đó có phụ nữ. Điều này giúp các gia đình có nhiều thời gian chăm sóc bản thân, gia đình, có nhiều cơ hội hơn để thực hiện các hoạt động giải trí, tiếp thu các kiến thức văn hóa, xã hội mới từ các phương tiện thông tin đại chúng. Nhờ đó, hiểu biết về những nếp sống văn minh, quan điểm hiện đại về hôn nhân và gia đình được nâng cao, từng bước thấm thấu vào đời sống gia đình Việt Nam.

Hiện nay, Cách mạng công nghiệp lần thứ tư có những ảnh hưởng trực tiếp đến quan hệ hôn nhân và gia đình Việt Nam. Việc bùng nổ các thiết bị thông minh khiến cá nhân dễ dàng chìm đắm trong thế giới ảo và giảm các giao tiếp trực tiếp trong gia đình, trong xã hội, khiến lối sống, cảm xúc, ứng xử, hệ giá trị của con người và đặc biệt là sự duy trì các quan hệ xã hội có thể bị đảo lộn. Trí tuệ nhân tạo và tự động hóa, một mặt, mang lại tiềm năng lớn giải phóng sức lao động của con người, mặt khác, tạo nên một thế giới tình yêu, hôn nhân ảo, như hẹn hò trực tuyến, thậm chí là rô-bốt tình dục... dẫn đến nguy cơ tạo ra một thế hệ trẻ không cần tình yêu, không cần gia đình, không cần con cái, từ đó đe dọa trực tiếp đến sự tồn tại và bền vững của các quan hệ gia đình trong thế giới thực. Thực tế, một số quốc gia trên thế giới đã ghi nhận hiện tượng nam giới hẹn hò và cưới rô-bốt tình dục hoặc một thế hệ trẻ đắm chìm trong thế giới công



nghệ mà lảng tránh đời sống thực. Số liệu khảo sát những biến đổi về quan niệm hôn nhân trong xã hội hiện đại cho thấy 28,4% muốn sống chung trước khi kết hôn và 13,3% thích sống độc thân và không có ý định kết hôn. Đây là một nét rất mới của bối cảnh chuyển đổi khiến cho cấu trúc của gia đình, dòng họ và mối quan hệ gia đình có nhiều biến đổi.

Trong bối cảnh các giá trị gia đình vẫn là giá trị được người dân ưu tiên hàng đầu trong cuộc sống cũng như quy mô, cơ cấu, chức năng gia đình đang thay đổi theo hướng hiện đại hóa, cá nhân hóa, hạt nhân hóa, cần đẩy mạnh thực hiện một số giải pháp sau:

**Một là,** tăng cường các hoạt động tuyên truyền, truyền thông về bình đẳng giới.

Tiếp tục tuyên truyền, phổ biến và hỗ trợ phụ nữ tự thoát khỏi các định kiến xã hội từ cộng đồng và từ chính bản thân về những khắt khe trong hành vi hôn nhân và gia đình, hướng phụ nữ tới những giá trị được tôn trọng, được bình đẳng trong tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe và giáo dục, được tự thể hiện bản thân, được hạnh phúc, đồng thời đóng góp ngày càng nhiều cho xã hội trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa...

**Hai là,** xây dựng chính sách và dịch vụ xã hội bảo đảm sự tiếp cận công bằng, bình đẳng giữa các hình thức gia đình hiện nay, như chung sống không kết hôn, gia đình đơn thân, gia đình đồng tính, gia đình có hôn nhân với người nước ngoài, gia đình ly hôn/ly thân...

**Ba là,** phổ biến kết quả nghiên cứu về các giá trị gia đình mà người dân Việt Nam đang ủng hộ tới các nhà lập pháp, hoạch định chính sách, quản lý nhà nước về gia đình để nắm rõ thực tế các giá trị của gia đình hiện nay, đặc biệt là những khác biệt xã hội về giá trị gia đình thuộc các mức hiện đại hóa khác nhau, trong các bối cảnh văn hóa khác nhau. Quan tâm đến các giá trị của nhóm thuộc khu vực kém phát triển, có mức hiện đại hóa thấp để có thể giáo dục, tuyên truyền duy trì những giá trị truyền thống tốt đẹp đang bảo lưu rõ nét ở khu vực này. Đồng thời, có những hỗ trợ về dịch vụ xã hội, tư vấn xã hội cho các nhóm hiện đại, đang có xu hướng theo những giá trị hiện đại của gia đình để phát huy sự tự do cá nhân, cởi mở trong quan niệm, đồng thời hạn chế những tác động tiêu cực của chủ nghĩa cá nhân, lối sống hưởng thụ, ích kỷ.

**Bốn là,** xem xét xây dựng nội hàm mới cho mục tiêu xây dựng gia đình trong thời kỳ tới trên cơ sở những giá trị gia đình đã được định hình thông suốt và thống nhất về mặt nhà nước là “ấm no”, “bình đẳng”, “chung thủy”, “tiến bộ” và “hạnh phúc”. Trên thực tế, các giá trị này mang hàm nghĩa rộng mà đời sống xã hội hay trong quan niệm của nhân dân có thể còn những biểu hiện cụ thể hơn nữa, như giá trị của hôn nhân, gia đình, các biểu hiện của bền vững gia đình, giá trị con cái, tình thương yêu, hiếu thảo, đoàn kết cộng đồng, đồng thời bao hàm cả những biến đổi mạnh mẽ theo mức độ hiện đại hóa của các gia đình hiện nay. Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2030 nên xem xét bổ sung nội hàm mới cho mục tiêu xây dựng gia đình. Trong giai đoạn tới, Việt Nam nên chuyển mục tiêu từ “xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc thật sự là tế bào lành mạnh của xã hội” sang “xây dựng gia đình tiến bộ, hạnh phúc, phồn thịnh, là thiết chế quan trọng của các quá trình kinh tế - xã hội và nguồn nhân lực ổn định, chất lượng” để tiếp tục khẳng định vai trò quan trọng của gia đình

trong sự phát triển của xã hội, đặt gia đình trong mối quan hệ “động” hơn với các quá trình kinh tế - xã hội chung./.

Nguồn: [https://www.tapchiconsan.org.vn/web/guest/van\\_hoa\\_xa\\_hoi/-/2018/816737/nhung-bien-doi-cua-gia-dinh-viet-nam-hien-nay-va-mot-so-khuyen-nghi-chinh-sach.aspx](https://www.tapchiconsan.org.vn/web/guest/van_hoa_xa_hoi/-/2018/816737/nhung-bien-doi-cua-gia-dinh-viet-nam-hien-nay-va-mot-so-khuyen-nghi-chinh-sach.aspx)

## **Câu hỏi thêm**

### **CÂU 11: ĐẶC TRƯNG CỦA NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

#### **1. Những đặc trưng của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam**

**Một là, chủ quyền nhân dân**

*Khoản 1, khoản 2, Điều 2 Hiến pháp năm 2013 đã chỉ rõ:*

*“1. Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân”*

*“2. Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam do Nhân dân làm chủ; tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức”*

Với quy định trên, Hiến pháp năm 2013 đã chỉ rõ một đặc trưng rất quan trọng của Nhà nước pháp quyền Việt Nam đó là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và thể hiện rất rõ nguyên tắc cơ bản - nguyên tắc chủ quyền nhân dân. Chủ quyền nhân dân cũng là nội dung xuyên suốt được ghi nhận trong các bản Hiến pháp từ Hiến pháp năm 1946 đến Hiến pháp năm 2013. Các bản Hiến pháp đều chỉ rõ quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân, nhân dân là chủ thể tối cao của quyền lực nhà nước.

Tuy nhiên, cơ chế để chứng tỏ nhân dân là chủ thể tối cao của quyền lực nhà nước thể hiện trong các bản Hiến pháp trước đây còn nhiều điểm không phù hợp. Cụ thể Điều 6 Hiến pháp năm 1980 và Hiến pháp năm 1992 quy định tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân nhưng “Nhân dân sử dụng quyền lực Nhà nước thông qua Quốc hội và Hội đồng nhân dân”. Theo đó, tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân nhưng lại tập trung vào Quốc hội vì nhân dân không thực hiện được quyền lực nhà nước một cách trực tiếp nên đã trao toàn bộ quyền lực nhà nước của mình cho Quốc hội. Quốc hội được Hiến pháp năm 1980 xác định là cơ quan có toàn quyền.

Vì, ngoài 15 nhiệm vụ và quyền hạn được quy định từ khoản 1 đến 1 Điều 83, Hiến pháp 1980 còn quy định Quốc hội có thể định cho mình những nhiệm vụ và quyền hạn khác khi xét thấy cần thiết. Hiến pháp năm 1992, Điều 84 quy định QH chỉ có 14 nhiệm vụ quyền hạn (không còn là một QH toàn quyền như Hiến pháp năm 1980). Hiến pháp năm 2013, kế thừa nội dung của Hiến pháp năm 1980 và 1992 đồng thời có bổ sung “Nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước bằng dân chủ trực tiếp, bằng dân chủ đại diện thông qua Quốc hội, Hội đồng nhân dân và thông qua các cơ quan khác của Nhà nước.

Với quy định của Hiến pháp năm 2013, nhân dân với nghĩa là chủ thể tối cao của quyền lực nhà nước có thể thực hiện quyền lực bằng nhiều hình thức dân chủ trực tiếp hoặc đại diện, có thể thông qua Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp và thông qua các cơ quan nhà nước khác. Đúng như khẳng định của Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Sinh Hùng, quy định tại Điều 2, Hiến pháp năm 2013 “là một quy định nền tảng, chỉ rõ nguồn gốc, bản chất, mục đích và sức mạnh của quyền lực nhà nước ở nước ta là ở nhân dân”.

**Hai là**, hiệu lực pháp lý cao nhất của Hiến pháp so với các thiết chế khác trong xã hội:

*Khoản 1 Điều 119 Hiến pháp năm 2013 ghi nhận:*

*“Hiến pháp là luật cơ bản của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, có hiệu lực pháp lý cao nhất. Mọi văn bản pháp luật khác phải phù hợp với Hiến pháp. Mọi hành vi vi phạm Hiến pháp đều bị xử lý”*

Việc ghi nhận Hiến pháp là đạo luật có hiệu lực pháp lý cao nhất không phải là gượng ép mà xuất phát từ cơ sở chính trị pháp lý vững chắc. Ngay lời mở đầu của Hiến pháp đã chỉ rõ “Nhân dân Việt Nam xây dựng, thi hành và bảo vệ Hiến pháp này vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”. Như vậy, Hiến pháp do nhân dân chủ thể tối cao của quyền lực nhà nước xây dựng. Nhân dân tham gia xây dựng Hiến pháp bằng cách góp ý và xây dựng Hiến pháp thông qua hoạt động lập hiến của Quốc hội (cơ quan do nhân dân trực tiếp bầu ra). Trong Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam không một cơ quan nào, một thiết chế nào đứng trên Hiến pháp, đứng ngoài Hiến pháp. “Nhà nước được tổ chức và hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật, quản lý xã hội bằng Hiến pháp và pháp luật, thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ”. Hiệu lực pháp lý cao nhất của Hiến pháp còn thể hiện trình tự, thủ tục thông qua Hiến pháp. Theo đó, Hiến pháp chỉ được thông qua nếu có ít nhất 2/3 số đại biểu biểu quyết tán thành.

**Ba là**, Nhà nước quyền XHCN Việt Nam kế thừa chọn lọc học thuyết phân quyền. Trước hết, cần nhận thức rằng quyền lực nhà nước là thống nhất, thống nhất ở nhân dân và không thể phân chia. Nhưng để đảm bảo tính thống nhất đó thì có sự phân công trong việc thực hiện quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp ứng với ba cơ quan là cơ quan lập pháp, cơ quan hành pháp và cơ quan tư pháp. Ba cơ quan này hoạt động theo cơ chế phối hợp, kiểm tra, giám sát lẫn nhau tạo thành hệ thống đồng bộ đảm bảo sự thống nhất quyền lực nhà nước, thực hiện quyền lực nhân dân.

Có hai khía cạnh trong cấu trúc phân quyền đó là thực chất là sự phân chia quản lý nhà nước giữa các cơ quan nhà nước, không có cơ quan nào trong ba cơ quan thu tóm toàn bộ quyền lực trong tay. Không cho phép lấn át chức năng giữa các cơ quan trong nhà nước pháp quyền. Không tồn tại thứ quyền lực nào mà không bị quy định bởi Hiến pháp và pháp luật. Mặt khác, sự phân chia không phải là biệt lập, tuyệt đối mà là phân công, phối hợp thống nhất tạo điều kiện cho các cơ quan nhà nước chuyên sâu trong thực hiện quyền lực nhà nước, bảo đảm quyền lực nhân dân. Nhiều chuyên gia, nhà khoa học pháp lý ở trong và ngoài nước, qua quá trình nghiên cứu đều khẳng định rằng “sự phân chia quyền lực không những không làm ảnh hưởng đến thống nhất quyền lực mà còn là điều kiện đảm bảo cho sự thống nhất quyền lực”.



Nghiên cứu các quy định của Hiến pháp năm 2013 cho thấy việc phân công quyền lực nhà nước đã có sự rạch ròi. Quốc hội được xác định là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền lập hiến, lập pháp, quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước và giám sát tối cao đối với hoạt động của Nhà nước (Quốc hội không còn là duy nhất có quyền lập hiến như Hiến pháp năm 1992).

Chính phủ được quy định không chỉ là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất, cơ quan chấp hành của Quốc hội, mà còn là cơ quan thực hiện quyền hành pháp. Tòa án nhân dân được bổ sung là cơ quan “thực hiện quyền tư pháp”, ngoài quy định là cơ quan xét xử của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam như Hiến pháp năm 1992. Những quy định nêu trên thể hiện tính thống nhất với nguyên tắc tổ chức quyền lực của Nhà nước ta được ghi nhận ở Điều 2 của Hiến pháp năm 2013, không chỉ thể hiện sự phân công quyền lực nhà nước một cách mạch lạc mà còn nhằm đề cao trách nhiệm của tòa án trong việc thực hiện quyền tư pháp.

**Bốn là**, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam ghi nhận, tôn trọng quyền con người, quyền công dân. Trong Hiến pháp năm 1992, quyền nghĩa vụ của công dân được quy định tại chương V. Hiến pháp năm 2013 đã chuyển thành Chương II “Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân”. Việc chuyển vị trí của chương “Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân” từ vị trí thứ năm lên vị trí thứ hai cho thấy Hiến pháp đã đề cao vai trò của các quyền con người, quyền của công dân trong nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Đồng thời, lần đầu tiên, quyền con người được ghi nhận theo nghĩa là độc lập với quyền công dân trong Hiến pháp. Quyền công dân gắn liền với một nhà nước còn quyền con người gắn vượt qua phạm vi của một nhà nước và mang tính phổ biến toàn cầu.

Vì thế, việc ghi nhận quyền con người thể hiện tinh thần chủ động hội nhập quốc tế của Việt Nam, thể hiện sự tôn trọng, ghi nhận vào bảo vệ quyền của con người, quyền công dân. Nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam không chỉ bảo vệ quyền công dân mà còn bảo vệ quyền con người. Sự tôn trọng quyền con người, quyền công dân còn được thể hiện ở khía cạnh nguồn gốc của quyền con người, quyền công dân là tự nhiên có. Theo đó, Nhà nước có nghĩa vụ tôn trọng và bảo vệ mà không phải là quy định mới có. Đây là điểm đột phá trong Hiến pháp năm 2013 so với các Hiến pháp trước đây. Cụ thể, Điều 50, Hiến pháp năm 1992 quy định “Ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các quyền con người về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hoá và xã hội được tôn trọng, thể hiện ở các quyền công dân và được quy định trong Hiến pháp và luật”.

Trong Hiến pháp năm 2013, Điều 14 ghi nhận “Ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các quyền con người, quyền công dân về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội được công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm theo Hiến pháp và pháp luật...”. Lần đầu tiên giới hạn của các quyền được quy định thành nguyên tắc trong Hiến pháp, Điều 14 quy định “Quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng”. Theo đó, không ai được tùy tiện cắt xén, hạn chế các quyền con người, quyền công dân, ngoại trừ các trường hợp cần thiết do luật định. Quyền con người, quyền công dân là những quyền mà con người, công dân có toàn quyền định đoạt. Các quyền đó chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật

trong những trường hợp đặc biệt, chứ không phải chung chung như “theo quy định của pháp luật” của Hiến pháp năm 1992.

**Năm là,** Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam đề cao quyền tư pháp độc lập. Đề cao vị trí độc lập của Tòa án, Hiến pháp khẳng định công bằng và công lý của quốc gia được thể hiện tập trung nhất bằng quyền xét xử của tòa án; nhân dân sẽ có địa chỉ cụ thể để tham gia xây dựng và giám sát việc thực thi quyền tư pháp. Khoản 3, Điều 102 Hiến pháp năm 2013 đã đưa lên hàng đầu vai trò và nhiệm vụ “bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân”, sau đó mới quy định “bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân”. Đề cao vai trò tư pháp độc lập cũng là sự thể hiện xuyên suốt nguyên tắc quyền lực nhà nước là thống nhất nhưng có sự phân công, phối hợp và giám sát lẫn nhau giữa ba cơ quan và đảm chuyên sâu trong việc thực hiện quyền lực nhà nước, quyền lực nhân dân.

Trên đây là một số đặc điểm đặc trưng của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam được thể hiện trong Hiến pháp năm 2013. Từ những quy định của Hiến pháp cũng đặt ra cho các cơ quan nhà nước những nhiệm vụ trọng quan trọng để hiện thực hóa các quy định nêu trên.

### **3. Một số kiến nghị để hiện thực hóa quy định của Hiến pháp, tiếp tục hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam**

**Một là,** cần hiện thực hóa nguyên tắc chủ quyền nhân dân. Nhân dân là chủ thể của quyền lực nhà nước thì phải quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước mà những vấn đề đó không có một cơ quan nào trong ba nhánh quyền lực nhà nước có thể thực hiện. Nhân phải là chủ thể trực tiếp lập ra các thiết chế có vị trí quan trọng trong bộ máy nhà nước, văn bản luật tối cao. Cụ thể nhân dân phải trực tiếp là chủ thể xây dựng bản Hiến pháp, trực tiếp bỏ phiếu để bầu ra Quốc hội, Người đứng đầu chính phủ. Như vậy, cần sớm xây dựng các văn bản luật đã được Hiến pháp ghi nhận như Luật trưng cầu ý dân, Luật tiếp cận thông tin... Riêng Luật trưng cầu ý dân cần phải được ưu tiên trước hết. Luật trưng cầu ý dân cần quy định rõ những vấn đề quan trọng phải được quyết định thông qua trưng cầu ý dân. Chẳng hạn việc thông qua Hiến pháp nên được thực hiện bằng trưng cầu ý dân. Chỉ khi đó Hiến pháp mới thực sự là đạo luật có hiệu lực pháp lý cao nhất bởi vì Hiến pháp do chủ thể tối cao của quyền lực nhà nước trực tiếp thông qua. Các thiết chế trong Bộ máy nhà nước được lập ra từ Hiến pháp là sản phẩm của Hiến pháp sẽ mặc nhiên tuyệt đối tuân thủ Hiến pháp. Hiện tại, Hiến pháp vẫn là sản phẩm do Quốc hội lập ra thì dù Hiến pháp có tự ghi nhận là Đạo luật có hiệu lực pháp lý cao nhất nhưng suy cho cùng vẫn là sản phẩm của Cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất là Quốc hội.

**Hai là,** cần hoàn thiện Luật tổ chức Quốc hội, Luật tổ chức Chính phủ, Luật tổ chức tòa án để phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của ba cơ quan đại diện cho việc thực hiện quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp. Chỉ trên cơ sở các đạo luật như vậy mới có thể nói đến vị trí độc lập của ba cơ quan thực hiện ba nhánh quyền lực nhân dân.

**Ba là,** cần hoàn thiện Luật tổ chức tòa án và Pháp lệnh Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân để đảm cho tư pháp độc lập.

Luật Tổ chức tòa án cần được hoàn thiện theo tinh thần Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/06/2005 của Bộ Chính trị về “Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020. Nghị quyết 49-NQ/TW đã chỉ rõ “Hệ thống Tòa án nhân dân cần được tổ chức theo thẩm quyền xét xử, không phụ thuộc vào đơn vị hành chính, gồm: Tòa án sơ thẩm khu vực được tổ chức ở một hoặc một số đơn vị hành chính cấp huyện; Tòa án phúc thẩm có nhiệm vụ chủ yếu là xét xử phúc thẩm và xét xử sơ thẩm một số vụ án; Tòa thượng thẩm được tổ chức theo khu vực có nhiệm vụ xét xử phúc thẩm; Tòa án nhân dân tối cao có nhiệm vụ tổng kết kinh nghiệm xét xử, hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật, phát triển án lệ và xét xử giám đốc thẩm, tái thẩm”. Chỉ khi thiết kế mô hình Tòa án độc lập với cơ cấu, tổ chức của cơ quan quyền lực nhà nước và cơ quan hành chính nhà nước mới có thể đảm bảo sự độc lập của Cơ quan pháp.

Về Pháp lệnh Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân, cần hoàn thiện quy định về cơ chế tuyển chọn, bổ nhiệm và nhiệm kỳ của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân. Cần mở rộng thêm diện tuyển chọn thẩm phán là luật sư, giảng viên luật của các trường đại học đáp ứng được yêu cầu của thẩm phán sẽ giúp bổ sung được sự thiếu hụt về số lượng, hạn chế về trình độ của đội ngũ thẩm phán và khắc phục được khâu đào tạo thẩm phán. Thay đổi thành phần tuyển chọn thẩm phán tòa án nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện. Thành phần Hội đồng tuyển chọn thẩm phán phải do Chánh án tòa án các cấp tỉnh làm chủ tịch.

Quy định Hội đồng tuyển chọn thẩm phán như hiện tại vô hình tạo sự chi phối, can thiệp của Hội đồng nhân dân các cấp đối với hoạt động xét xử của thẩm phán. Thành phần tuyển chọn thẩm phán hiện nay đa số là những người không chuyên trong lĩnh vực xét xử nên không đủ khả năng để lựa chọn được những thẩm phán đáp ứng được yêu cầu xét xử. Hơn nữa nhiệm kỳ của thẩm phán hiện tại là 5 năm theo nhiệm kỳ của Quốc hội và Hội đồng nhân dân cũng làm giảm tính độc lập của thẩm phán nói riêng và Tòa án nói chung.

Do vậy, cần thay đổi nhiệm kỳ hiện nay bằng quy định thời hạn công tác của thẩm phán đến hết tuổi lao động theo quy định của Bộ luật lao động. Quy định như vậy sẽ giúp thẩm phán yên tâm thực hiện công việc chuyên môn, khắc phục được tư duy nhiệm kỳ. Đồng thời, để tránh tình trạng thẩm phán sẽ y lại nếu kéo dài thời hạn công tác đến hết tuổi lao động như trên thì cần hoàn thiện bộ quy tắc về chuẩn mực của thẩm phán. Nếu thẩm phán không còn đáp ứng được chuẩn mực thì Chánh án tòa án nhân dân tối cao có thể miễn nhiệm. Việc mở rộng diện tuyển chọn và cơ chế bổ nhiệm thẩm phán như trên đã được áp dụng phổ biến ở Hợp chủng quốc Hoa Kỳ và nhiều quốc gia khác. Do vậy, Việt Nam có thể nghiên cứu tiếp thu chọn lọc kinh nghiệm của các quốc gia và vận dụng phù hợp với điều kiện thực tế ở Việt Nam.

Nguồn: <http://dhannd.edu.vn/%C4%90%E1%BA%B7c-tr%C6%B0ng-c>

**CÂU 12: PHÂN TÍCH NHỮNG GIÁ TRỊ TƯ TƯỞNG CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC KHÔNG TƯỞNG ĐẶC BIỆT LÀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHÔNG TƯỞNG ĐẦU THẾ KỶ XIX TIỀN ĐỀ TƯ TƯỞNG CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC.**

**1. Hoàn cảnh lịch sử:**

**Kinh tế xã hội:** ra đời nền sản xuất công nghiệp, một phần Châu Âu và Bắc Mỹ, lực lượng sản xuất phát triển kéo theo sự biến đổi ngày càng hoàn thiện quan hệ sản xuất tư nhân tư bản chủ nghĩa.

**Chính trị:** Giai cấp tư sản càng ngày càng bộc lộ bản chất xấu xa, giai cấp vô sản đang phát triển lớn mạnh.

**Xã hội:** phản kháng của nhân dân lao động và giai cấp vô sản đối với giai cấp tư sản trở nên gay gắt.

## 2. Những nhà xã hội không tưởng tiêu biểu

Xanh ximông:

- Luận giải cho lý thuyết về giai cấp và xung đột giai cấp.
- Cho rằng cuộc cách mạng tư Pháp là cuộc cách mạng không triệt để.
- Cải tạo xã hội bằng con đường hoà bình mặc dù đã tham gia chiến đấu.
- Không xoá bỏ chế độ tư hữu mà thực hiện chế độ tư hữu phổ biến.

Sác lơ Phuriê:

- Phát hiện ra mâu thuẫn trong xã hội tư bản và dự đoán chế độ tư bản chủ nghĩa sẽ sụp đổ và bị thay thế bởi chế độ xã hội có sự thống nhất giữa lợi ích cá nhân và lợi ích xã hội.
- Không chủ trương xoá bỏ chế độ tư hữu.

Rô bốt Ôoen:

- Có khuynh hướng cộng sản chủ nghĩa.
- Chủ trương xoá bỏ chế độ tư hữu, và có tính nhân đạo.

## 3. Những giá trị của chủ nghĩa xã hội không tưởng

Phê phán chế độ xã hội đương thời.

Nêu những luận điểm có giá trị để làm tiền đề cho chế độ xã hội mới.

Thức tỉnh phong trào đấu tranh của công nhân.

Chứa đựng tinh thần nhân đạo.

## CÂU 13: PHÂN TÍCH NHỮNG ĐIỀU KIỆN VÀ TIỀN ĐỀ KHÁCH QUAN RA ĐỜI CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC.

### 1. Điều kiện về kinh tế xã hội

Phương thức sản xuất TBCN phát triển nhanh chóng, mặt khác nó cũng bộc lộ những mâu thuẫn vốn có của nó, đó là mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất xã hội hoá cao với quan hệ sản xuất dựa trên chế độ chiếm hữu tư nhân TBCN về tư liệu sản xuất.

Giai cấp công nhân đã trưởng thành và bước lên vũ đài chính trị với tư cách là một lực lượng xã hội độc lập trong cuộc đấu tranh chống giai cấp tư sản.

Tiêu biểu là các cuộc khởi nghĩa:

- 1831-1834, của thợ dệt Liông ở Pháp.

- 1838-1848: phong trào hiến chương ở Anh.
- 1844: công nhân dệt XiLêDi ở Đức.

Những cuộc đấu tranh này tuy có phát triển về số lượng và chất lượng nhưng cuối cùng đều thất bại. Từ sự thất bại đó đặt ra yêu cầu phải có lý luận cách mạng khoa học dẫn đường.

## 2. Tiền đề văn hoá tư tưởng

Đầu thế kỷ XIX có 3 phát minh khoa học lớn

- Thuyết tiến hoá của ĐácUyn.
- Thuyết tế bào của Svác và SlâyĐen.
- Định luật bảo toàn và chuyển hoá năng lượng của Lômônôxốp.

Đã chỉ rõ quan niệm sai lầm của chủ nghĩa duy tâm và phương pháp luận siêu hình, khẳng định tính đúng đắn của chủ nghĩa duy vật và phương pháp luận biện chứng mà C Mác và Ăngghen đang xây dựng Khoa học xã hội cũng đạt được những thành tựu rực rỡ trên tất cả các lĩnh vực. Triết học cổ điển Đức với phép biện chứng của Hêghen, chủ nghĩa duy vật của Phoiơbách; kinh tế chính trị học cổ điển anh với hai nhà kinh tế chính trị là Ăđam Smit đã để lại cho chủ nghĩa Mác lý luận về giá trị lao động, còn Ricácđô đã để lại cho chủ nghĩa Mác lý luận về địa tô chênh lệch.

Mác đã tiếp thu lý luận trên xây dựng lên học thuyết giá trị thặng dư. Sự phát triển rực rỡ của chủ nghĩa xã hội không tưởng phê phán với các đại biểu suất sắc Xanh Ximông, Rôbôt Ooen, Sácơ Phuriê. Những thành tựu đó đã được Mác và Ăngghen kế thừa một cách có chọn lọc trong quá trình sáng lập chủ nghĩa Mác. Những thành tựu đó cũng được thừa nhận là ba nguồn gốc lý luận của ba bộ phận hợp thành chủ nghĩa Mác.

## **CÂU 14: NÊU RÕ NHỮNG ĐẶC ĐIỂM CƠ BẢN CỦA XÃ HỘI XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM.**

### **1. Đặc điểm cơ bản của xã hội xã hội chủ nghĩa**

Cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội hay xã hội xã hội chủ nghĩa là nền sản xuất công nghiệp hiện đại. Xã hội xã hội chủ nghĩa là sự kế tiếp chủ nghĩa tư bản có nhiệm vụ giải quyết mâu thuẫn mà chủ nghĩa tư bản không thể giải quyết triệt để, đặc biệt là mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất ngày càng có tính xã hội hoá cao với chế độ tư hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất. Do vậy lực lượng sản xuất của chủ nghĩa xã hội khi được hoàn thiện phải cao hơn xã hội trước. Đối với các nước đã qua chủ nghĩa tư bản rồi thì chỉ cần cuộc cách mạng chính trị thành công để tiến lên chủ nghĩa xã hội. Còn đối với những nước chưa qua chủ nghĩa tư bản thì phải có quá trình thực hiện công nghiệp hoá hiện đại hoá để xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật

Xã hội xã hội chủ nghĩa xoá bỏ hình thức tư hữu về tư liệu sản xuất, thực hiện công hữu về tư liệu sản xuất. Chủ nghĩa Mác lenin cho rằng xã hội xã hội chủ nghĩa không xoá bỏ chế độ tư hữu nói chung mà chỉ xoá bỏ chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất



Xã hội xã hội chủ nghĩa tạo ra cách tổ chức lao động mới và kỷ luật lao động mới. Quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội là một quá trình hoạt động tự giác của đại đa số nhân dân vì quyền lợi của đại đa số nhân dân. Chính từ bản chất và mục đích đó mà các nhà kinh điển CNXH đã đưa ra kết luận khoa học đến nay vẫn còn giá trị:” Chủ nghĩa xã hội sẽ tạo ra một kiểu tổ chức lao động mới của bản thân nhân dân lao động dưới sự lãnh đạo, hướng dẫn của Đảng cộng sản, đội tiên phong của giai cấp công nhân và nhà nước xã hội chủ nghĩa. Do đó kỷ luật lao động mới cũng có những đặc trưng mới, với những kỷ luật chặt chẽ theo quy định chung của pháp luật, pháp chế xã hội chủ nghĩa và còn có tính tự giác và kỷ luật tự giác.

Xã hội xã hội chủ nghĩa thực hiện nguyên tắc phân phối theo lao động là cơ sở cho mọi quan hệ trong xã hội. Nghĩa là trong quá trình lao động cụ thể, mỗi người lao động sẽ nhận được một lượng sản phẩm tiêu dùng bằng với công sức, số lượng, chất lượng sản phẩm mà họ đóng góp cho xã hội sau khi trừ đi một phần nhỏ đóng góp cho xã hội. Nguyên tắc phân phối này phù hợp với tính chất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất trong quá trình xây dựng xã hội chủ nghĩa

Nhà nước và hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa mang bản chất giai cấp công nhân tính nhân dân rộng rãi tính dân tộc sâu sắc, thực hiện quyền lợi và lợi ích của dân. Nhà nước do đảng của giai cấp công nhân lãnh đạo, nhân dân lao động tổ chức ra. Thông qua nhà nước đảng lãnh đạo xã hội về mọi mặt và nhân dân lao động thực hiện quyền và lợi ích của mình trên mọi mặt của xã hội.

Xã hội xã hội chủ nghĩa giải phóng con người giải phóng xã hội. Thực hiện quyền tự do dân chủ, bình đẳng.

## **2. Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam**

Thời kỳ quá độ là thời kỳ cải biến sâu sắc toàn diện trên mọi lĩnh vực tư tưởng, văn hoá kinh tế xã hội nhằm xây dựng tiền đề vật chất tinh thần cho sự ra đời xã hội xã hội chủ nghĩa.

### **Đặc điểm thực chất thời kỳ quá độ ở Việt Nam**

**Lịch sử:** Sau thắng lợi trong cuộc kháng chiến chống Pháp năm 1954, đất nước ta tạm thời chia cắt làm hai miền. Theo yêu cầu lúc bấy giờ miền Nam tiến hành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân còn miền Bắc bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Sau khi thống nhất đất nước đến 1985, đảng và nhà nước ta đã gặt hái được những thành công bước đầu nhưng cũng vấp phải nhiều sai lầm khiến cho khủng hoảng nền kinh tế. Thời kỳ 1986 đến nay là giai đoạn đổi mới, kinh tế xã hội đã thoát khỏi khủng hoảng và bắt đầu có sức tăng trưởng. Trong năm 2005 sức tăng trưởng đã đạt được 8.5%.

**Đặc điểm:** đặc điểm lớn nhất và chủ yếu trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là một nước có nền công nghiệp lạc hậu, sản xuất nhỏ, kinh tế bị chiến tranh tàn phá nặng nề. Bù lại ta có đảng Cộng Sản Việt Nam có đường lối sáng tạo có bản lĩnh chính trị vững vàng nhạy bén. Chúng ta có nhà nước của nhân dân lao động với những cơ sở vật chất kỹ thuật ban đầu. Nhân dân ta vốn có tinh thần yêu nước yêu chủ nghĩa xã hội, lao động cần cù sáng tạo

Thực chất thực chất thời kỳ quá độ ở Việt Nam là thời kỳ quá độ đặc biệt của đặc biệt, thời kỳ quá độ bỏ qua chủ nghĩa tư bản, mà thực chất là bỏ qua sự xác lập vị trí thống trị quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng tư bản chủ nghĩa, tiếp thu kế thừa thành quả đạt được trong Chủ nghĩa tư bản nhất là khoa học công nghệ để phát huy tiềm năng của dân tộc.

Nội dung nội dung của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là đẩy mạnh công nghiệp hoá hiện đại hoá đất nước tiến tới xây dựng xã hội công bằng dân chủ văn minh.

Động lực động lực của quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là đại đoàn kết toàn dân tộc dựa trên nền tảng giai cấp công nhân, nông dân, tầng lớp trí thức với sự lãnh đạo của đảng, kết hợp hài hoà 3 lợi ích cá nhân, tập thể, xã hội nhằm phát huy tiềm năng của đất nước và nguồn lực của toàn xã hội.

### **3. Phương hướng đi lên chủ nghĩa xã hội**

Xây dựng nhà nước xã hội chủ nghĩa của dân do dân và vì dân.

Phát triển lực lượng sản xuất, nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho nhân dân.

Thiết lập quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa.

Cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực tư tưởng văn hoá làm cho chủ nghĩa Mác Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh trở thành tư tưởng chủ đạo trong đời sống tinh thần của đất nước.

Củng cố khối đại đoàn kết toàn dân.

Thực hiện tốt chiến lược xây dựng và bảo vệ tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Thường xuyên chỉnh đốn đảng.

**CÂU 15: NÊU SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN, NỘI DUNG VÀ TIỀN ĐỀ KHÁCH QUAN QUY ĐỊNH SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN, LIÊN HỆ VỚI GIAI CẤP CÔNG NHÂN VIỆT NAM.**

#### **1. Thế nào là giai cấp công nhân?**

Giai cấp công nhân là một tập đoàn người ổn định hình thành tồn tại và phát triển cùng với sự phát triển của nền đại công nghiệp với phương thức sản xuất và quan hệ sản xuất hiện đại. Là lực lượng sản xuất chính tạo ra của cải chủ yếu cho xã hội và cải tạo xã hội

Hai thuộc tính cơ bản của giai cấp công nhân:

- Trực tiếp sử dụng các công cụ sản xuất hiện đại.
- Không có tư liệu sản xuất, bị nhà tư bản bóc lột giá trị thặng dư của sức lao động.

Các đặc điểm của giai cấp công nhân hiện đại:

- Có một ít tư liệu sản xuất.
- Xu hướng trí thức hoá.

## 2. Thế nào là sứ mệnh lịch sử của một giai cấp?

*Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân là gì?*

→ Xoá bỏ mọi hình thức tư hữu, bóc lột. Xoá bỏ CNTB xây dựng CNXH.

Hai giai đoạn của sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân.

- Xoá bỏ chủ nghĩa tư bản
- Tập hợp quần chúng nhân dân xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội

So sánh với sứ mệnh lịch sử của các giai cấp trước đây

- Xây dựng xã hội công bằng, dân chủ văn minh
- Tiền đề khách quan quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân

Địa vị kinh tế xã hội của giai cấp công nhân

- Phương diện lực lượng sản xuất: là lực lượng sản xuất xã hội tiến bộ
- Phương diện quan hệ sản xuất: là g/c trực tiếp đối kháng với CNTB vì ko có TLSX
- Tổng thể: lợi ích của giai cấp công nhân phù hợp với lợi ích của đông đảo quần chúng nhân dân lao động

## 3. Đặc điểm chính trị xã hội của giai cấp công nhân

**Lực lượng sản xuất tiên tiến:**

- Đại diện lực lượng sản xuất tiến bộ.
- Gắn với hoạt động công nghiệp khoa học trình độ cao.
- Mở rộng giao lưu.
- Phù hợp với lợi ích chung.

**Có tính kỷ luật và tinh thần đoàn kết:**

- Là giai cấp triệt để cách mạng.
- Tiếp thu cái tiến bộ xoá bỏ cái cũ.
- Giải phóng mình đồng thời giải phóng toàn xã hội.
- Có bản chất quốc tế.

**Liên hệ với giai cấp công nhân Việt Nam.**

*Đặc điểm của giai cấp công nhân Việt Nam*

- Có đảng và Chủ nghĩa Mác Lênin soi đường.
- Có liên minh tự nhiên với giai cấp nông dân.
- Có truyền thống đấu tranh.

Ảnh hưởng của các đặc điểm giai cấp công nhân đến thực hiện sứ mệnh lịch sử giai cấp công nhân; hội nghị lần thứ 7 ban chấp hành TW khoá 7:

*"Cùng với quá trình công nghiệp hoá hiện đại hoá phải xây dựng giai cấp công nhân phát triển về số lượng, giác ngộ về chính trị, có bản lĩnh chính trị vững vàng, có khả năng tiếp*



*thu sáng tạo công nghệ mới, lao động đạt năng suất hiệu quả cao, làm tròn sứ mệnh của mình."*

## **CÂU 16: NGUYÊN NHÂN, ĐIỀU KIỆN KHÁCH QUAN, CHỦ QUAN, MỤC TIÊU, ĐỘNG LỰC CỦA CUỘC CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA.**

### **1. Thế nào là cách mạng xã hội chủ nghĩa:**

Định nghĩa: Cách mạng xã hội chủ nghĩa là cuộc cách mạng thay thế chế độ cũ nhất là chế độ tư bản chủ nghĩa bằng chế độ xã hội chủ nghĩa, trong cuộc cách mạng đó, giai cấp công nhân là người lãnh đạo và cùng với quần chúng nhân dân lao động khác xây dựng một xã hội công bằng, dân chủ văn minh

Nghĩa hẹp: kết thúc bằng việc giai cấp công nhân cùng với quần chúng nhân dân lao động giành được chính quyền, thiết lập nhà nước chuyên chính vô sản

Nghĩa rộng: cách mạng xã hội chủ nghĩa là quá trình cải biến một cách toàn diện trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội từ kinh tế, chính trị, văn hoá, tư tưởng... để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và cuối cùng là cộng sản chủ nghĩa

### **2. Nguyên nhân của cách mạng xã hội chủ nghĩa**

Quan hệ sản xuất không còn phù hợp với lực lượng sản xuất

Biểu hiện: mâu thuẫn trong lĩnh vực kinh tế khi mà tính tổ chức, kỷ luật trong mỗi doanh nghiệp ngày càng tăng với tính vô tổ chức của toàn xã hội do tính cạnh tranh của nền sản xuất tư bản chủ nghĩa gây ra.

Sản xuất đình trệ, làm công nhân không có việc làm nên buộc họ phải đứng lên đấu tranh.

### **3. Điều kiện khách quan và chủ quan của cách mạng xã hội chủ nghĩa**

**Khách quan:**

- Mâu thuẫn gay gắt giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội.
- Mâu thuẫn gay gắt giữa các nước đế quốc và các nước thuộc địa.
- Mâu thuẫn gay gắt giữa giai cấp tư sản và giai cấp công nhân, Giai cấp công nhân nhận ra họ chỉ là đồ vật, tài sản của giai cấp tư sản và công nhân trở thành kẻ thù của giai cấp tư sản.

**Chủ quan:**

- Giai cấp công nhân đã trưởng thành, nhận thức được sứ mệnh lịch sử của mình.
- Lợi ích cơ bản của giai cấp công nhân phù hợp với lợi ích của đông đảo quần chúng nhân dân lao động.
- Với sự soi sáng của chủ nghĩa Mác Lênin giai cấp công nhân nhận ra rằng cần xây dựng một chính đảng thực sự cách mạng, có khả năng tập hợp quần chúng nhân dân lao động, huy động sức mạnh của họ vào cuộc đấu tranh lật đổ Chủ nghĩa Tư Bản xây dựng XHCN.

### **4. Mục tiêu và động lực của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa**

**Mục tiêu:**

- Giải phóng con người, giải phóng xã hội
- Mục tiêu giai đoạn 1: giành chính quyền về tay giai cấp công nhân và nhân dân lao động
- Mục tiêu giai đoạn 2: xoá bỏ mọi chế độ người bóc lột người, nhằm đưa lại đời sống ấm no cho toàn dân. Khi mà xoá bỏ tình trạng người bóc lột người thì tình trạng dân tộc này bóc lột dân tộc khác cũng bị xoá bỏ.

**Động lực:**

- Động lực thúc đẩy quan trọng nhất là sự tham gia của giai cấp công nhân và vai trò lãnh đạo của đảng cộng sản với tư tưởng Hồ Chí Minh và chủ nghĩa Mác Lênin soi đường
- Liên minh vững chắc giữa giai cấp công nhân, nông dân và tầng lớp trí thức.
- Đồng tình ủng hộ của giai cấp nông dân
- Đồng tình ủng hộ của tầng lớp trí thức

**CÂU 17: NÊU QUAN NIỆM CỦA CHỦ NGHĨA MÁC LÊNIN VỀ DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA, VÀ BẢN CHẤT CỦA DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA.**

**1. Các chế độ dân chủ trong lịch sử:** cộng sản nguyên thủy, chiếm hữu nô lệ, tư bản chủ nghĩa.

**2. Quan điểm của Chủ nghĩa M-L về dân chủ XHCN:**

Dân chủ là nhu cầu khách quan, tất yếu của nhân dân lao động

Không có dân chủ chung chung, phi giai cấp

Biểu hiện thông qua hình thức xây dựng nhà nước

Quy định bởi giai cấp thống trị

**3. Bản chất của dân chủ XHCN****Bản chất chính trị xã hội:**

- Trên cơ sở lợi ích quyền lợi của giai cấp công nhân nhưng chủ yếu là phục vụ lợi ích của toàn xã hội.
- Tính nhân dân rộng rãi dân tộc sâu sắc.
- Của dân do dân vì dân, nhân dân ngày càng được tham gia vào các hoạt động của nhà nước.

**Bản chất kinh tế xã hội:**

- Không có tư hữu về tư liệu sản xuất, trên cơ sở đó phát triển nền kinh tế
- Kế thừa những thành tựu trong phát triển kinh tế của nhân loại, loại bỏ áp bức, bóc lột, tư hữu.

### **Bản chất tư tưởng văn hoá:**

- Lấy chủ nghĩa M-L làm kim chỉ nam, chi phối các hoạt động văn hoá, biểu diễn nghệ thuật.
- Kế thừa phát huy mọi truyền thống văn hoá tốt đẹp của mọi dân tộc

## **CÂU 18: NỘI DUNG CỦA LIÊN MINH GIAI CẤP CÔNG NHÂN, NÔNG DÂN VÀ TẦNG LỚP TRÍ THỨC TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM.**

### **1. Đặc điểm của giai cấp công nhân, nông dân, trí thức trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam**

#### **Giai cấp công nhân Việt Nam:**

Có đầy đủ đặc điểm của giai cấp công nhân hiện đại ngoài ra còn có đặc điểm riêng là ra đời từ rất sớm (trước khi giai cấp tư sản ra đời) vì thế giành quyền lãnh đạo ngay từ khi ra đời chính đảng của mình. Đặc điểm này củng cố vững chắc cho vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng Sản Việt Nam. Phần lớn giai cấp công nhân xuất thân từ nông dân vì vậy đã xuất hiện mối liên minh tự nhiên giữa hai giai cấp.

#### **Giai cấp nông dân Việt Nam: có hai mặt**

- Một mặt: là người lao động.
- Mặt khác: là người tư hữu một lượng rất ít tư liệu sản xuất, nhưng họ không dùng sự tư hữu đó để đi bóc lột, áp bức giai cấp khác.
- Không có hệ tư tưởng riêng mà bị quy định, chi phối bởi hệ tư tưởng của giai cấp công nhân.
- Trình độ nhận thức còn hạn chế.
- Lao động trực tiếp trong các lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp.

#### **Tầng lớp trí thức Việt Nam:**

- Trình độ nhận thức cao, am hiểu các lĩnh vực xã hội.
- Không có hệ tư tưởng riêng vì không có phương thức sản xuất. Nhưng họ có khả năng xây dựng các hệ tư tưởng, lý luận cho giai cấp công nhân.
- Xuất thân từ nông dân, công dân nên có mối quan hệ gần bó.

### **2. Nội dung của liên minh công nông nông dân trí thức trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam**

#### **Nội dung chính trị xã hội**

Trong các chế độ xã hội cũ khi chưa có giai cấp công nhân, thì giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức không có hệ tư tưởng riêng mà chịu sự chi phối bởi hệ tư tưởng của giai cấp thống trị. Hệ tư tưởng của Liên minh giai cấp công nhân nông dân và trí thức không phải là sự dung hoà 3 hệ tư tưởng khác nhau mà thống nhất theo hệ tư tưởng của giai cấp công nhân, để đảm bảo vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân với đội

tiên phong của nó là Đảng Cộng Sản Việt Nam. Thông qua đó thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc. Phát huy sức mạnh cao độ của quần chúng nhân dân mà nòng cốt là giai cấp công nhân, nông dân và trí thức.

Giai cấp công nhân, nông dân và tầng lớp trí thức cùng có mục tiêu và lợi ích chính trị chung nhất là xoá bỏ chế độ tư hữu, áp bức bóc lột xây dựng xã hội công bằng dân chủ văn minh

Nội dung chính trị của liên minh không tách rời nội dung phương thức đổi mới hệ thống chính trị trên phạm vi cả nước.

### **Nội dung kinh tế**

Đây là nội dung cơ bản có ý nghĩa quyết định nhất, là cơ sở vật chất kỹ thuật cho liên minh trong thời kỳ quá độ.

Liên minh kinh tế nhằm thoả mãn nhu cầu lợi ích của giai cấp công nhân, nông dân, tầng lớp trí thức. Là cơ sở để thực hiện tốt các liên minh trên những lĩnh vực khác, có ý nghĩa quyết định cho thắng lợi của chủ nghĩa xã hội.

Thực hiện phát triển kinh tế ổn định biểu hiện qua các quan hệ kinh tế khác nhau: quan hệ giữa công nghiệp và nông nghiệp, quan hệ kinh tế giữa nhà nước với nông dân trong sản xuất, lưu thông hàng hoá bằng chính sách giá cả, đầu tư, thuế. Liên minh kinh tế làm các ngành sản xuất vật chất gắn bó chặt chẽ với nghiên cứu khoa học.

### **Nội dung tư tưởng văn hoá**

Xây dựng nền văn hoá chuẩn mực cho xã hội theo lập trường của giai cấp công nhân.

Có chính sách khuyến nông, xoá đói giảm nghèo cho nông dân. Quan tâm sâu sắc đến đời sống của những gia đình chính sách, người già cô đơn. Có những chế độ phù hợp với thương binh liệt sĩ.

Khuyến khích tầng lớp trí thức sáng tạo bằng cách thi hành các luật về sở hữu trí tuệ, luật bản quyền.

## **CÂU 19: NÊU RÕ BẢN CHẤT, NGUỒN GỐC, TÍNH CHẤT CỦA TÔN GIÁO. CHÍNH SÁCH TÔN GIÁO CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC TA HIỆN NAY**

### **1. Bản chất**

Hướng con người đến niềm hạnh phúc hư ảo, làm nhụt ý chí phấn đấu hiện tượng tiêu cực của xã hội

Phản ánh sự nghèo nàn của xã hội đồng thời phản kháng lại sự nghèo nàn đó

Đối lập với thế giới khách quan của chủ nghĩa Mác Lênin

Tôn giáo là một hiện tượng xã hội, văn hoá, lịch sử; một lực lượng xã hội trần thế

### **2. Nguồn gốc**

Nguồn gốc kinh tế xã hội: sự yếu kém của lực lượng sản xuất, bất lực trước sự áp bức bóc lột của giai cấp thống trị, thất vọng với hiện thực, may rủi trong đời sống.

Nguồn gốc nhận thức:

- Những hiện tượng gì khoa học chưa giải thích được dễ bị thay thế bởi tôn giáo.
- Khái quát hoá, tuyệt đối hoá sự vật hiện tượng làm sự vật hiện tượng đó trở nên thần thánh hoá xa rời thực tế.

Nguồn gốc tâm lý:

- Sự hãi trước thế lực mù quáng của tư bản.
- Nhu cầu thể hiện tình cảm, lòng biết ơn, sự ngưỡng mộ trong quan hệ giữa con người với con người, con người với tự nhiên.

### 3. Tính chất

Tính lịch sử

- Chỉ xuất hiện khi con người đạt đến một trình độ tư duy trừu tượng nhất định.
- Thời đại thay đổi thì tôn giáo cũng thay đổi để phù hợp với các quy luật, tính chất mới.
- Tôn giáo sẽ mất đi khi con người nhận thức rõ mọi sự vật hiện tượng tự nhiên.

Tính quần chúng

- $\frac{1}{2}$  đến  $\frac{1}{3}$  dân số thế giới theo tôn giáo vì tôn giáo hướng con người đến chân thiện, mỹ.
- Địa điểm tôn giáo còn là nơi sinh hoạt văn hoá tinh thần, là nơi thể hiện khát vọng xây dựng một xã hội tốt đẹp hơn.

Tính chính trị

- Tính chính trị chỉ xuất hiện trong tôn giáo khi xã hội có sự phân chia giai cấp.
- Các thế lực khác nhau trong xã hội lợi dụng tôn giáo thực hiện mục tiêu chính trị của mình.
- Không chỉ bó hẹp trong địa phương, 1 quốc gia mà tôn giáo đã mở rộng phạm vi ảnh hưởng ra toàn thế giới, các tôn giáo lớn có tổ chức chặt chẽ phân bố trên toàn thế giới, không chỉ tác động đến ý thức, tư tưởng mà còn tác động đến kinh tế, xã hội.

### 4. Chính sách tôn giáo của Đảng và nhà nước ta

Đặc điểm tôn giáo ở nước ta hiện nay:

- Có 6 tôn giáo lớn: Phật giáo, Hồi giáo, Hoà Hảo, Tin lành, Công giáo, đạo Cao Đài.
- Con em đồng bào tôn giáo có đóng góp to lớn cho sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc và công cuộc công nghiệp hoá hiện đại hoá của đất nước.
- Phần lớn những nơi có cộng đồng tôn giáo sinh hoạt thường có tình hình ổn định.
- Hiện nay, số lượng người theo đạo tăng, nhiều đình chùa miếu mạo được trùng tu hoặc xây dựng lại do nhận được sự quan tâm của Đảng và nhà nước nhưng xuất



hiện hiện tượng lợi dụng tôn giáo để tuyên truyền mê tín dị đoan, và chống phá nhà nước xã hội chủ nghĩa.

Chính sách tôn giáo của Đảng và nhà nước ta:

- Tự do theo hoặc không theo một tôn giáo nào trên cơ sở pháp luật.
- Tăng cường đoàn kết giữa các tôn giáo, xây dựng cuộc sống tốt đời đẹp đạo.
- Hướng các chức sắc tôn giáo hoạt động tôn giáo theo đúng pháp luật, làm các giáo hội ngày càng gắn bó với dân tộc và sự nghiệp cách mạng toàn dân.
- Chống lại mọi hiện tượng mê tín dị đoan, lợi dụng tôn giáo để chống phá xã hội chủ nghĩa.
- Các quan hệ quốc tế giữa các tôn giáo trong và ngoài nước phải tuân theo quy định chung về chính sách đối ngoại của đảng và nhà nước đề ra.

## **CÂU 20: NÊU KHÁI NIỆM GIA ĐÌNH, MỐI QUAN HỆ GIỮA GIA ĐÌNH VÀ XÃ HỘI, CÁC CHỨC NĂNG CỦA GIA ĐÌNH:**

**Định nghĩa:** Tóm lại gia đình là một hình thức thu nhỏ của tổ chức đời sống cộng đồng của con người, gia đình là một thiết chế văn hoá xã hội được hình thành tồn tại và phát triển dựa trên các mối quan hệ, quan hệ hôn nhân, quan hệ huyết thống....

Lịch sử nhân loại đã trải qua nhiều hình thức gia đình: gia đình đối ngẫu, gia đình một vợ một chồng.

Các đặc trưng của gia đình:

### **Hôn nhân và quan hệ hôn nhân**

- Hôn nhân là quan hệ giữa nam và nữ nhằm duy trì nòi giống và thoả mãn nhu cầu tâm sinh lý con người.
- Hôn nhân trong gia đình biểu hiện mối quan hệ giữa cha và mẹ.
- Quan hệ hôn nhân có những thay đổi về hình thức sắc thái do những yếu tố tự nhiên xã hội.
- Cơ sở trực tiếp của hôn nhân là tình yêu, tình yêu ở mỗi thời đại, giai cấp có đặc điểm giá trị riêng.

### **Huyết thống và quan hệ huyết thống**

- Biểu hiện trong mối quan hệ giữa ông bà, cha mẹ con cái.
- Quan hệ huyết thống cũng biến đổi theo lịch sử.

### **Quần tụ trong một không gian sống dưới một mái nhà**

- Quan hệ chăm sóc nuôi dưỡng giữa các thành viên và giữa các thế hệ trong một gia đình.
- Nuôi dưỡng trong gia đình mang ý nghĩa và giá trị văn hoá khác hẳn nuôi dưỡng trong một gia đình.

## **CÂU 21: CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHÔNG TƯỞNG LÀ GÌ? KHÁI QUÁT QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN CỦA NÓ?**

Tư tưởng xã hội chủ nghĩa không tưởng là biểu hiện mơ ước khát vọng về một xã hội con người được giải phóng khỏi tình trạng bị áp bức, bóc lột, mọi người đều sống bình đẳng với nhau. Nhưng những tư tưởng nhân đạo ấy chưa chỉ ra được con đường và lực lượng xã hội, cũng như điều kiện và phương thức để thực hiện ước mơ đó.

Tư tưởng xã hội chủ nghĩa sơ khai ở Hy Lạp – La Mã cổ đại đến tư tưởng xã hội chủ nghĩa từ thế kỷ XI đến cuối thế kỷ XV, tư tưởng xã hội chủ nghĩa thời cận đại (từ TK XVI - TK XIX). Quá trình phát triển các trào lưu tư tưởng xã hội chủ nghĩa không tưởng tính chất văn chương (văn học) của các trào lưu xã hội chủ nghĩa không tưởng ngày càng giảm, tính lý luận ngày càng tăng và tính phê phán ngày càng sâu sắc và đạt đỉnh cao ở thế kỷ XIX. Tư tưởng của hầu hết các nhà xã hội chủ nghĩa không tưởng đều muốn xoá bỏ chế độ tư hữu, mơ ước một xã hội tương lai mà quyền sở hữu tư liệu sản xuất thuộc về xã hội, mọi người đều lao động, thành quả lao động được phân phối công bằng.

## **CÂU 22: GIÁ TRỊ VÀ HẠN CHẾ LỊCH SỬ CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHÔNG TƯỞNG**

### **1. Những giá trị:**

Hầu hết các quan niệm, các luận điểm của các nhà tư tưởng xã hội chủ nghĩa không tưởng đều chứa đựng một tinh thần nhân đạo cao cả khát vọng giải phóng con người khỏi tình trạng bị áp bức, bóc lột, mọi người đều sống bình đẳng với nhau. Nhưng những tư tưởng nhân đạo ấy chưa chỉ ra được con đường và lực lượng xã hội, cũng như điều kiện và phương thức để thực hiện ước mơ đó. Vì vậy, các nhà tư tưởng ở thời kỳ này được gọi là chủ nghĩa xã hội không tưởng. Tuy nhiên, nhiều giá trị, luận điểm của chủ nghĩa xã hội không tưởng là cơ sở để Mác và Ăngghen kế thừa sau này.

Với các mức độ và trình độ khác nhau, các tư tưởng xã hội chủ nghĩa không tưởng trong suốt các thời kỳ từ thế kỷ thứ XVI - XVIII đều phê phán, lên án chế độ quân chủ chuyên chế và chế độ tư bản chủ nghĩa một cách gay gắt. Chính vì thế, tư tưởng xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ này được gọi là “chủ nghĩa xã hội không tưởng phê phán” dùng để chỉ các trào lưu tư tưởng xã hội chủ nghĩa trước khi có chủ nghĩa xã hội khoa học.

Nhiều luận điểm, quan điểm, nhiều khái niệm... phản ánh ở mức độ khác nhau các giá trị xã hội chủ nghĩa của những phong trào hiện thực, đã thực sự làm phong phú thêm cho kho tàng tư tưởng xã hội chủ nghĩa, chuẩn bị những tiền đề lý luận cho sự kế thừa, phát triển tư tưởng chủ nghĩa xã hội lên một trình độ mới.

Không chỉ là những tư tưởng đơn thuần, một số người đã xả thân, lăn lộn hoạt động trong phong trào thức tỉnh phong trào công nhân và người lao động, để từ đó mà quan sát phát hiện những giá trị tư tưởng mới, chứ không phải là nghĩ ra từ đầu óc.

### **2. Những hạn chế và những nguyên nhân:**

Các nhà không tưởng đầu thế kỷ XIX không thể thoát khỏi quan niệm duy tâm về lịch sử. Họ cho rằng, chân lý vĩnh cửu đã có, đã tồn tại ở đâu đó, chỉ cần có con người tài ba xuất chúng là có thể phát hiện ra, có thể tìm thấy. Khi đã tìm thấy, chỉ cần những người đó thuyết phục toàn xã hội là xây dựng được xã hội mới.

Hầu hết các nhà không tưởng đều có khuynh hướng đi theo con đường ôn hoà để cải tạo xã hội bằng pháp luật và thực nghiệm xã hội. Một số ít khác thì chủ trương khởi nghĩa nhưng chưa có sự chuẩn bị. Dù chủ trương bằng con đường nào, các nhà

tư tưởng xã hội chủ nghĩa trước Mác đều đã không chỉ ra được con đường cách mạng nhằm thủ tiêu chế độ tư bản chủ nghĩa, xây dựng chế độ xã hội mới. Bởi các ông đã không thể giải thích được bản chất của chế độ nô lệ làm thuê tư bản, không thể phát hiện ra những quy luật nội tại chi phối con đường, cách thức cho những chuyển biến tiếp theo của xã hội.

Các nhà tư tưởng xã hội chủ nghĩa trong các thời kỳ đã không thể phát hiện ra lực lượng xã hội tiên phong có thể thực hiện cuộc chuyển biến cách mạng từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Lực lượng ấy là giai cấp công nhân.

Những hạn chế nêu trên có tính lịch sử là điều không thể tránh khỏi. Nhưng những gì mà các ông để lại thực sự là một đóng góp vô giá vào kho tàng tư tưởng xã hội chủ nghĩa.

### **CÂU 23: CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC LÀ GÌ ? NÓ ĐƯỢC HIỂU THEO MẤY NGHĨA? VỊ TRÍ CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC TRONG HỆ THỐNG LÝ LUẬN CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN?**

Chủ nghĩa xã hội khoa học là một trong ba bộ phận hợp thành chủ nghĩa Mác – Lênin. Chủ nghĩa xã hội khoa học nghiên cứu sự vận động của xã hội tư bản, đặc biệt là trong giai đoạn chủ nghĩa tư bản tất yếu sẽ được thay thế bằng xã hội mới, xã hội cộng sản chủ nghĩa.

- **Chủ nghĩa xã hội khoa học được hiểu theo nghĩa hẹp:** chủ nghĩa xã hội khoa học là một trong ba bộ phận hợp thành chủ nghĩa Mác – Lênin. (chủ nghĩa Mác – Lênin gồm có: triết học, kinh tế học chính trị và chủ nghĩa xã hội khoa học).
- **Chủ nghĩa xã hội khoa học được hiểu theo nghĩa theo nghĩa rộng:** chủ nghĩa xã hội khoa học là chủ nghĩa Mác – Lênin. Bởi vì, suy cho cùng cả triết học Mác lẫn kinh tế chính trị Mác đều luận giải dẫn đến tính tất yếu của lịch sử là làm cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng thành công xã hội cộng sản chủ nghĩa. Lý luận xuyên suốt của chủ nghĩa xã hội khoa học: giai cấp công nhân có sứ mệnh lịch sử là xoá bỏ chủ nghĩa tư bản, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và xã hội cộng sản chủ nghĩa.

### **CÂU 24: Ý NGHĨA NGHIÊN CỨU, HỌC TẬP CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC Ở VIỆT NAM HIỆN NAY. SUY NGHĨ VÀ NHẬN THỨC CỦA MÌNH VỀ VIỆC HỌC MÔN NÀY**

Chủ nghĩa xã hội khoa học là một trong ba bộ phận hợp thành chủ nghĩa Mác – Lênin. Chủ nghĩa xã hội khoa học nghiên cứu sự vận động của xã hội tư bản, đặc biệt là trong giai đoạn chủ nghĩa tư bản tất yếu sẽ được thay thế bằng xã hội mới, xã hội cộng sản chủ nghĩa. Với ý nghĩa đó khi nghiên cứu chủ nghĩa xã hội khoa học cần lưu ý:

#### **1. Ý nghĩa về mặt lý luận:**

Lý luận cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin là bàn về vấn đề: giải phóng con người xã hội loài người ra khỏi sự áp bức bóc lột bất công, nghèo nàn lạc hậu, vì vậy khi nghiên cứu, học tập lý luận chủ nghĩa Mác – Lênin phải kết hợp nghiên cứu nhuần nhuyễn cả ba bộ phận thì nó mới đủ cơ sở để lý giải các vấn đề thực tiễn và lý luận (triết học, kinh tế học chính trị và chủ nghĩa xã hội khoa học).

Lý luận của chủ nghĩa xã hội khoa học trang bị cho chúng ta những quan điểm chính trị - xã hội, đó là những tri thức lý luận cơ bản để luận giải tính tất yếu sự ra đời của hình thái kinh tế – xã hội cộng sản chủ nghĩa.

Lý luận của chủ nghĩa xã hội khoa học là cơ sở để củng cố quan điểm, lập trường niềm tin vào chủ nghĩa cộng sản cho giai cấp công nhân và nhân dân lao động và là định hướng của giai cấp công nhân, của Đảng cộng sản, của Nhà nước và của nhân dân lao động trên mọi lĩnh vực, nhằm mục tiêu đi tới xã hội chủ nghĩa, cộng sản chủ nghĩa.

## **2. Ý nghĩa về mặt thực tiễn**

Trước hết chúng ta phải thấy được cũng như bất kỳ một lý thuyết khoa học nào bao giờ cũng có khoảng cách giữa lý luận với thực tiễn, đặc biệt là dự báo khoa học xã hội. Vì vậy, khi chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu và Liên Xô sụp đổ, lòng tin vào chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa xã hội khoa học, chủ nghĩa Mác – Lênin của nhiều người giảm sút. Vì thế, nghiên cứu, giảng dạy chủ nghĩa xã hội khoa học càng khó khăn trong tình hình hiện nay, nhưng mỗi chúng ta phải thấy được quy luật vận động là một tất yếu không thể đảo ngược chỉ có điều quy luật xảy ra sớm muộn mà thôi.

### **CÂU 25: PHÂN TÍCH NHỮNG GIÁ TRỊ VÀ NHỮNG HẠN CHẾ CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHÔNG TƯỜNG? NGUYÊN NHÂN NHỮNG HẠN CHẾ ĐÓ.**

Biểu hiện của tư tưởng xã hội chủ nghĩa là ước mơ có một xã hội không còn tình trạng áp bức bóc lột người, mọi tư liệu sản xuất đều là của chung, ai cũng có việc làm và ai cũng phải lao động, mọi người đều bình đẳng với nhau có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc. Tư tưởng này xuất hiện sau khi công xã nguyên thủy tan rã, chế độ chiếm hữu nô lệ ra đời, là chế độ bóc lột người tàn bạo nhất trong lịch sử. Nhiều cuộc khởi nghĩa nổ ra nhưng đều thất bại cho nên người ta đành gửi gắm những ước mơ khát vọng vào các câu chuyện, các truyền thuyết của tôn giáo, các tác phẩm văn chương được lan truyền, được phổ biến dưới dạng những câu chuyện, những áng văn chương. Tư tưởng xã hội chủ nghĩa không tưởng trong quá trình hình thành phát triển tính chất văn chương (văn học) ngày càng giảm, tính lý luận ngày càng tăng và tính phê phán ngày càng sâu sắc và nó đã đạt đỉnh cao ở thế kỷ XIX.

#### **1. Những giá trị:**

Hầu hết các quan niệm, các luận điểm của các nhà tư tưởng xã hội chủ nghĩa không tưởng đều chứa đựng một tinh thần nhân đạo cao cả khát vọng giải phóng con người khỏi tình trạng bị áp bức, bóc lột, mọi người đều sống bình đẳng với nhau. Nhưng những tư tưởng nhân đạo ấy chưa chỉ ra được con đường và lực lượng xã hội, cũng như điều kiện và phương thức để thực hiện ước mơ đó. Vì vậy, các nhà tư tưởng ở thời kỳ này được gọi là chủ nghĩa xã hội không tưởng. Tuy nhiên, nhiều giá trị, luận điểm của chủ nghĩa xã hội không tưởng là cơ sở để Mác và Ăngghen kế thừa sau này.

Với các mức độ và trình độ khác nhau, các tư tưởng xã hội chủ nghĩa không tưởng trong suốt các thời kỳ từ thế kỷ thứ XVI - XVIII đều phê phán, lên án chế độ quân chủ chuyên chế và chế độ tư bản chủ nghĩa một cách gay gắt. Chính vì thế, tư tưởng xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ này được gọi là “chủ nghĩa xã hội không tưởng phê phán” dùng để chỉ các trào lưu tư tưởng xã hội chủ nghĩa trước khi có chủ nghĩa xã hội khoa học.

Nhiều luận điểm, quan điểm, nhiều khái niệm... phản ánh ở mức độ khác nhau các giá trị xã hội chủ nghĩa của những phong trào hiện thực, đã thực sự làm phong phú thêm cho kho tàng tư tưởng xã hội chủ nghĩa, chuẩn bị những tiền đề lý luận cho sự kế thừa, phát triển tư tưởng chủ nghĩa xã hội lên một trình độ mới.

Không chỉ là những tư tưởng đơn thuần, một số người đã xả thân, lăn lộn hoạt động trong phong trào thức tỉnh phong trào công nhân và người lao động, để từ đó mà quan sát phát hiện những giá trị tư tưởng mới, chứ không phải là nghĩ ra từ đầu óc.

## **2. Những hạn chế và những nguyên nhân:**

Các nhà không tưởng đầu thế kỷ XIX không thể thoát khỏi quan niệm duy tâm về lịch sử. Họ cho rằng, chân lý vĩnh cửu đã có, đã tồn tại ở đâu đó, chỉ cần có con người tài ba xuất chúng là có thể phát hiện ra, có thể tìm thấy. Khi đã tìm thấy, chỉ cần những người đó thuyết phục toàn xã hội là xây dựng được xã hội mới.

Hầu hết các nhà không tưởng đều có khuynh hướng đi theo con đường ôn hoà để cải tạo xã hội bằng pháp luật và thực nghiệm xã hội. Một số ít khác thì chủ trương khởi nghĩa nhưng chưa có sự chuẩn bị. Dù chủ trương bằng con đường nào, các nhà tư tưởng xã hội chủ nghĩa trước Mác đều đã không chỉ ra được con đường cách mạng nhằm thủ tiêu chế độ tư bản chủ nghĩa, xây dựng chế độ xã hội mới. Bởi các ông đã không thể giải thích được bản chất của chế độ nô lệ làm thuê tư bản, không thể phát hiện ra những quy luật nội tại chi phối con đường, cách thức cho những chuyển biến tiếp theo của xã hội.

Các nhà tư tưởng xã hội chủ nghĩa trong các thời kỳ đã không thể phát hiện ra lực lượng xã hội tiên phong có thể thực hiện cuộc chuyển biến cách mạng từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Lực lượng ấy là giai cấp công nhân.

Những hạn chế nêu trên có tính lịch sử là điều không thể tránh khỏi. Nhưng những gì mà các ông để lại thực sự là một đóng góp vô giá vào kho tàng tư tưởng xã hội chủ nghĩa.

## **CÂU 26: CỐNG HIẾN CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH, CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM TRONG VIỆC VẬN DỤNG SÁNG TẠO VÀ PHÁT TRIỂN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC LÀ GÌ?**

Có thể nêu một cách vắn tắt những nội dung cơ bản sự vận dụng, phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học trong hơn 80 năm qua như sau:

Mọi thắng lợi của cách mạng thế giới đều là sự vận dụng những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học vào thực tiễn phong trào cộng sản và phong trào công nhân quốc tế ở mỗi nước cũng như của cả hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới. Điều này có thể chứng minh nơi này và ở đâu, các Đảng cộng sản nhận thức đúng, vận dụng sáng tạo vào hoàn cảnh lịch sử cụ thể thì ở đó cách mạng phát triển và thu được những thắng lợi. Trong trường hợp ngược lại, cách mạng sẽ lâm vào thoái trào và bị thất bại.

Lịch sử dân tộc Việt Nam từ khi có Đảng lãnh đạo cho thấy, những thắng lợi, những thành tựu của cách mạng luôn gắn liền với quá trình vận dụng sáng tạo, phát triển và hoàn thiện lý luận của chủ nghĩa xã hội khoa học trong những điều kiện lịch sử cụ thể của thời đại, trên cơ sở thực tiễn Việt Nam. Trong sự nghiệp vĩ đại ấy, sự xuất hiện và những cống hiến vĩ đại của chủ tịch Hồ Chí Minh đã làm phong phú thêm kho



tàng lý luận chủ nghĩa Mác – Lênin, cả về lý luận, cách thức, biện pháp và chiến lược sách lược vào thực tiễn cách mạng Việt Nam. Chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh đã và đang thực sự là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho mọi hành động cách mạng ở nước ta trước kia, cũng như trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ tổ quốc xã hội chủ nghĩa hiện nay. Những đóng góp, bổ sung và phát triển cũng như sự vận dụng của Đảng ta có thể được tóm tắt như sau:

- Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là một tính quy luật của cách mạng Việt Nam, trong điều kiện thời đại ngày nay.
- Xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, tăng cường vai trò quản lý của Nhà nước. Giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với công bằng xã hội. Xây dựng phát triển kinh tế phải đi đôi với giữ gìn, phát huy bản sắc văn hoá dân tộc và bảo vệ môi trường sinh thái.
- Mở rộng khối đại đoàn kết dân tộc, phát huy sức mạnh của mọi giai cấp và tầng lớp nhân dân, mọi thành phần dân tộc và tôn giáo, mọi công dân Việt Nam ở trong nước hay ở nước ngoài, tạo cơ sở xã hội rộng lớn và thống nhất cho sự nghiệp xây dựng chế độ xã hội mới.
- Tranh thủ tối đa sự đồng tình, ủng hộ và giúp đỡ của nhân dân thế giới, khai thác mọi khả năng có thể hợp tác nhằm mục tiêu xây dựng và phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.
- Giữ vững và tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam – nhân tố quan trọng hàng đầu bảo đảm thắng lợi của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá và quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Khâu then chốt để đảm bảo tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng là phải coi trọng công tác xây dựng Đảng, nâng cao chất lượng đội ngũ Đảng viên, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng.

Từ thực tiễn 20 năm đổi mới, Đảng ta rút ra năm bài học kinh nghiệm:

- **Một là**, trong quá trình đổi mới phải kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên nền tảng của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.
- **Hai là**, đổi mới toàn diện, đồng bộ, mang tính kế thừa chọn lọc và có những bước đi, hình thức và cách làm phù hợp.
- **Ba là**, đổi mới phải vì lợi ích của nhân dân, dựa vào nhân dân, phát huy vai trò chủ động, sáng tạo của nhân dân, xuất phát từ thực tiễn, nhạy bén với cái mới.
- **Bốn là**, phát huy cao độ nội lực, đồng thời ra sức tranh thủ ngoại lực, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong điều kiện mới.
- **Năm là**, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, không ngừng đổi mới hệ thống chính trị, xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân.

Trên đây là những bài học kinh nghiệm được khái quát từ thực tiễn đấu tranh cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng của giai cấp công nhân Việt Nam, là sự vận dụng sinh động những nguyên lý, những quy luật được đúc kết trong hoàn cảnh cụ thể của thời đại ngày nay.

**CÂU 27: NHỮNG THAY ĐỔI VỀ CHẤT LƯỢNG CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN TRONG XÃ HỘI TƯ BẢN HIỆN NAY CÓ LÀM THAY ĐỔI SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN KHÔNG?**

## HÃY PHÊ PHÁN NHỮNG QUAN ĐIỂM ĐANG TÌM CÁCH PHỦ ĐỊNH SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIẢI CẤP CÔNG NHÂN

Học thuyết về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân là lý luận xuyên suốt của chủ nghĩa Mác - Lênin. Vì vậy, ngay từ khi mới ra đời giai cấp tư sản đã tìm mọi cách để xoá bỏ nó cả về lý luận cũng như trên thực tế, nhưng quyết liệt nhất là sau khi Liên - Xô và các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu sụp đổ, các thế lực phản động đã không ngừng lợi dụng đả kích chủ nghĩa Mác - Lênin, phủ nhận sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân. Rằng: ở các nước tư bản, giai cấp công nhân không còn bị bóc lột như trước, họ đã được “trung lưu hoá”, giai cấp công nhân đã “biến mất”. Vậy, công nhân là ai? Hiện nay có còn giai cấp công nhân nữa không? Để làm rõ vấn đề này chúng ta phải căn cứ vào luận điểm của Mác và Ăngghen khi nói về giai cấp công nhân và để nhận diện về giai cấp công nhân, chúng ta phải căn cứ vào hai thuộc tính sau đây:

- **Thuộc tính thứ nhất** nói về phương thức lao động: công nhân là tất cả những người lao động trực tiếp hay gián tiếp có sử dụng các công cụ lao động có tính chất công nghiệp ngày càng hiện đại.
- **Thuộc tính thứ hai**, nói về địa vị trong mối quan hệ giữa người công nhân với nhà tư bản trong nền sản xuất tư bản chủ nghĩa: Công nhân là những người lao động về cơ bản không có tư liệu sản xuất, phải làm thuê cho nhà tư bản và bị nhà tư bản bóc lột giá trị thặng dư, khi nói về thuộc tính này Mác và Ăngghen họ gọi là những người vô sản.

Lấy hai tiêu chí trình bày trên, chúng ta có thể khẳng định: giai cấp công nhân là những người lao động gắn liền với nền sản xuất công nghiệp ngày càng hiện đại, nó không hề bị biến mất, mà trái lại giai cấp công nhân ngày nay không ngừng được bổ sung thêm về số lượng và được nâng cao về chất lượng:

Theo tổ chức lao động quốc tế: năm 1900 toàn thế giới chỉ mới có 80 triệu công nhân, năm 1990 có hơn 600 triệu, đến năm 1998 có 800 triệu, sự nhanh chóng tăng lên về số lượng, điều đó đã chứng minh đúng như Mác dự báo: “*Nền công nghiệp phát triển thì các giai cấp khác sẽ tiêu vong nhưng giai cấp công nhân thì ngày càng lớn mạnh*”. Nhưng cũng có một sự thật không thể phủ nhận là hiện nay ở các nước tư bản ngành dịch vụ phục vụ cho lao động chiếm tỷ trọng khá lớn khoảng từ 50% đến 70%, sản xuất đã được tự động hoá với một trình độ kỹ thuật rất cao, nhưng trong lao động, kể cả trực tiếp hay gián tiếp người lao động đều có sử dụng công cụ lao động của công nghiệp hiện đại nên họ vẫn là người công nhân. Xét về địa vị họ đều là những người không có tư liệu sản xuất, vẫn là người làm thuê, họ là người vô sản.

Có phải giai cấp công nhân không còn bị bóc lột như trước: theo tài liệu công bố của Gót-hôn tổng bí thư Đảng cộng sản Mỹ, nếu như trước kia người công nhân chỉ bán sức lao động cơ bắp là chủ yếu thì ngày nay họ phải bán cả sức lao động chân tay và sức lao động trí óc và đôi khi chỉ bán sức lao động trí óc là chủ yếu, nếu so sánh với thời của Mác tỷ số m/v là 100% thì ngày nay m/v là 300%.

Hiện nay người công nhân ở các nước tư bản một ngày lao động 8 giờ, nhưng trên thực tế thì họ chỉ lao động trong 2 giờ là đủ bù đắp giá trị sức lao động mà nhà tư bản đã bỏ tiền ra mua sức lao động của người công nhân, 6 giờ còn lại là để tạo ra giá trị thặng dư cho nhà tư bản và một sự thật là ở Mỹ, “*số người giàu chỉ chiếm 1% nhân khẩu*”

*nhưng lại nắm tới 53% tài sản quốc gia, còn ở Pháp, số gia đình giàu chiếm 10% nhưng lại sở hữu tới 51% tài sản xã hội”.*

Có phải giai cấp công nhân đã được trung lưu hoá: cũng có một sự thật là đời sống của công nhân ở các nước tư bản phần đông họ không còn là những người vô sản trần trụi với hai bàn tay trắng, một số công nhân có tư liệu sản xuất phụ mà họ có thể cùng gia đình làm thêm ở nhà để sản xuất một số công đoạn phụ cho các xí nghiệp chính, một số công nhân có cổ phần trong xí nghiệp, nhưng thực chất ở Mỹ chỉ có 10% công nhân có cổ phần nhưng rất nhỏ bé và bản thân họ chỉ là lao động làm thuê một số công đoạn cho công ty mẹ mà thôi và trên thực tế, không phải người công nhân nào cũng mua được cổ phần.

Khi nghiên cứu quy luật về sự vận động phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội trong lịch sử, đặc biệt là hình thái kinh tế - xã hội tư bản chủ nghĩa. Mác đã phát hiện giai cấp công nhân là giai cấp có sứ mệnh lịch sử: *“Xoá bỏ chế độ tư bản chủ nghĩa, xoá bỏ chế độ người bóc lột người, giải phóng mình đồng thời giải phóng nhân dân lao động và toàn thể nhân loại thoát khỏi mọi sự áp bức, bóc lột, nghèo nàn lạc hậu, xây dựng thành công xã hội cộng sản chủ nghĩa”.*

Lịch sử đã chứng minh những kết luận của Mác, Ăngghen và Lênin về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân là hoàn toàn đúng cả về lý luận cũng như thực tiễn. Tuy nhiên, cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân hiện nay đang đứng trước những cam go thử thách hết sức nặng nề, nhưng chúng ta phải có quan điểm toàn diện để xem xét toàn cảnh của sự phát triển thì giai cấp công nhân vẫn đang là lực lượng chuẩn bị những tiền đề khách quan cho việc thực hiện sứ mệnh lịch sử của mình dù có phải trải qua những bước thăng trầm, quanh co, nhưng nó vẫn tiếp tục diễn ra theo đúng quy luật của nó, mặc dù hiện nay ở những nước tư bản phát triển, đời sống của một bộ phận công nhân đã được cải thiện, nhưng vẫn đang tồn tại sự bất công, bất bình đẳng trong thu nhập giữa giai cấp tư sản với quần chúng lao động. Dù có cố gắng tìm cách “thích nghi” và dùng mọi biện pháp xoa dịu nhưng giai cấp tư sản không thể khắc phục được mâu thuẫn cố hữu của nó. Thực tế cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân vẫn diễn ra ở các nước tư bản chủ nghĩa dưới nhiều hình thức phong phú, với những nội dung khác nhau.

## **CÂU 28: TẠI SAO NÓI ĐẢNG CỘNG SẢN LÀ NHÂN TỐ QUYẾT ĐỊNH THỰC HIỆN THẮNG LỢI SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN?**

Theo quy luật ở đâu có áp bức thì ở đó có đấu tranh, các cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân ban đầu chỉ có tính chất lẻ tẻ tự phát như đập phá máy móc, lãn công, nhưng về sau đã phát triển thành phong trào do tổ chức công đoàn, là tổ chức chính trị của giai cấp công nhân lãnh đạo, với mục tiêu đòi: quyền dân sinh dân chủ, tăng lương, giảm giờ làm, những cuộc đấu tranh này tuy còn ở trình độ thấp nhưng nó đã có tác dụng lôi cuốn kể cả những người kém giác ngộ nhất. Nhưng thực chất đấu tranh về kinh tế chẳng qua chỉ là đòi bán sức lao động cao hơn chứ chưa giải quyết triệt để được nạn bóc lột người. Do đó, nếu chỉ có địa vị kinh tế - xã hội không thôi thì bản thân giai cấp công nhân cũng không thể tự ý thức được sứ mệnh lịch sử của mình mà phải có những người ưu tú, tiên tiến tiếp thu tư tưởng lý luận của chủ nghĩa xã hội khoa học, truyền bá những tư tưởng ấy vào phong trào công nhân, giác ngộ giai cấp công nhân về mặt tư tưởng, thành lập chính Đảng, lãnh đạo phong trào đấu tranh không những

chỉ đòi quyền lợi về kinh tế mà phải tiến tới mục tiêu nhằm lật đổ giai cấp tư sản, giải phóng giai cấp mình đồng thời giải phóng toàn xã hội.

Trước hết phải nói rằng, trong lịch sử không có một giai cấp nào khi giữ vai trò lãnh đạo mà lại không thông qua Chính Đảng của mình, là tổ chức cao nhất, đại biểu cho trí tuệ và lợi ích của toàn thể giai cấp. Đối với giai cấp công nhân chính Đảng của mình là Đảng cộng sản, Đảng là bộ tham mưu chiến đấu của giai cấp, là đại biểu trung thành với lợi ích và quyền lợi của giai cấp, của nhân dân lao động và của dân tộc. Giữa Đảng với giai cấp công nhân có mối liên hệ hữu cơ không thể tách rời. Những Đảng viên Đảng cộng sản có thể không phải là giai cấp công nhân nhưng phải là người giác ngộ về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân và đứng trên lập trường của giai cấp công nhân. Đảng cộng sản là Đảng của giai cấp công nhân, nhưng giai cấp công nhân không phải là Đảng cộng sản; vì thế không thể lẫn lộn Đảng với giai cấp. Đảng đại diện cho quyền lợi của giai cấp và quyền lợi của cả dân tộc, vì vậy Đảng phải lôi cuốn tất cả các tầng lớp nhân dân lao động và cả dân tộc đứng lên hành động theo đường lối của Đảng nhằm hoàn thành sứ mệnh lịch sử của giai cấp.

Thực tế lịch sử đã chứng minh chưa có một giai cấp nào giành và giữ được địa vị thống trị nếu như không tạo ra được trong hàng ngũ của mình những lãnh tụ chính trị, những lực lượng tiên phong để lãnh đạo toàn bộ cuộc đấu tranh. Đó là Đảng chính trị mang bản chất giai cấp. Vì vậy, trong cuộc đấu tranh chống giai cấp tư sản, chỉ khi nào giai cấp công nhân tự tổ chức ra chính Đảng của mình thì cuộc đấu tranh mới có thể đảm bảo giành thắng lợi trọn vẹn.

- Sự lãnh đạo của Đảng cộng sản là nhân tố quyết định đầu tiên đảm bảo cho giai cấp công nhân hoàn thành thắng lợi sứ mệnh lịch sử của mình, vì Đảng cộng sản mang bản chất giai cấp công nhân. Đảng cộng sản là tổ chức bao gồm những phần tử tiên tiến, ưu tú của giai cấp công nhân và nhân dân lao động.
- Đảng cộng sản đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động, Đảng cộng sản lấy chủ nghĩa Mác – Lênin làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho mọi hoạt động của Đảng.

Vai trò lãnh đạo của Đảng cộng sản được thể hiện:

- Đảng cộng sản là bộ tham mưu chiến đấu của giai cấp, Đảng lãnh đạo bằng việc đề ra cương lĩnh chính trị, đường lối chiến lược, xác định mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ của quá trình cách mạng cũng như của từng giai đoạn cách mạng trong từng nước cũng như trên toàn thế giới.
- Phương pháp lãnh đạo của Đảng bằng tuyên truyền đường lối, giáo dục, bằng thuyết phục giai cấp công nhân và quần chúng nhân dân lao động thực hiện thắng lợi đường lối đã đề ra.

## **CÂU 29: VÌ SAO CHUYỂN TỪ CÁCH MẠNG DÂN TỘC, DÂN CHỦ, NHÂN DÂN LÊN CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM LÀ TẤT YẾU?**

Thực chất cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở Việt Nam là: sau khi đánh đuổi đế quốc xâm lược và lật đổ chế độ phong kiến, bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa đi thẳng lên chủ nghĩa xã hội. Bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa nó vừa là nguyện vọng của nhân dân ta, vừa là quy luật phát triển, tiến hóa của nhân loại bởi những lẽ sau đây:

Sau khi thực dân Pháp xâm lược nước ta, cứu nước là đề tài bao trùm và thôi thúc nhiều thế hệ Việt Nam trên con đường bảo vệ sự sống còn của dân tộc. Từ phong trào Cần Vương, Phan Chu Trinh, Phan Bội Châu, Nguyễn Thái Học... các phong trào này đã góp phần thức tỉnh nâng cao dân trí, nhưng do sự hạn chế của ý thức hệ phong kiến, tư sản, cải lương nên không đáp ứng được đầy đủ những yêu cầu của dân tộc, mặt khác nó lại tỏ ra bất cập so với xu thế của thời đại khi mà Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917 đang làm thức tỉnh các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc, mở ra con đường giải phóng dân tộc bỏ qua giai đoạn thống trị của chế độ tư bản để tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Trong thực tế đó đòi hỏi cách mạng Việt Nam phải được giải quyết theo xu hướng xã hội chủ nghĩa, đó vừa là nguyện vọng, vừa là nhu cầu của các giai cấp và các tầng lớp ở Việt Nam. Vào thời kỳ đó giai cấp công nhân tuy số lượng không đông, nhưng sinh ra và lớn lên trong một nước phong kiến nửa thuộc địa, bị ba tầng áp bức, bóc lột. Nổi uất hận mất nước bên cạnh mối thù của người lao động bị bóc lột nên giai cấp công nhân Việt Nam sớm trưởng thành về ý thức dân tộc, nhiều cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân, nông dân đã làm cho bọn đế quốc thực dân, phong kiến hoảng sợ, tuy nhiên nhiên các cuộc đấu tranh vẫn còn mang tính tự phát tức nước vỡ bờ, nhưng Nguyễn Ái Quốc cho rằng trong điều kiện đó chủ nghĩa xã hội chỉ còn việc phải gieo hạt giống của công cuộc giải phóng nữa thôi. Người còn khẳng định: chỉ có chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức. Trong tình hình đó người đã ra sức truyền bá chủ nghĩa Mác – Lênin. Đảng cộng sản Việt Nam ra đời, từ khi phong trào đấu tranh của nhân dân ta có Đảng lãnh đạo, lịch sử đấu tranh của nhân dân ta đã chuyển sang trang lịch sử mới *“độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội”*.

Từ cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân, tức đánh đuổi đế quốc xâm lược và lật đổ chế độ phong kiến tiến thẳng lên cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam là một quy luật do các yếu tố sau đây quy định:

- **Trước hết xét về nguyện vọng:** sau khi thực dân Pháp xâm lược nước ta cứu nước là đề tài thôi thúc nhiều thế hệ Việt Nam trên con đường bảo vệ sự sống còn của dân tộc, nhưng các phong trào đó đều thất bại vì nó không đáp ứng được nguyện vọng của đông đảo nhân dân và chỉ khi Đảng cộng sản ra đời với mục tiêu “cách mạng thổ địa để đi tới xã hội cộng sản”, tức độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, vì vậy mà nó đã lôi cuốn mọi tầng lớp đứng lên đánh đuổi đế quốc xâm lược, hoàn thành nhiệm vụ cách mạng dân tộc, giải phóng đất nước.
- **Hai là:** xét về vai trò của giai cấp công nhân Việt Nam từ khi có Đảng lãnh đạo, đã nhanh chóng bước lên vũ đài chính trị với tư cách là một lực lượng chính trị độc lập với mục tiêu: giải phóng dân tộc xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản ở Việt Nam, tức nền dân chủ xã hội chủ nghĩa. Vì vậy, không có lý do gì để từ bỏ mục tiêu ấy.
- **Ba là:** xét về yếu tố thời đại, sau Cách mạng Tháng Mười Nga 1917 đã làm thức tỉnh các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc, mở ra một thời đại mới. Thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, thời đại mà nhân dân lao động làm chủ xã hội với mục tiêu công bằng xã hội, dân chủ văn minh. Vì vậy, sau đại thắng mùa xuân 1975 giang sơn thu về một mối, cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội. Bên cạnh những thành tựu to lớn đã đạt được, nhưng chúng ta còn mắc phải một số thiếu sót song đã kịp thời phát hiện và sửa chữa, khắc phục có hiệu quả. Trong công cuộc đổi mới bằng thực tiễn sinh động, cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam đã chứng minh và làm



sáng tỏ thêm cả về lý luận cũng như thực tiễn về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội. Thắng lợi bước đầu của công cuộc đổi mới có ý nghĩa rất quan trọng: trước hết đã đưa đất nước thoát khỏi tình trạng khủng hoảng, tạo ra tiền đề vững chắc bước vào giai đoạn công nghiệp hoá, hiện đại hoá, đời sống nhân dân lao động được cải thiện rõ rệt, hệ thống chính trị ổn định, quốc phòng, an ninh vững chắc, vị thế nước ta trên trường quốc tế không ngừng được nâng cao.

### **CÂU 30: HIỆN NAY CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA CÓ PHẢI LÀ TẤT YẾU KHÔNG? VÌ SAO?**

Xã hội loài người được bắt đầu từ hình thái kinh tế xã hội cộng sản nguyên thủy, hình thái kinh tế - xã hội chiếm hữu nô lệ, hình thái kinh tế - xã hội phong kiến, hình thái kinh tế - xã hội tư bản chủ nghĩa. Theo đúng quy luật thì hình thái kinh tế - xã hội tư bản nhất định sẽ được thay thế bằng hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa. Theo đúng quy luật diễn ra trong lịch sử sự thay thế này đều có nguyên nhân do lực lượng sản xuất phát triển dẫn đến mâu thuẫn với quan hệ sản xuất, mâu thuẫn này thường được giải quyết bằng một cuộc cách mạng xã hội.

Nhưng căn cứ vào điều kiện lịch sử đang diễn ra khi mà chủ nghĩa tư bản cạnh tranh đã chuyển sang giai đoạn đế quốc xâm lược. Lênin cho rằng: *"ở những nước tư bản chủ nghĩa mới ở trình độ trung bình và thậm chí ở những nước chưa qua chủ nghĩa tư bản sau khi giai cấp công nhân làm cuộc cách mạng thành công cũng có thể bước ngay vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội"*. Luận điểm của Lênin dự báo sự chuyển biến lên hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa ở những nước tư bản chủ nghĩa mới ở trình độ trung bình và thậm chí ở những nước chưa qua chủ nghĩa tư bản là hoàn toàn có cơ sở. Hình thức "đặc biệt" đã xảy ra ở Nga và các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu. Hình thức: *"đặc biệt của đặc biệt"* cũng đã xuất hiện ở Việt Nam, Trung Quốc, Cu Ba, Triều Tiên, Lào.

Sự ra đời hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa là một quy luật. Ngày nay, giai cấp tư sản cũng đã phần nào ý thức được quy luật vận động của hình thái kinh tế - xã hội, họ cũng đã cố gắng vận dụng điều chỉnh. Vì vậy, sự căng thẳng giữa tư sản và vô sản ở các nước tư bản có vẻ như như đã dịu bớt. Nhưng những mâu thuẫn cố hữu vốn có trong kinh tế và trong lĩnh vực xã hội của chủ nghĩa tư bản là không thể mất đi được, mà nó chỉ là tạm thời. Mâu thuẫn đó chỉ có thể được giải quyết một khi toàn bộ các tư liệu sản xuất trở thành của toàn xã hội. Vì vậy, khi luận chứng về tính tất yếu sự ra đời của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa Lênin đã cảnh báo: đừng có ảo tưởng mơ hồ vào sự tự sụp đổ của chủ nghĩa tư bản, mặc dù phương thức sản xuất tư bản đã lỗi thời nhưng giai cấp tư sản sẽ kiên quyết bảo vệ chế độ sở hữu tư bản chủ nghĩa bằng đủ mọi phương tiện mà chúng có trong tay. Vì vậy, muốn thủ tiêu chủ nghĩa tư bản, cần phải có hành động cách mạng tự giác của quần chúng nhân dân lao động dưới sự lãnh đạo của một Đảng tiên phong, Đảng của giai cấp công nhân.

Ngày nay, lịch sử thế giới đang trải qua những bước quanh co, phức tạp. Chủ nghĩa tư bản dựa vào ưu thế về kinh tế, khoa học – công nghệ và sức mạnh quân sự đang tìm mọi cách phổ biến những giá trị của phương Tây, tuyên truyền quan điểm đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập hoặc "phi giai cấp", "phi ý thức hệ", "phi chính trị"; làm lẫn lộn giữa đúng, sai, phải, trái nhằm chống lại chủ nghĩa xã hội và những lực lượng hòa bình và tiến bộ trên thế giới, đặc biệt đối với các nước xã hội chủ nghĩa, chủ nghĩa đế quốc đã thực hiện chiến lược diễn biến hòa bình, tuyên truyền các lý thuyết tư sản,

tìm mọi cách phủ nhận học thuyết Mác – Lênin, mặt khác, chúng đang tìm cách mua chuộc, làm thoái hóa về tư tưởng, đạo đức, lối sống trong một bộ phận cán bộ, đảng viên. Do vậy các đảng cộng sản, các nhà nước xã hội chủ nghĩa phải đẩy mạnh cuộc đấu tranh tư tưởng bằng nhiều cách khác nhau, phê phán những tư tưởng phản động, hiếu chiến muốn duy trì sự thống trị, sự áp bức giữa nước giàu đối với nước nghèo, nước lớn đối với nước nhỏ; cổ vũ cho cuộc đấu tranh, vì một thế giới hòa bình, hữu nghị, đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau cùng phát triển.

Sự thoái trào của chủ nghĩa xã hội hiện nay chỉ là tạm thời, nhiều nước xã hội chủ nghĩa vẫn đang tồn và đang tiến hành cải cách đổi mới để phát triển như: Trung Quốc, Việt Nam, Cu Ba, Triều Tiên, Lào. Cuộc đấu tranh vì lý tưởng, mục tiêu xã hội chủ nghĩa vẫn đang tiếp tục diễn ra trên thế giới. Hiện tượng nổi bật ngoạn mục nhất là ở châu Mỹ la tinh là sân sau của nước Mỹ đã có bốn nước do các Đảng cánh tả nắm quyền sau bầu cử và đã tuyên bố đi theo con đường xã hội chủ nghĩa như: Venezuela, Bolivia, Êcuado, Nicaragua ngoài ra còn có các nước như: Argentina, Chile, Uruguay, Brazil, cũng do các Đảng cánh tả nắm chính quyền và có xu hướng xã hội chủ nghĩa, ở Liên - Xô cũ và các nước xã hội chủ nghĩa trước đây ở Đông Âu nhân dân lao động cũng đang cùng với những người cộng sản trung kiên đấu tranh vì lý tưởng cộng sản.

Xu thế của thời đại ngày nay vẫn là độc lập gắn liền với chủ nghĩa xã hội, là một tất yếu khách quan, là mục tiêu của thời đại.

### **CÂU 31: PHÂN TÍCH NHỮNG XU THẾ CỦA THỜI ĐẠI NGÀY NAY. Ý NGHĨA VIỆC NGHIÊN CỨU VẤN ĐỀ NÀY ĐỐI VỚI CHÚNG TA HIỆN NAY?**

Lịch sử xã hội loài người đã trải qua các thời đại: từ thời đại xã hội nguyên thủy, thời đại chiếm hữu nô lệ, thời đại phong kiến, thời đại tư sản và thời đại cộng sản chủ nghĩa, tức thời đại ngày nay. *“Thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới”*, được mở đầu bằng cuộc cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917.

Thời đại ngày nay, có thể chia thành các giai đoạn nhỏ sau đây:

- Giai đoạn 1, từ năm 1917 – 1945.
- Giai đoạn 2, từ sau năm 1945 đến đầu những năm 1970.
- Giai đoạn 3, từ cuối những năm 1970 đến cuối những năm 1980.
- Giai đoạn 4, giai đoạn từ đầu những năm 1990 đến hiện nay.

#### **Những xu thế chủ yếu của thế giới hiện nay**

##### **a. Toàn cầu hoá:**

Cách mạng khoa học – công nghệ là một động lực xuyên quốc gia, nó đang tạo ra cơ sở vật chất cho quá trình toàn cầu hoá, thúc đẩy sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế, làm thay đổi nhiều quan niệm cũ về nhiều lĩnh vực trên phạm vi quốc gia và quốc tế. Toàn cầu hoá là một xu thế khách quan, vừa có mặt tích cực vừa có mặt tiêu cực, đang bị các nước phát triển và các tập đoàn kinh tế xuyên quốc gia chi phối. Toàn cầu hoá buộc các quốc gia phải chủ động xác định lộ trình hội nhập vào mọi mặt đời sống nhất là lĩnh vực kinh tế của thế giới.

##### **b. Hoà bình, ổn định để cùng phát triển:**

Từ những hậu quả các cuộc chiến tranh trên thế giới, các quốc gia đều nhận thấy được tầm quan trọng ổn định để phát triển. Trong thực tế không một nước nào có thể phát triển được trong hoàn cảnh có chiến tranh, do vậy, hoà bình đã trở thành nhu cầu bức xúc của các dân tộc trên thế giới. Có hoà bình mới có điều kiện thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài, mới huy động được sức người, sức của trong nhân dân để phát triển đất nước, và một khi kinh tế phát triển mới có thể ổn định, phát triển đất nước.

*c. Gia tăng xu hướng hợp tác giữa các quốc gia:*

Với sự phát triển mạnh mẽ của cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật, tạo ra xu hướng toàn cầu. Do đó, hợp tác là xu hướng tất yếu trên thế giới hiện nay. Hình thức hợp tác quốc tế hiện nay cũng rất đa dạng, hợp tác song phương, hợp tác khu vực, hợp tác quốc tế. Hợp tác kinh tế, hợp tác khoa học kỹ thuật, nghiên cứu, chống tham nhũng, chống khủng bố, chống tội phạm...

*d. Các dân tộc ngày càng nâng cao ý thức độc lập, tự chủ, tự cường:*

Với sự phát triển mạnh mẽ của cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật tác động trên mọi lĩnh vực đã làm cho các dân tộc ngày càng ý thức được quyền độc lập dân tộc, quyền tự quyết chế độ chính trị, quyền lựa chọn con đường phát triển... Mặt khác các nước lớn, các nước giàu thường ỷ lại vào thế mạnh kinh tế, quân sự để chi phối các nước nhỏ, các nước nghèo bằng cách áp đặt quan điểm chính trị, bóc lột các nước nghèo thông qua trao đổi mua bán không bình đẳng, thậm chí chúng còn tiến hành cả chiến tranh xâm lược lật đổ, vì vậy quyền độc lập dân tộc, quyền tự quyết chế độ chính trị, quyền lựa chọn con đường phát triển của các nước dân tộc chủ nghĩa ngày nay đang là vấn đề sống còn ở mỗi nước.

*e. Các nước xã hội chủ nghĩa, các Đảng cộng sản và công nhân kiên trì đấu tranh vì hoà bình tiến bộ và phát triển:*

Tình hình quốc tế hiện nay đang có những diễn biến phức tạp, nhưng hoà bình, ổn định, tiến bộ và phát triển vẫn là xu thế chung của nhân loại. Hiện nay, tuy xã hội chủ nghĩa đang gặp khó khăn rất lớn, đang phải đấu tranh chống lại những âm mưu phá hoại của kẻ thù, nhưng các nước xã hội chủ nghĩa, cùng với các Đảng cộng sản vẫn là lực lượng đi đầu, là nòng cốt trong cuộc đấu tranh chống lại những thế lực gây chiến, bảo vệ hoà bình thế giới, phấn đấu cho sự phát triển và tiến bộ của nhân loại.

*f. Các nước có chế độ chính trị khác nhau vừa hợp tác, vừa đấu tranh cùng tồn tại trong hòa bình.*

Nhìn chung ở các nước xã hội chủ nghĩa hiện nay là những nước đang có nền kinh tế phát triển thấp, trình độ khoa học công nghệ chưa cao, nhưng lại có lợi thế về tài nguyên. Do vậy, cần phải tranh thủ khoa học công nghệ tiên tiến thông qua kêu gọi đầu tư và khi thấy có lợi nhuận, họ sẽ mở rộng buôn bán với các nước xã hội chủ nghĩa, thông qua đó mà các nước xã hội chủ nghĩa tiếp thu được khoa học kỹ thuật, công nghệ tiên tiến để nâng cao sản xuất, đáp ứng được sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá của mình. Song sự đối lập về hệ tư tưởng của giai cấp công nhân và giai cấp tư sản không vì vậy mà giảm đi.

Thế giới hiện nay đang tồn tại cả những thời cơ và thách thức, những người cộng sản phải nghiên cứu nắm bắt thời cơ, tranh thủ những thuận lợi để vượt qua những khó khăn, đưa cách mạng tiến lên. Vì vậy đòi hỏi các Đảng cộng sản, các Nhà nước xã hội chủ nghĩa phải tự đổi mới, phải tiếp tục bổ sung, phát triển về mặt lý luận, đấu tranh khắc phục tình trạng yếu kém trong quản lý kinh tế, quản lý xã hội, quản lý Nhà nước để đưa cách mạng tiến lên, phải nhanh chóng tập hợp lực lượng, khắc phục những bất

đồng, kịp thời ngăn chặn âm mưu của những thế lực phản động quốc tế, thông qua đó mà phát huy ảnh hưởng trong quần chúng nhân dân, đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ và mục tiêu của chủ nghĩa cộng sản.

Muốn thực hiện được điều đó, các Đảng cộng sản phải có đường lối cách mạng, có chiến lược, sách lược đúng đắn, phải tìm ra nhiều hình thức đấu tranh, phải tiếp tục bổ sung phát triển chủ nghĩa Mác – Lênin cho phù hợp với thời đại ngày nay.

### **CÂU 32. CUỘC CÁCH MẠNG KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ CÓ NHỮNG TÁC ĐỘNG GÌ TỚI SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA VIỆT NAM HIỆN NAY?**

Thực chất của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ là thay đổi công cụ lao động tiên tiến hơn trong lĩnh vực sản xuất làm cho năng suất lao động được nâng cao. Kể từ khi cuộc cách mạng công cụ lao động lần thứ nhất đến nay, do thành quả của nó mang lại làm cho lực lượng sản xuất trên thế giới phát triển nhanh chóng. Người ta ước tính cứ trung bình từ 10 đến 15 năm của cải của toàn nhân loại lại được tăng lên gấp đôi, làm cho mức sống của con người không ngừng được nâng cao dẫn đến làm thay đổi nhiều quan niệm của đời sống xã hội từ kinh tế tới chính trị, văn hoá, lối sống và làm cho các nước phải lệ thuộc vào nhau.

Do đó đòi hỏi mỗi chúng ta phải nghiên cứu, nắm vững và thích ứng trong xu hướng toàn cầu hóa hiện nay thì không thể có một quốc gia nào, dân tộc nào đứng ngoài cuộc. Đây là thời cơ để các nước chậm phát triển nhanh chóng tranh thủ được những tiến bộ khoa học của các nước tiên tiến, nhưng đồng thời nó cũng là một thách thức đối với các nước chậm phát triển, nếu không nắm bắt được thời cơ để phát triển đi lên sẽ trở thành lệ thuộc vào các nước phát triển. Việt Nam cũng nằm trong số các nước chậm phát triển. Đây là bài toán đòi hỏi chúng ta phải tìm lời giải đáp

Việt Nam sau 20 năm đổi mới, thăng lợi bước đầu có ý nghĩa rất quan trọng:

- Trước hết là về mặt tích cực: đã đưa đất nước thoát khỏi tình trạng khủng hoảng, tạo ra tiền đề vững chắc để bước vào giai đoạn công nghiệp hoá, hiện đại hoá, hòa nhập vào nền kinh tế của cộng đồng thế giới, đời sống nhân dân lao động được cải thiện rõ rệt, thu nhập tăng lên, hệ thống chính trị ổn định, quốc phòng, an ninh vững chắc, vị thế nước ta trên trường quốc tế không ngừng được nâng cao.
- Bên cạnh của mặt tích cực, mặt tiêu cực cũng không phải là nhỏ: như phân hóa giàu nghèo, tham nhũng, ô nhiễm môi trường, tai nạn giao thông, các tệ nạn xã hội, ma túy, trộm cướp, cờ bạc nghiện hút, truyền thống bản sắc văn hóa dân tộc bị văn hóa phương tây lấn át. Vì vậy, hơn lúc nào hết cùng với việc tiếp thu những tiến bộ của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ mang lại, đồng thời phải biết bảo vệ những gì là bản sắc văn hóa, bản truyền thống và bảo vệ được sự độc lập chủ quyền của dân tộc.

### **CÂU 33: VÌ SAO NÓI VIỆT NAM QUA ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI, BỎ QUA CHẾ ĐỘ TƯ BẢN CHỦ NGHĨA LÀ TẤT YẾU? HÃY NÊU NHỮNG KHÓ KHĂN VÀ THUẬN LỢI.**

Theo đúng quy luật thì tất cả các cuộc cách mạng xã hội diễn ra trong lịch sử đều có nguyên nhân do lực lượng sản xuất phát triển dẫn đến mâu thuẫn với quan hệ sản xuất, để giải quyết mâu thuẫn ấy thường được giải quyết bằng một cuộc cách mạng xã hội. Nhưng căn cứ vào điều kiện lịch sử đang diễn ra khi mà chủ nghĩa tư bản cạnh tranh đã chuyển sang giai đoạn đế quốc xâm lược, Lênin cho rằng: Ở những nước tư

bản chủ nghĩa mới ở trình độ trung bình và thậm chí ở những nước chưa qua chủ nghĩa tư bản sau khi giai cấp công nhân làm cuộc cách mạng thành công cũng có thể bước ngay vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Nhưng đối với những nước đó phải có những điều kiện cơ bản sau đây:

- **Một là**, khi chủ nghĩa tư bản cạnh tranh đã chuyển sang giai đoạn chủ nghĩa đế quốc xâm lược, chúng gây chiến tranh với nhau đòi chia lại thị trường thế giới gây ra nhiều đau thương cho nhân dân các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc, những mâu thuẫn đó chính là điều kiện, là thời cơ để Đảng của giai cấp công nhân lãnh đạo quần chúng nhân dân lao động ở các nước đó vùng lên làm cách mạng giải phóng dân tộc, giành lấy chính quyền.
- **Hai là**, ảnh hưởng của phong trào công nhân quốc tế, sự ra đời của một số nước xã hội chủ nghĩa đã làm thức tỉnh nhiều dân tộc thuộc địa và phụ thuộc. Việt Nam là một nước điển hình nằm trong số đó.

Đặc điểm đi lên chủ nghĩa xã hội chưa qua giai đoạn tư bản chủ nghĩa cho nên trên lĩnh vực kinh tế vẫn còn tồn tại nhiều thành phần kinh tế đan xen, thậm chí còn có các thành phần kinh tế đối lập với nhau, trên lĩnh vực xã hội do kết cấu kinh tế quy định mà trong xã hội vẫn còn nhiều giai cấp và tầng lớp khác nhau, đương nhiên còn có cả sự đối kháng về tư tưởng, biểu hiện rõ nhất là đấu tranh giữa hai luồng tư tưởng: đi lên chủ nghĩa xã hội hay đi theo con đường tư bản chủ nghĩa.

Song đây là cuộc đấu tranh trong điều kiện mới, giai cấp công nhân đã trở thành giai cấp cầm quyền và có thể nói thời kỳ quá độ là rất phức tạp, giữa cái cũ và cái mới còn đan xen với nhau, vừa hỗ trợ cho nhau, vừa đấu tranh với nhau, đôi khi cái mới tạm thời bị cái cũ lấn át, do đó, trong thực tế phải tìm tòi thử nghiệm, nhiều khi phải làm đi làm lại mới xác định được giá trị chân thực của nó, đồng thời, thời kỳ quá độ ở nước ta tất yếu phải trải qua một thời gian lâu dài và nhất thiết phải có sự quản lý của Nhà nước nhằm đi đúng theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

### **CÂU 34. NHỮNG ĐẶC TRƯNG CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM TRƯỚC THỜI KỲ ĐỔI MỚI VÀ SAU THỜI KỲ ĐỔI MỚI CÓ GÌ KHÁC NHAU?**

Đặc điểm và thực chất của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta

- **Trước thời kỳ đổi mới**: sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp năm 1954 miền Bắc đi lên chủ nghĩa xã hội, miền Nam tiếp tục kháng chiến chống Mỹ xâm lược, được kết thúc bằng thắng lợi 30 tháng 4 năm 1975, giang sơn thu về một mối, cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội nhưng do nhận thức chưa đầy đủ về thời kỳ quá độ nên đã phạm phải một số sai lầm: chủ quan duy ý chí, nóng vội xóa bỏ các thành phần kinh tế chỉ còn hai thành phần kinh tế (quốc doanh và tập thể) trong khi ở nước ta vẫn đang còn là một nước có nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu. Trong quản lý kinh tế không tôn trọng quy luật khách quan, mang nặng tính quan liêu bao cấp đó chính là nguyên nhân làm triệt tiêu các tiềm năng, động lực, không phát huy được hết nội lực trong nhân dân, nước ta bị rơi vào khủng hoảng kinh tế - xã hội.
- **Sau thời kỳ đổi mới**: vào cuối những năm 80 của thế kỷ 20 ngay từ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI (năm 1986) Đảng đã xác định thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta là nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa có sự quản lý của nhà nước, vẫn còn tồn tại nhiều thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo. Từ những quan điểm chỉ đạo đó, xã hội dần dần ổn định, đời



sống của nhân dân từng bước được cải thiện. Đó là cơ sở để chúng ta chứng minh và làm sáng tỏ thêm cả về lý luận cũng như thực tiễn về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa

- **Đánh giá về thành tựu 20 năm đổi mới.** Đảng ta nhận định: trước hết về mặt lý luận cũng như thực tiễn đã cho chúng ta nhận thức đầy đủ hơn về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua giai đoạn tư bản chủ nghĩa nhưng chỉ bỏ qua việc xác lập vai trò thống trị của giai cấp tư sản và kiến trúc thượng tầng của nó, nhưng phải kế thừa những thành tựu của nhân loại đặc biệt là khoa học công nghệ. Thắng lợi bước đầu của công cuộc đổi mới có ý nghĩa rất quan trọng, trước hết đã đưa đất nước thoát khỏi tình trạng khủng hoảng, tạo ra tiền đề vững chắc để nước ta bước vào giai đoạn công nghiệp hoá, hiện đại hoá, đời sống nhân dân lao động được cải thiện rõ rệt, hệ thống chính trị ổn định, quốc phòng, an ninh vững chắc, vị thế nước ta trên trường quốc tế không ngừng được nâng cao.

### **CÂU 35. HÃY NÊU VÀ PHÂN TÍCH NHỮNG THÀNH TỰU VÀ HẠN CHẾ TRONG ĐỔI MỚI HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ MỞ RỘNG DÂN CHỦ TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI TRONG NHỮNG NĂM QUA Ở VIỆT NAM?**

Hệ thống chính trị gồm: *Đảng cộng sản, Nhà nước xã hội chủ nghĩa và các đoàn thể chính trị hợp pháp khác. Trong hệ thống chính trị, Đảng cộng sản vừa là một bộ phận cấu thành trong hệ thống chính trị ấy, vừa là người lãnh đạo toàn xã hội, Nhà nước là người quản lý xã hội, nhân dân lao động là người làm chủ.*

Hệ thống chính trị ở nước ta ra đời sau Cách Mạng Tháng Tám 1945, được chia làm hai giai đoạn:

- **Giai đoạn từ 1945 – 1975** đã hoàn thành nhiệm vụ chống đế quốc và phong kiến.
- **Giai đoạn từ năm 1975 đến nay** đang tiếp tục làm nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ tổ quốc. Trong quá trình đó nó có những ưu điểm như đã góp phần quyết định vào việc hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, thống nhất đất nước. Xây dựng được những cơ sở vật chất, kỹ thuật ban đầu của chủ nghĩa xã hội. Bước đầu xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, nhưng qua đó cũng đã bộc lộ những khuyết điểm như chưa phân định rõ nhiệm vụ, chức năng giữa Đảng và Nhà nước, bộ máy cồng kềnh, chòng chéo, kém hiệu lực, quan liêu, bao cấp, cửa quyền, suy thoái về đạo đức lối sống, cơ hội, chủ nghĩa cá nhân, tham nhũng lãng phí trong một bộ phận cán bộ công chức chậm khắc phục, vì vậy, đổi mới hệ thống chính trị ở nước ta hiện nay là một yêu cầu khách quan, cần thiết.

Trong công cuộc đổi mới hệ thống chính trị ở nước ta hiện nay phải tuân theo một số nguyên tắc cơ bản sau đây:

- **Một là**, đổi mới hệ thống chính trị ở nước ta, là đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, đổi mới công tác tổ chức cán bộ và các mối quan hệ giữa các tổ chức chính trị chứ không phải thay đổi mục tiêu, con đường xã hội chủ nghĩa.
- **Hai là**, trong quá trình xây dựng hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, những nguyên tắc, chức năng, nhiệm vụ của chuyên chính vô sản, tức dân chủ xã hội chủ nghĩa phải được thể hiện ngày càng tốt hơn.
- **Ba là**, đổi mới là một yêu cầu cấp thiết của toàn xã hội trên tất cả các lĩnh vực, song phải có trọng điểm mà trước hết phải nhằm ổn định đời sống nhân dân, kinh tế phát

tiến, trên cơ sở đó để từng bước đổi mới hệ thống chính trị trong sự ổn định trên con đường đi lên chủ nghĩa xã hội.

- **Bốn là**, hệ thống chính trị ở nước ta không chấp nhận “Đa nguyên chính trị, đa Đảng đối lập”. Đây chỉ là luận điệu đối trá bịp bợm, chứ về thực chất ở các nước tư bản nhất là ở Mỹ cũng chỉ là nhất nguyên về chính trị. Do đó, đặt vấn đề đa nguyên chính trị, đa Đảng đối lập là không thích hợp, nó chỉ tạo ra sự rối loạn xã hội có hại đến lợi ích của nhân dân. Trên cơ sở đó đổi mới hệ thống chính trị ở nước ta hiện nay cần chú ý các nội dung:

### **Về xây dựng và chỉnh đốn Đảng:**

Phải xác định, Đảng lãnh đạo xã hội bằng chủ trương đường lối, chiến lược. Phương pháp lãnh đạo của Đảng là bằng kiểm tra, giáo dục, tuyên truyền và nêu gương. Xây dựng, chỉnh đốn, đổi mới, mà trước hết là phải đổi mới tư duy về lý luận, đặc biệt là tư duy về kinh tế, đổi mới trong sinh hoạt Đảng và thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, nâng cao chất lượng cán bộ, Đảng viên, nâng cao chất lượng các tổ chức Đảng từ trung ương đến cơ sở, gắn với những hoạt động thực tiễn trên mọi lĩnh vực của xã hội trong giai đoạn hiện nay.

### **Cải cách bộ máy Nhà nước:**

Trước hết là quốc hội, đây là cơ quan quyền lực cao nhất, là cơ quan ban hành hệ thống pháp luật, do đó phải từng bước tăng tỷ lệ đại biểu quốc hội chuyên trách, phải tăng cường về hoạt động giám sát của quốc hội đối với chính phủ, toà án nhân dân tối cao, viện kiểm sát nhân dân tối cao và phải coi việc lấy ý kiến nhân dân trong quá trình xây dựng pháp luật và những quyết sách của quốc hội. Trên cơ sở đó mà từng bước nâng cao năng lực của các đại biểu hội đồng nhân dân các cấp.

Trong cải cách hành chính đối với bộ máy Nhà nước, trước hết là bộ máy hành chính từ Trung Ương đến các địa phương phải tinh gọn, năng động, có hiệu quả theo hướng “hành chính công” chính phủ điện tử, gắn liền với đổi mới là việc phải nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ công chức Nhà nước bằng việc đánh giá cán bộ công chức theo hướng lấy hiệu quả công việc làm thước đo, gắn với chế độ tiền lương, lương phải gắn với trách nhiệm trên cơ sở đó mới có thể tăng cường kiểm tra, giám sát, thưởng phạt nghiêm minh đối với cán bộ, công chức.

**Mặt trận là nơi tập hợp, vận động tất cả các giai cấp, các tầng lớp, các dân tộc, các tôn giáo, các tổ chức, các nghề nghiệp kể cả người Việt Nam ở nước ngoài trên tinh thần đoàn kết và cùng tán thành mục tiêu dân giàu nước mạnh, xã hội, công bằng, dân chủ, văn minh. Hoạt động phải tuân thủ theo pháp luật.**

Phải xác định, Đảng lãnh đạo xã hội bằng chủ trương đường lối, chiến lược. Phương pháp lãnh đạo của Đảng là bằng kiểm tra, giáo dục, tuyên truyền và nêu gương. Xây dựng, chỉnh đốn, đổi mới, mà trước hết là phải đổi mới tư duy về lý luận, đặc biệt là tư duy về kinh tế, đổi mới trong sinh hoạt Đảng và thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, nâng cao chất lượng cán bộ, Đảng viên, nâng cao chất lượng các tổ chức Đảng từ trung ương đến cơ sở, gắn với những hoạt động thực tiễn trên mọi lĩnh vực của xã hội trong giai đoạn hiện nay.

**CÂU 37: GIỮA TĂNG CƯỜNG SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VỚI XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA CÓ Mâu THUẦN NHAU KHÔNG? VÌ SAO?**

Trước hết về mặt nhận thức: nền dân chủ xã hội chủ nghĩa là chế độ dân chủ rộng rãi nhất trong lịch sử, tuy nhiên nó vẫn mang tính giai cấp, tức chuyên chính vô sản, do Đảng cộng sản, Đảng của giai cấp công nhân lãnh đạo. Trong hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa bao gồm ba bộ phận: Đảng cộng sản, Nhà nước xã hội chủ nghĩa, các đoàn thể nhân dân và các tổ chức chính trị - xã hội. Ba bộ phận này có vai trò, chức năng khác nhau nhưng có mối quan hệ hữu cơ với nhau tạo thành một chỉnh thể.

Trong quan hệ với Nhà nước, Đảng cộng sản lãnh đạo Nhà nước, chỉ đạo các hoạt động quản lý của Nhà nước bằng một hệ thống các quan điểm lý luận và nguyên tắc chính trị (trong đó có nguyên tắc tổ chức - cán bộ). Đảng cộng sản lãnh đạo Nhà nước chứ không làm thay Nhà nước, không can thiệp vào công việc của Nhà nước. Phương pháp lãnh đạo của Đảng là bằng kiểm tra, giáo dục, tuyên truyền và nêu gương. Đảng cộng sản. Đảng cộng sản lãnh đạo Nhà nước chứ không làm thay Nhà nước, không can thiệp vào công việc của Nhà nước. Đảng cộng sản hoạt động trong khuôn khổ pháp luật.

Nhà nước xã hội chủ nghĩa là bộ phận trụ cột của hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa, là cơ quan quyền lực thể hiện và thực hiện ý chí, quyền lực của nhân dân để bảo vệ nhân dân. Nhà nước xã hội chủ nghĩa là Nhà nước dân chủ (của dân, do dân, vì dân) có quyền lực (lập pháp, hành pháp, tư pháp) thống nhất (đều là của dân) nhưng có sự phân công rành mạch. Nhà nước quản lý xã hội bằng chính sách và pháp luật. Nhà nước xã hội chủ nghĩa phải đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản thực hiện đường lối của Đảng cộng sản, thể chế hoá đường lối của Đảng cộng sản thành hiến pháp và pháp luật.

## **CÂU 36. XÂY DỰNG KHỐI LIÊN MINH CÔNG - NÔNG - TRÍ THỨC Ở VIỆT NAM CÓ NHỮNG THUẬN LỢI VÀ KHÓ KHĂN GÌ TRONG QÚA TRÌNH CÁCH MẠNG?**

### **1. Những thuận lợi:**

**Giai cấp công nhân:** giai cấp công nhân ở Việt Nam hiện nay bao gồm những người lao động chân tay, lao động trí óc, hoạt động sản xuất trong các ngành công nghiệp thuộc các doanh nghiệp Nhà nước, hợp tác xã khu vực tư nhân, hợp tác liên doanh với nước ngoài, họ là người đại diện cho phương thức sản xuất tiên tiến, có trí thức. Họ là lực lượng đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, là hạt nhân vững chắc trong liên minh công nhân, nông dân, trí thức.

**Giai cấp nông dân:** là những người sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, là người trực tiếp sử dụng tư liệu sản xuất đặc thù là đất, rừng, biển để sản xuất ra nông sản.

**Tầng lớp trí thức:** bao gồm những người lao động trí óc, sáng tạo, có trình độ học vấn, hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực nghiên cứu, giảng dạy, ứng dụng khoa học, văn học, nghệ thuật. Sản phẩm của họ khó thấy hơn so với công nhân và nông dân nhưng lại có vai trò quyết định đến năng suất lao động, đến sự phát triển xã hội.

Liên minh giữa giai cấp công nhân - giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức ở Việt có những thuận lợi cơ bản là đa số đều xuất thân từ nông dân. Do đó, họ có mối quan hệ gần gũi tự nhiên với nhau.

## 2. Những khó khăn:

**Giai cấp công nhân** ở Việt Nam hiện nay là lực lượng đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, là hạt nhân vững chắc trong liên minh công nhân, nông dân, trí thức. Tuy nhiên, chúng ta không phủ nhận những nhược điểm của giai cấp công nhân Việt Nam: sinh ra và trưởng thành ở một nước phong kiến nửa thuộc địa, nông nghiệp lạc hậu nên hạn chế lớn nhất của giai cấp công nhân Việt Nam là số lượng còn ít, chịu ảnh hưởng tư tưởng Nho giáo phong kiến, mang nặng tác phong của nền sản xuất nhỏ tiểu nông, *“nặng nề, mưa ngủ, mát trời đi chơi”* không tôn trọng giờ giấc quen với lối làm ăn vô tổ chức, vô kỷ luật chậm chạp, lề mề, việc hôm nay để lại ngày mai, hoặc bỏ trôi qua cũng được,... Tâm lý cục bộ *“Một người làm quan cả họ được nhờ”*, *“Một giọt máu đào hơn ao nước lã”*, *“Ta về ta tắm ao ta”* hay *“trâu ta ăn cỏ đồng ta”*. Người cùng một địa phương thường bao che cho nhau, đối với những người ở địa phương khác thì ghẻ lạnh hoặc thành kiến. Tâm lý cục bộ ấy, trở thành một cản trở rất lớn khi tiến hành những công trình lớn, khó khăn trong những mưu tính lâu dài, nhìn xa, thấy rộng. Khi gặp thuận lợi thì ảo tưởng bốc đồng, gặp khó khăn thì hoang mang, dao động và lại tư duy theo lối mê tín, lại nhờ đến ma quỷ, trời phạt, lại *“sống về mồ, về mả lại muôn sự tại trời”*. Trạng thái tâm lý ấy đã hạn chế đến sự phát triển của khoa học, là cơ sở hình thành cho lối làm việc tùy tiện buông trôi, trông chờ vào sự may rủi.

**Giai cấp nông dân:** Nông dân có *“bản chất hai mặt”*: Một mặt họ là những người lao động. Mặt khác, họ lại là những người tư hữu nhỏ. Tuy nhiên, nông dân không phải là giai cấp bóc lột dựa vào tư hữu nhỏ. Nước ta xuất phát điểm đi lên chủ nghĩa xã hội vốn là nước nông nghiệp, giai cấp nông dân chiếm gần 80% dân số, nhưng nhiều tiềm năng chưa được khơi dậy, nông dân đang còn phải chịu thiệt thòi thu nhập thấp bấp bênh chưa được nhà nước trợ nông nghiệp miễn giảm thuế, tiêu thụ, chế biến, bảo quản, bảo hiểm nông sản, bảo hiểm sản xuất nông nghiệp, kiến thức quản lý kinh tế trình độ văn hóa thấp (nhất là ở nông thôn, bản miền núi, vùng các dân tộc ít người...).

## **CÂU 37. NHỮNG NỘI DUNG XÂY DỰNG KHỐI LIÊN MINH CÔNG - NÔNG - TRÍ THỨC LÀ GÌ? NỘI DUNG NÀO LÀ QUAN TRỌNG NHẤT? VÌ SAO?**

Sau khi tổng kết phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân ở Châu Âu cuối thế kỷ XIX, tổng kết bài học kinh nghiệm của công xã Pari (1871) Mác đã chỉ ra nguyên nhân của sự thất bại là do giai cấp công nhân không liên minh được với người bạn đồng minh tự nhiên của mình là giai cấp nông dân. Do đó trong cuộc đấu tranh chống lại giai cấp tư sản thì bài ca cách mạng sẽ trở thành *“bài ca ai điếu”*. Vận dụng và phát triển lý luận của Mác – Ăngghen trong điều kiện mới ở nước Nga Lênin cho rằng: giai cấp công nhân không những phải liên kết với nông dân mà còn phải liên minh với các tầng lớp lao động khác, và kể cả khi giai cấp vô sản đã nắm được chính quyền. Vận dụng quan điểm về liên minh với các tầng lớp lao động. Đảng ta đã cụ thể hóa nội dung:

### **1. Liên minh về mặt chính trị:**

Thực chất của liên minh về chính trị là nhằm tập hợp, đoàn kết rộng rãi được tất cả các giai cấp, các tầng lớp trong xã hội quy tụ dưới ngọn cờ của Đảng nhằm đạt được mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

### **2. Liên minh về kinh tế:**

Thực chất nội dung liên minh về kinh tế là nhằm đảm bảo đúng đắn được các lợi ích, trước hết là lợi ích về kinh tế, bảo đảm tất cả các giai tầng trong xã hội đều bình đẳng trước pháp luật, đây là nội dung cơ bản nhất, quyết định nhất và nó là cơ sở vững chắc nhất của liên minh trong thời kỳ quá độ. Nội dung đó được cụ thể hóa ở các điểm sau đây: Trước hết là phải tập trung cho nhiệm vụ trọng tâm “công nghiệp hóa hiện đại hóa” nhằm đáp ứng cho nhu cầu tiêu dùng, xuất khẩu. Bởi vì, nước ta xuất phát điểm đi lên chủ nghĩa xã hội vốn là nước nông nghiệp, giai cấp nông dân chiếm gần 80% dân số, nhưng nhiều tiềm năng chưa được khơi dậy, nông dân đang còn phải chịu thiệt thòi. Do đó, trước mắt phải hiện đại hóa nông thôn, phải tạo điều kiện cho nông dân hợp tác liên kết với nhau, liên kết với trí thức, liên kết với đô thị, liên kết với Nhà nước, liên kết với nước ngoài. Mặt khác Nhà nước, công nhân, trí thức phải chủ động đến với nông thôn để hướng dẫn, giúp đỡ, đồng thời cũng là mở rộng thị trường công nghiệp, khoa học công nghệ, có như vậy công, nông, trí thức mới ngày càng xích lại gần nhau. Đây là nội dung quan trọng nhất, bởi vì cơ sở kinh tế là nền tảng của mọi xã hội.

Đối với nông thôn cần phải hết sức chú ý đến các loại hình kinh tế hợp tác xã, kinh tế hộ gia đình, trang trại, các dịch vụ ở nông thôn. Đặc biệt là loại hình kinh tế hợp tác xã. Nếu coi nhẹ vấn đề hợp tác hóa, chạy theo quan điểm tư nhân hóa là chệch hướng xã hội chủ nghĩa, thậm chí làm tan vỡ liên minh, rối loạn xã hội. Do đó Nhà nước phải có “chính sách khuyến nông” cụ thể là: phải có luật sở hữu, sử dụng, chuyển nhượng, thừa kế, đất đai, rừng... phải tạo điều kiện để nông dân yên tâm sản xuất, phải có chính sách, cơ chế đầu tư cho nông nghiệp, nông thôn, cho vay với lãi suất ưu đãi, phải chú ý đầu tư kết cấu hạ tầng, khoa học công nghệ mới, cán bộ kỹ thuật v.v. , phải có chính sách giá cả, nhất là giải quyết giữa giá nông sản hàng hóa với giá hàng công nghiệp, giá của khoa học công nghệ; trợ giá khi cần thiết... phải có chính sách miễn giảm thuế, chính sách tiêu thụ, chế biến, bảo quản, bảo hiểm nông sản, bảo hiểm sản xuất nông nghiệp. Do đó, kinh tế Nhà nước phải đóng vai trò chủ đạo thì mới có đủ điều kiện giúp đỡ, hướng dẫn nông dân chuyển đổi cơ cấu sản xuất kinh doanh, học hỏi về kiến thức quản lý kinh tế và nhiều vấn đề văn hóa, xã hội (nhất là ở nông thôn, bản miền núi, vùng các dân tộc ít người...).

Đối với trí thức, Nhà nước cần phải hoàn chỉnh và đổi mới những chính sách có liên quan trực tiếp đến sở hữu trí tuệ. Ví dụ: luật và chính sách về phát triển khoa học, công nghệ, về bản quyền tác giả, về giáo dục và đào tạo, về báo chí, xuất bản, về văn học nghệ thuật... Qua đó mà đổi mới cả về đào tạo, sử dụng lẫn đãi ngộ... nhằm phát huy những tiềm năng của các nhà khoa học đầu đàn, đội ngũ cán bộ khoa học, nhất là cán bộ khoa học trẻ. Đồng thời tăng cường hợp tác khoa học trong nước, giữa nước ta với các nhà khoa học quốc tế về khoa học và công nghệ.

### **3. Liên minh về văn hóa xã hội:**

Nội dung liên minh về văn hóa xã hội thực chất là đi đến các mục tiêu mọi người đều phải được quyền hưởng thụ một cách công bằng tất cả những thành quả của tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội, với phương châm tất cả vì con người mà trước hết mọi người đều phải có công ăn việc làm không để người lao động thất nghiệp, nhất là lao động ở nông thôn, gia đình thương binh liệt sĩ người có công với nước, những người đang còn phải gánh chịu hậu quả chiến tranh. Đó vừa là một nhiệm vụ của xã hội, vừa có ý nghĩa giáo dục truyền thống, đạo lý, lối sống...



Phải chăm lo phúc lợi cho mọi người như: xóa mù chữ cho một bộ phận nông dân miền núi, nâng cao trình độ kiến thức về khoa học công nghệ, nhận thức về chính trị kinh tế, văn hóa, xã hội, chăm lo bảo vệ sức khỏe, giữ gìn phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, chống các biểu hiện tiêu cực quan liêu, tham nhũng, các tệ nạn xã hội, các hủ tục lạc hậu.

Trong phát triển công nghiệp, khoa học công nghệ phải luôn gắn với quy hoạch phát triển công nghiệp nông thôn, đặc biệt là những vùng núi, dân tộc ít người, vùng sâu, vùng xa... Chỉ có như vậy, nội dung liên minh mới toàn diện và đạt mục tiêu của định hướng xã hội chủ nghĩa; mới có thể làm cho công, nông và trí thức cũng như các vùng, các miền, các dân tộc..." xích lại gần nhau ".

### **CÂU 38: HÃY PHÂN TÍCH NHỮNG ĐẶC ĐIỂM QUAN HỆ DÂN TỘC Ở VIỆT NAM? NHỮNG ĐẶC ĐIỂM ĐÓ CÓ THUẬN LỢI VÀ KHÓ KHĂN GÌ TRONG XÂY DỰNG KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC Ở VIỆT NAM?**

Dân tộc Việt Nam đã có 4000 năm lịch sử, các cộng đồng người sớm liên kết lại với nhau thành dân tộc do hai yếu tố sau đây: Một là, để bảo vệ chủ quyền, chống lại kẻ thù xâm lược mạnh hơn mình nên các tộc người trên dải đất Việt Nam sớm ý thức được là phải liên kết lại với nhau để tạo thành sức mạnh để tồn tại. Hai là, để chống chọi lại với điều kiện khắc nghiệt của thiên nhiên, thú dữ để sinh tồn buộc các cộng đồng người cũng phải liên minh lại với nhau. Chính hai yếu tố đó đã được cố kết các cộng đồng người trên dải đất Việt Nam qua nhiều thế hệ, nó đã trở thành truyền thống, đã được thử thách trong các cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, trong xây dựng đất nước. Đoàn kết trở thành lợi ích chung của dân tộc.

Các tộc người anh em của dân tộc Việt Nam cư trú xen kẽ không thành địa bàn riêng biệt, có nền văn hóa phong phú, các dân tộc ít người đều có tiếng nói, văn học, nghệ thuật, tâm lý, tình cảm, y phục, phong tục tập quán, quan hệ gia đình dòng họ, tín ngưỡng tôn giáo khác nhau và một số dân tộc còn có chữ viết riêng, dân tộc ít người (chiếm 13%) phần lớn cư trú trên các địa bàn có vị trí chiến lược quan trọng về kinh tế, chính trị quốc phòng, an ninh và giao lưu quốc tế. Do điều kiện tự nhiên và hậu quả của lịch sử để lại nên trình độ phát triển kinh tế, văn hóa xã hội giữa các dân tộc hiện nay còn có nhiều sự chênh lệch. Nhiều vùng dân tộc thiểu số đồng bào đang còn ở trình độ canh tác rất lạc hậu. Tình trạng chênh lệch giữa các dân tộc, giữa các vùng dân cư là một thực tế mà kẻ địch đang lợi dụng lôi kéo bà con dân tộc ít người khôi phục những tập tục lạc hậu, gây rối mất trật tự an ninh, thậm chí chống đối lại các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước, do đó cần phải hết sức quan tâm thực hiện đầy đủ các chính sách đã được Đảng và Nhà nước đề ra, cụ thể là:

- Phát triển kinh tế hàng hóa ở các vùng dân tộc thiểu số phù hợp với điều kiện và đặc điểm từng vùng, từng dân tộc. Đảm bảo cho đồng bào các dân tộc có thể khai thác được thế mạnh làm giàu cho mình và sau đó là đóng góp vào sự nghiệp xây dựng chung của cả nước.
- Tôn trọng lợi ích, truyền thống, văn hóa, ngôn ngữ tập quán, tín ngưỡng của đồng bào các dân tộc. Từng bước nâng cao dân trí nhất là các đồng bào dân tộc thiểu số ở vùng núi cao, vùng xa, vùng sâu, hải đảo.



- Phát huy truyền thống đoàn kết và đấu tranh kiên cường của các dân tộc vì sự nghiệp dân giàu, nước mạnh, chống tư tưởng dân tộc lớn và dân tộc hẹp hòi, nghiêm cấm các hành vi miệt thị và chia rẽ dân tộc.
- Tăng cường công tác bồi dưỡng, đào tạo cán bộ là người dân tộc thiểu số; chỉ có trên tinh thần ấy mới thực sự phù hợp với những vùng có các dân tộc ít người. Đồng thời cũng cần có sự hỗ trợ lẫn nhau giữa các dân tộc trong cả nước.

Chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước mang tính toàn diện, tổng hợp, quán xuyên trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, liên quan đến mọi dân tộc và quan hệ giữa các dân tộc trong cả cộng đồng quốc gia. Phát triển kinh tế - xã hội của các dân tộc là nền tảng để tăng cường đoàn kết và thực hiện quyền bình đẳng dân tộc là cơ sở để từng bước khắc phục sự chênh lệch phát triển trình độ giữa các dân tộc. Do đó, chính sách dân tộc còn mang tính cách mạng và tiến bộ, đồng thời còn mang tính nhân đạo. Bởi vì, nó không bỏ sót bất cứ dân tộc nào, không cho phép khinh miệt, kỳ thị, chia rẽ chủng tộc; tôn trọng quyền tự quyết của các dân tộc. Mặt khác, nó còn nhằm phát huy nội lực của mỗi dân tộc kết hợp với sự giúp đỡ có hiệu quả của các dân tộc anh em trong cả nước. Nhận thức đúng đắn bản chất, nội dung, tính chất của chính sách dân tộc làm cho chính sách dân tộc đi vào cuộc sống có một ý nghĩa rất quan trọng trong tình hình hiện nay.

### **CÂU 39: HAI XU HƯỚNG CỦA PHONG TRÀO DÂN TỘC HIỆN NAY ĐƯỢC BIỂU HIỆN NHƯ THẾ NÀO? CHÚNG TA CẦN PHẢI LÀM GÌ ĐỂ ĐẢM BẢO SỰ THỐNG NHẤT GIỮA HAI XU HƯỚNG ĐÓ?**

#### **1. Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản làm nảy sinh hai xu hướng dân tộc:**

Xu hướng thứ nhất, trong thời kỳ phương thức sản xuất tư bản mới phát triển, ở các quốc gia gồm có nhiều cộng đồng dân cư có nguồn gốc tộc người khác nhau, do sự thức tỉnh, sự trưởng thành của ý thức dân tộc (xóa bỏ tình trạng cát cứ phong kiến để có một thị trường thống nhất, nhà nước và luật lệ thống nhất) mà các cộng đồng dân cư muốn tách ra để xác lập các cộng đồng dân tộc độc lập. Vì họ hiểu rằng, chỉ trong cộng đồng độc lập, họ mới có quyền quyết định vận mệnh của mình mà quyền cao nhất là quyền tự do lựa chọn chế độ chính trị và con đường phát triển. Trong thực tế, xu hướng này đã biểu hiện thành phong trào đấu tranh chống áp bức dân tộc, thành lập các quốc gia dân tộc độc lập. Xu hướng này nổi lên trong giai đoạn đầu của chủ nghĩa tư bản và vẫn còn tác động cho đến nay.

Xu hướng thứ hai, do sự phát triển của lực lượng sản xuất, của khoa học và công nghệ, của giao lưu kinh tế và văn hóa của phương thức sản xuất tư bản đã làm xuất hiện nhu cầu xóa bỏ hàng rào ngăn cách giữa các dân tộc, tạo nên mối liên hệ quốc gia và quốc tế rộng lớn giữa các dân tộc, thúc đẩy các dân tộc xích lại gần nhau.

#### **2. Biểu hiện hai xu hướng hình thành dân tộc trong thời đại ngày nay:**

Xu hướng thứ nhất, thời đại ngày nay là thời đại các dân tộc bị áp bức vùng lên xóa bỏ xiềng xích nô dịch giành lấy quyền tự quyết định vận mệnh của dân tộc mình được sống độc lập, tự do, bình đẳng. Nhưng trên thực tế các quốc gia nhỏ bé, lạc hậu sau khi giành được độc lập dân tộc nhưng do xuất phát điểm có nền kinh tế thấp nên họ không thể thoát ra được sự lệ thuộc về kinh tế và dẫn đến lệ thuộc về chính trị đối với các nước tư bản. Do đó nhiều nước đã bị cưỡng bức, bị lôi kéo tham gia vào các

khối liên hiệp do các nước đế quốc lập ra để bao vây cấm vận về kinh tế, lật đổ chế độ, uy hiếp về quân sự với một số nước khác và như vậy, kết cục họ vẫn không được quyền tự quyết, độc lập dân tộc. Xu hướng độc lập dân tộc, tự do, bình đẳng hiện nay phát triển rất đa dạng nhất là sau khi Liên – xô và các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu sụp đổ. Nhưng để có được độc lập dân tộc, tự do, bình đẳng thực sự: “Chỉ có đi lên chủ nghĩa xã hội thì tình trạng dân tộc này áp bức, nô dịch các dân tộc khác mới bị xóa bỏ.” như Lenin đã chỉ rõ.

Xu hướng do tiến bộ của khoa học công nghệ, mở rộng giao lưu kinh tế mà ngày nay một số dân tộc hợp nhất lại thành một quốc gia theo khu vực theo yếu tố về địa lý, môi trường tài nguyên thiên nhiên cũng như có sự tương đồng về giá trị văn hóa trên cơ sở lợi ích nào đó như là đấu tranh chống lại kẻ thù mạnh hơn mình, cũng như nhằm giải quyết những vấn đề chung như ngăn chặn nguy cơ chiến, chống ô nhiễm bảo vệ môi trường sinh thái, khắc phục nạn đói, phát triển dân số và bảo vệ sức khỏe. Xu hướng này là yếu tố khách quan trong thời đại ngày nay. Do đó mỗi dân tộc phải biết thực hiện chính sách mở cửa để hòa nhập vào dòng vận động chung, đồng thời phải tìm được giải pháp hữu hiệu để giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa của dân tộc mình.

Đối với các dân tộc xã hội chủ nghĩa anh em xích lại gần nhau là trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng, nó cho phép mỗi dân tộc không những chỉ sử dụng tiềm năng của dân tộc mình mà còn dựa vào tiềm năng của các dân tộc anh em. Riêng các dân tộc anh em trong cùng một quốc gia những giá trị của các dân tộc anh em thâm nhập vào nhau, bổ sung hòa quyện vào nhau để tạo thành những giá trị chung của dân tộc, nhưng không làm mất đi sắc thái tinh hoa, bản sắc của từng dân tộc.

**CÂU 40: HÃY PHÂN TÍCH LUẬN ĐIỂM CỦA MÁC: “TÔN GIÁO LÀ TIẾNG THỞ DÀI CỦA CHÚNG SINH BỊ ÁP BỨC, LÀ TRÁI TIM CỦA MỘT THẾ GIỚI KHÔNG CÓ TRÁI TIM, LÀ TRẠNG THÁI TINH THẦN CỦA MỘT THẾ GIỚI KHÔNG CÓ TINH THẦN”**

Ngay từ thời cổ đại xa xưa con người đã đặt câu hỏi, thế giới xung quanh chúng ta là gì, do đâu mà có, con người từ đâu sinh ra, chết rồi sẽ đi về đâu? Để trả lời cho câu hỏi này mà từ đó đã có rất nhiều các quan niệm khác nhau và cũng do trình độ tư duy trừu tượng khác nhau mà dẫn đến nhận thức sai lệch các hiện tượng trong thế giới khách quan, vì vậy có thể nói tôn giáo là sản phẩm của con người gắn liền với điều kiện tự nhiên xã hội nhất định. Do đó xét về bản chất, tôn giáo là một hiện tượng xã hội phản ánh sự bất lực, bế tắc của con người trước tự nhiên và xã hội,

Từ xa xưa, thời nguyên thủy, do điều kiện sinh hoạt vật chất, trình độ thấp kém, con người cảm thấy yếu đuối, bất lực trước các hiện tượng của thiên nhiên như động đất, núi lửa, nhật thực, nguyệt thực, bão lụt... Họ không thể giải thích được các hiện tượng khủng khiếp đó là do từ đâu. Từ chỗ không thể lý giải được trên cơ sở đó mà người ta đã tưởng tượng ra các vị thần cho mình để cầu xin những điều mình mong muốn, cầu xin được che chở, được tha thứ, nhưng với sự phát triển của khoa học ngày nay nhiều hiện tượng huyền bí đã được hé mở, nhưng tôn giáo không hề mất đi mà ngược lại tôn giáo ngày nay càng bành trướng, không chỉ là những đối tượng kém hiểu biết như trước đây mà là những người có học thức, học vị cao, điều đó có thể lý giải đó chính là nguồn gốc xã hội. Theo Lenin đó là nguồn gốc chủ yếu của tôn giáo hiện đại ngày nay.

Từ khi xã hội có giai cấp và đối kháng giai cấp, các mối quan hệ xã hội ngày càng phức tạp những hiện tượng như bóc lột, bị bóc lột, bất công trong xã hội tư bản, những yếu tố tự phát, ngẫu nhiên trong gia đình, tình yêu tan vỡ, làm ăn thua lỗ, may rủi nằm ngoài ý muốn và khả năng điều chỉnh của con người với những hậu quả khó lường “quần chúng nhân dân không thể đoán trước được, vì bất cứ lúc nào những người vô sản, những tiểu thương, tiểu chủ cũng bị đe dọa phá sản đột ngột, bất ngờ, ngẫu nhiên, làm cho họ phải trở thành người ăn xin, kẻ bần cùng, dồn họ vào cảnh chết đói”. .... những vấn đề đó đã tác động đến tâm lý làm cho con người trở nên thụ động, nhờ cậy, cầu mong vào những lực lượng siêu nhiên cũng là điều dễ hiểu và con người lại một lần nữa bất lực trước những hiện tượng nảy sinh trong xã hội. Họ không biết vì sao? Chẳng qua chỉ là phận. Vì vậy, muốn tránh được tai qua nạn khỏi người ta lại một lần nữa con người lại đến với tôn giáo để xin được chở che tha thứ. Đó chính là nguồn gốc sâu xa của tôn giáo hiện đại.

#### **CÂU 41. HÃY TRÌNH BÀY NHỮNG QUAN ĐIỂM CỦA CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN TRONG GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO TRONG QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI.**

Ngày nay, nhân loại đã đạt được nhiều thành tựu to lớn về khoa học tự nhiên cũng như xã hội, nó giúp cho con người có thêm những khả năng để nhận thức về thế giới, nhiều bí mật được hé mở. Song thế giới là vô cùng, vô tận mà nhận thức con người chỉ có giới hạn, vẫn còn nhiều vấn đề mà khoa học vẫn chưa thể làm rõ. Những sức mạnh tự phát của tự nhiên, xã hội vẫn còn tác động, chi phối đến đời sống của con người, nên tâm lý sợ hãi, nhờ cậy và tin tưởng vào thần, thánh, phật, chưa thể gạt bỏ khỏi ý thức của con người.

**Trước hết** về mặt nhận thức chúng ta phải biết rằng: tôn giáo là một trong những hình thái ý thức xã hội có tính bảo thủ nhất trong các hình thái ý thức xã hội, mặc dù ngày nay đã có những biến đổi to lớn nhưng ý thức về tín ngưỡng, tôn giáo cũng không thay đổi kịp với tiến bộ của những biến đổi về kinh tế, xã hội mà nó phản ánh, mặt khác ý thức về tôn giáo nó đã được hình thành sâu đậm vào đời sống tinh thần của nhiều thế hệ đến mức nó đã trở thành đạo đức văn hóa lối sống

**Hai là**, những giá trị đạo đức văn hóa tôn giáo tạo nên hiện nay vẫn đang còn có tính tích cực góp phần vào việc giáo dục đạo đức lối sống cũng như đáp ứng được một số nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân, do đó trong xây dựng xã hội mới nếu chúng ta biết khéo léo vận động tuyên truyền thì tôn giáo cũng có khả năng tự biến đổi để thích nghi theo xu hướng tôn giáo đồng hành với dân tộc, sống tốt đời, đẹp đạo, sống phúc âm giữa lòng dân tộc thì dù cho các thế lực phản động đế quốc có lôi kéo lợi dụng kích động tôn giáo gây xung đột tôn giáo, sắc tộc, khủng bố, bạo loạn, lật đổ thì chúng cũng không thể nào đạt được.

**Ba là**, trong chủ nghĩa xã hội, nhất là giai đoạn đầu của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội vẫn còn tồn tại nhiều thành phần kinh tế vận hành theo cơ chế thị trường với những lợi ích khác nhau của các giai cấp, tầng lớp trong xã hội, sự bất bình đẳng về kinh tế, chính trị, văn hóa xã hội, nên những yếu tố ngẫu nhiên, may rủi trong đời sống vẫn đang diễn ra, những vấn đề đó đã tác động đến tâm lý làm cho con người trở nên thụ động, nhờ cậy, cầu mong vào những lực lượng siêu nhiên cũng là điều dễ hiểu.

**Bốn là**, sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo trong nhân dân từ ngàn đời nay nó đã trở thành một nhu cầu văn hóa tinh thần, trở thành đạo đức, lối sống của một bộ phận quần chúng nhân dân. Vì vậy, việc kế thừa, bảo tồn và phát huy văn hóa của nhân loại, trong đó việc kế thừa đạo đức văn hóa tôn giáo là việc cần thiết.

Mặt khác, tín ngưỡng, tôn giáo còn có liên quan đến tình cảm, tư tưởng của một bộ phận lớn dân cư, do đó trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội sự tồn tại của tín ngưỡng, tôn giáo là một hiện tượng xã hội khách quan. Tín ngưỡng, tôn giáo là một vấn đề tế nhị, nhạy cảm và phức tạp. Vì vậy, giải quyết những vấn đề nảy sinh từ tôn giáo cần phải hết sức thận trọng, mềm dẻo và phải giữ vững nguyên tắc trên tinh thần của chủ nghĩa Mác - Lênin là không tuyên chiến với tôn giáo. Do đó giải quyết vấn đề tôn giáo phải dựa trên những quan điểm sau

- **Một là**, chủ nghĩa Mác - Lênin, hệ tư tưởng chủ đạo của xã hội, xã hội chủ nghĩa và hệ tư tưởng của tôn giáo có sự khác nhau cơ bản về thế giới quan, nhân sinh quan và con đường mưu cầu hạnh phúc cho nhân dân. Với hệ thống tín điều và giáo lý của mình, tôn giáo phần nào hạn chế khả năng vươn lên làm chủ của con người. Vì vậy, khắc phục dần những ảnh hưởng tiêu cực của tôn giáo trong đời sống xã hội phải gắn liền với quá trình cải tạo xã hội; là yêu cầu khách quan của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội.
- **Hai là**, một khi tín ngưỡng, tôn giáo còn là nhu cầu tinh thần của một bộ phận quần chúng nhân dân thì chính sách nhất quán của Nhà nước xã hội chủ nghĩa bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng. Mọi công dân đều có quyền theo hoặc không theo tôn giáo nào, mọi tôn giáo đều bình đẳng trước pháp luật đều có quyền lợi và nghĩa vụ như nhau. Nghiêm cấm mọi hành vi xâm phạm tự do tín ngưỡng của công dân. Đó là sự thể hiện bản chất của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, thể hiện sự quan tâm của Đảng Nhà nước đến nhu cầu tín ngưỡng của quần chúng nhân dân. Vì vậy, cần phải phát huy những nhân tố tích cực của tôn giáo, đặc biệt là những giá trị đạo đức; chủ nghĩa nhân đạo và tinh thần yêu nước.
- **Ba là**, thực hiện đoàn kết giữa những người theo với những người không theo một tôn giáo nào trên cơ sở đoàn kết toàn dân tộc nhằm thực hiện mục tiêu xây dựng và bảo vệ tổ quốc đúng như lời dạy của Lênin là không tuyên chiến âm ỉ với tôn giáo và chủ nghĩa duy tâm, những mệnh lệnh ngăn cấm tín ngưỡng, tôn giáo là những hành vi đại dột, vô chính phủ, làm cho kẻ thù lợi dụng để kích động tình cảm tôn giáo của tín đồ làm cho họ ngày càng gắn bó với tôn giáo, xa chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đương nhiên, như vậy không có nghĩa là coi nhẹ việc giáo dục chủ nghĩa vô thần khoa học, thế giới quan duy vật cho toàn dân, trong đó có những tín đồ tôn giáo, việc làm đó góp phần nâng cao trình độ kiến thức cho toàn dân.
- **Bốn là**, giải quyết vấn đề tôn giáo phải kiên quyết, thận trọng, có sách lược và phải coi đây là một nhiệm vụ thường xuyên lâu dài trong đó việc nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho các đồng bào có tín ngưỡng là yếu tố cơ bản nhất. Mặt khác phải luôn nâng cao cảnh giác kịp thời ngăn chặn những hành động âm mưu chống phá của các thế lực thù địch lợi dụng tôn giáo để chống phá cách mạng.
- **Năm là**, phải có quan điểm lịch sử khi giải quyết vấn đề tôn giáo ở những thời kỳ lịch sử khác nhau.

**CÂU 42. PHÂN TÍCH KHÁI NIỆM GIA ĐÌNH VÀ NHỮNG ĐẶC TRƯNG CỦA NÓ? KHÁI NIỆM VÀ KẾT CẤU CỦA GIA ĐÌNH.**

## 1. Gia đình là gì?

Hiện nay có khá nhiều khái niệm khác nhau, nhưng có hai khái niệm phổ biến và tương đối phù hợp với tình hình hiện nay.

- *Gia đình là một hình thức tổ chức đời sống cộng đồng của con người, một thiết chế văn hóa - xã hội đặc thù, được hình thành, tồn tại và phát triển trên cơ sở các quan hệ hôn nhân, quan hệ huyết thống, quan hệ nuôi dưỡng và giáo dục giữa các thành viên.*
- *Gia đình là một hình thức tổ chức xã hội đầu tiên, là tế bào của xã hội, được gắn bó với nhau bởi quan hệ hôn nhân, quan hệ huyết thống, quan hệ nuôi dưỡng và giáo dục.*

Gia đình là đơn vị đầu tiên của xã hội, là tế bào của xã hội được gắn bó với nhau bởi quan hệ hôn nhân, quan hệ huyết thống. Đặc trưng của gia đình là sinh hoạt của các quá trình vật chất như sinh hoạt về kinh tế và sinh hoạt về tinh thần như là đạo đức, pháp lý, tâm lý. Gia đình không phải là một đơn vị xã hội bất biến mà nó cũng vận động phát triển cùng với sự thay đổi phát triển của xã hội. Hay nói một cách khác, tính chất, trình độ phát triển kinh tế - xã hội quyết định đối với quy mô, kết cấu, hình thức tổ chức và tính chất của gia đình.

Do đó, khi nghiên cứu về quy mô kết cấu gia đình, chúng ta phải xem gia đình vừa là một nhóm xã hội nhỏ có một tổ chức vừa là một thiết chế xã hội đặc biệt mà các thành viên trong gia đình ràng buộc với nhau trên cơ sở quan hệ hôn nhân và quan hệ huyết thống. Có những mối quan hệ phức tạp như quan hệ giữa vợ và chồng, giữa cha mẹ và con cái, giữa anh chị em với nhau, quan hệ giữa người thân. Ngoài ra, còn có các mối quan hệ về chính trị, quan hệ văn hóa, quan hệ kinh tế, quan hệ giáo dục, quan hệ xã hội, v.v...

Thực chất, gia đình là một xã hội thu nhỏ. Khi nghiên cứu về gia đình, trước hết phải nghiên cứu về các kiểu gia đình đang tồn tại trong xã hội, đồng thời cần phải nghiên cứu xu hướng vận động và phát triển của gia đình. Dựa trên cơ sở đó có những hướng dẫn, điều chỉnh các sai lệch và xác lập mô hình gia đình phù hợp với điều kiện kinh tế, văn hóa xã hội của đất nước trong thời kỳ hiện nay.

## 2. Trong xã hội hiện nay, người ta thấy đang tồn tại một số kiểu gia đình sau đây:

- **Gia đình kép** còn gọi là gia đình tiếp nối, gia đình mở rộng... là kiểu gia đình cùng chung sống trong một mái nhà có từ ba thế hệ người trở lên. Kiểu đại gia đình này tồn tại phổ biến ở nông thôn Châu Á. Gia đình kép có những mặt tích cực như giữ gìn, bảo tồn được các tập tục, các thế hệ có sự gắn bó về mặt tình cảm huyết thống, các thành viên có sự hỗ trợ lẫn nhau về đời sống... Mặt hạn chế biểu hiện ở chỗ gia đình này thường tạo ra sự khép kín trong thân tộc, dòng họ dẫn đến chi phối các mối quan hệ xã hội khác, duy trì những cái lạc hậu trong sinh hoạt lễ nghi rườm rà và dẫn tới các xung đột, xích mích giữa các thế hệ, các thành viên trong gia đình do sự khác biệt về tuổi tác, về lối sống... gây ra.
- **Gia đình hạt nhân**, chỉ có cha mẹ và con chung. Loại gia đình này tồn tại khá phổ biến ở các nước phát triển và ở các đô thị lớn, đến khi con cái đến tuổi trưởng thành khi có gia đình riêng sẽ tách ra thành một gia đình độc lập, thoát ly khỏi cha mẹ sống tự do, kiểu gia đình này có hạn chế ở chỗ: mối quan hệ gia đình lỏng lẻo, ảnh hưởng giữa các thế hệ với nhau tương đối ít, các thành viên gia đình khó có điều kiện kiểm soát hành vi của nhau.



- **Gia đình hôn hợp** trong đó chồng, vợ có con riêng và lại có con chung. Đây là kiểu gia đình có mối quan hệ rất lỏng lẻo (Ở Mỹ hiện nay có tới ¼ là gia đình hôn hợp)
- **Gia đình thiếu**, là kiểu gia đình trong đó chỉ có vợ và chồng, do vô sinh, hoặc có thể do vợ chồng không muốn có con... Loại gia đình này không phổ biến nhiều trong xã hội nhưng vẫn tồn tại như một thực thể.
- **Gia đình đơn chiếc** còn gọi là gia đình khuyết, gia đình không đầy đủ, gia đình mẫu hệ mới... Đây là kiểu gia đình chỉ có mẹ và con do nhiều lý do: vợ chồng ly hôn, ly thân; hoặc do người phụ nữ không có chồng nhưng lại có con.
- **Gia đình đồng giới**, cùng nam hoặc cùng nữ kết hôn. Đây là kiểu gia đình bệnh hoạn phi tự nhiên, không có khả năng tái sinh nòi giống. Một số nước Tây Âu được pháp luật thừa nhận. Ở Việt Nam, chúng ta phản đối kiểu gia đình này vì nó không phù hợp với sự phát triển tự nhiên, trái với luân thường đạo lý, trái với lối sống văn hóa.

Khi nghiên cứu về gia đình nhất thiết phải nghiên cứu về yếu tố kinh tế, văn hóa truyền thống, quy mô gia đình, xem trong mỗi gia đình có bao nhiêu con là hợp lý, nhằm đảm bảo phát triển cân đối và phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội đất nước. Quy mô và kết cấu của gia đình như thế nào, ngoài những sự tác động của các nhân tố xã hội thì yếu tố trình độ dân trí, sự hiểu biết của mỗi cặp vợ chồng là quyết định. Mặt khác, khi nghiên cứu về gia đình, người ta cũng cần phải quan tâm đến vai trò và tính chất của người chủ gia đình người chủ ấy là ai, địa vị của họ trong xã hội ra sao?

Tóm lại gia đình là sản phẩm của lịch sử, là đơn vị đầu tiên của xã hội, là tế bào của xã hội được liên kết lại với nhau dựa trên cơ sở hôn nhân và huyết thống.

## **CÂU 43. PHÂN TÍCH NHỮNG CHỨC NĂNG CỦA GIA ĐÌNH DƯỚI CHỦ NGHĨA XÃ HỘI? CÁC QUAN HỆ CƠ BẢN CỦA GIA ĐÌNH.**

### **1. Gia đình có những mối quan hệ cơ bản sau đây:**

**Quan hệ hôn nhân:** hôn nhân là một nhu cầu sinh lý nhằm sản xuất ra con người để duy trì nòi giống. Cùng với sự phát triển của xã hội loài người, hôn nhân cũng có lịch sử của nó. Nếu như trong chế độ cộng sản nguyên thủy, hình thức hôn nhân chủ yếu là quần hôn (hôn nhân tập thể) thì trong các chế độ tư hữu, hôn nhân được xây dựng trên cơ sở lợi ích của những người chủ sở hữu và chịu sự chi phối của các quan hệ kinh tế - chính trị của chế độ xã hội đó. Vì vậy, hôn nhân trong bất cứ thời đại nào cũng cần được xã hội thừa nhận cả về mặt chuẩn mực văn hóa và truyền thống trong cộng đồng và pháp luật của chế độ đương thời.

**Quan hệ huyết thống:** do nhu cầu duy trì và phát triển nòi giống, con người đã sáng tạo ra một thiết chế gia đình, trong đó quan hệ huyết thống được coi là một quan hệ cơ bản nhất. Tuy nhiên, mỗi quan hệ này cũng có những thay đổi theo sự chi phối của các điều kiện kinh tế, văn hóa, chính trị của xã hội. Nếu như trong chế độ cộng sản nguyên thủy, huyết thống về bên mẹ được coi là chuẩn mực để tính quan hệ thân tộc xa gần thì đến chế độ tư hữu huyết thống được coi về đằng cha. Sự phân biệt này chỉ khi nào không còn chế độ tư hữu.

**Quan hệ quần tụ trong một mái ấm gia đình:** xuất phát từ nhu cầu tự nhiên, quan hệ lứa đôi cần phải có một nơi cư trú, thời nguyên thủy người ta chỉ cần một không gian là một hang đá, hốc cây, về sau là một túp lều tranh đơn sơ, một mái nhà. Mái ấm



gia đình là nơi thiêng liêng sẽ không thay đổi, dù cho mai sau khoa học hiện đại có khám phá sáng tạo ra không gian sinh tồn mới, nhưng quan niệm về mái ấm gia đình cũng sẽ không mất đi. Trái lại nó càng được củng cố tăng cường nhờ được trang bị đầy đủ những tiện nghi hiện đại nhằm tạo thuận lợi hơn.

**Quan hệ nuôi dưỡng:** nuôi dưỡng là một trách nhiệm, đồng thời còn là một quyền lợi thiêng liêng của các thành viên trong gia đình đối với nhau. Nuôi dưỡng bao gồm cả việc các bậc cha mẹ, ông bà nuôi dưỡng con cháu, con cháu chăm sóc nuôi dưỡng cha mẹ, ông bà lúc già, cũng như việc quan tâm của những người khỏe mạnh đối với các thành viên gặp khó khăn. Tình cảm thiêng liêng này không thể thay thế được bằng bất kỳ hình thức nào.

## **2. Gia đình có những chức năng cơ bản sau đây:**

**Chức năng tái sản xuất ra con người:** sinh sản là một nhu cầu tự nhiên. Nếu không có hoạt động này thì xã hội loài người sẽ bị diệt vong. Nhưng sinh bao nhiêu là vừa, là đủ. Vấn đề này nó còn tùy thuộc vào trình độ phát triển của mỗi giai đoạn lịch sử, tùy theo mỗi dân tộc, mỗi quốc gia mà có chiến lược phát triển dân số phù hợp. Nếu như vào đầu thời kì đồ đá mới (khoảng mười ngàn năm trước đây) các bộ lạc nguyên thủy chỉ xấp xỉ khoảng 1 triệu người được phân bố rải rác trên các lục địa. Đầu công nguyên dân số trên trái đất có chừng 150 - 200 triệu người. Năm 1000 sau công nguyên đã có gần 300 triệu người. Đến nay dân số trên thế giới đã lên đến con số báo động trên 6 tỷ người. Ở nhiều nước, tốc độ tăng dân số đến chóng mặt, nhất là ở các nước chậm phát triển, số sinh ra vượt quá mức so với sức sản xuất lương thực, về điều kiện nhà ở, về điều kiện y tế, giáo dục, về phúc lợi v.v... Theo báo cáo của Liên hợp quốc thì hiện nay có khoảng 40 triệu người đang sống trên miệng hố của sự chết đói, nhiều nước Á, Phi, Mĩ La tinh tuổi thọ thấp (trung bình 35 tuổi) sự thay thế của các thế hệ xảy ra nhanh. Tình hình đó ảnh hưởng tiêu cực đến sự phát triển của xã hội. Vì vậy, vấn đề bùng nổ dân số đang là vấn đề gay gắt đang được đặt ra không chỉ ở mỗi nước, mà còn là vấn đề chung của toàn nhân loại. Ở nước ta, để khắc phục tình trạng dân số tăng nhanh, trong khi nền kinh tế đang còn thấp, do đó chúng ta phải coi nhiệm vụ kế hoạch hóa dân số và giải quyết việc làm cho người lao động là nhiệm vụ hàng đầu trong chính sách xã hội. Theo thống kê 2004 người ta tính cứ 1 phút có 3 em bé chào đời, thì một năm tăng 1,2 triệu người, nếu so sánh giữa tăng trưởng kinh tế và mức độ tăng dân số như hiện nay đang là một vấn đề bức xúc. Vì vậy việc phấn đấu hạ thấp tỷ lệ tăng dân số kết hợp với việc tổ chức lại lao động, đất đai, ngành nghề làm cho mọi người lao động đều có việc làm đó là nhiệm vụ vừa cấp bách vừa là nhiệm vụ lâu dài nhằm đảm bảo sự phát triển cân đối về kinh tế - xã hội đem lại cuộc sống văn minh, hạnh phúc cho nhân dân.

**Chức năng kinh tế và tổ chức đời sống của gia đình:** trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội, mỗi gia đình đều có thể trở thành một đơn vị kinh tế tự chủ trong sản xuất kinh doanh, mọi gia đình, mọi cá nhân đều có thể làm giàu chính đáng bằng sản xuất kinh doanh theo quy định của pháp luật. Đối với các gia đình công nhân viên chức cũng được khuyến khích tuy các loại gia đình này không trực tiếp kinh doanh, nhưng cũng có vai trò tác động đến sản xuất qua lĩnh vực tiêu dùng.

**Chức năng giáo dục:** nội dung giáo dục trong gia đình bao gồm cả về vật chất lẫn tinh thần, nó là trách nhiệm của các bậc cha mẹ và được thực hiện ở mọi chu trình

sống của con người. Từ lúc còn ẵm ngửa, giai đoạn tuổi thơ, khi đã trưởng thành, lúc già cả... Ở từng chu trình ấy phải có những nội dung và hình thức giáo dục phù hợp. Nếu ở giai đoạn tuổi thơ là lời ru của mẹ, tấm gương sống và làm việc của người thân, những lời nhắn nhủ của cha mẹ, giảng giải của ông bà và ngay cả trong sinh hoạt tình dục, sinh hoạt tiêu dùng cũng phải được giáo dục..." học ăn, học nói, học gói, học mở" "ăn trông nồi, ngồi trông hướng..." Trong chủ nghĩa xã hội, giáo dục của gia đình có vai trò rất quan trọng trong việc đào tạo nguồn nhân lực trẻ, xây dựng con người mới có đạo đức, văn hóa có trí thức. Do đó, giáo dục con người phải có sự kết hợp chặt chẽ giữa gia đình, nhà trường, xã hội.

**Chức năng thỏa mãn nhu cầu tâm sinh lý tình cảm:** có nhiều vấn đề tâm, sinh lý chỉ có thể bộc lộ và giải quyết trong phạm vi gia đình với những người thân. Do đó sự hiểu biết tâm sinh lý, sở thích của nhau để phù hợp với mỗi thành viên là rất cần thiết.

Tóm lại, gia đình là thiết chế đa chức năng. Thông qua việc thực hiện những chức năng trên mà có sự tác động đến sự tiến bộ chung của xã hội. Các chức năng được thực hiện trong sự thúc đẩy hỗ trợ lẫn nhau, nhưng việc phân chia các chức năng cũng chỉ là tương đối. Nhiều khi, các chức năng được thực hiện tổng hợp trong một công việc hoặc nhiều hoạt động của gia đình. Ở từng nơi và các giai đoạn khác nhau, nội dung và vị trí của mỗi chức năng có sự biến đổi, nhưng dù ở đâu thời đại nào thì vai trò của người phụ nữ, mà trước hết là người vợ, người mẹ phải là trung tâm của tình cảm gia đình. Phụ nữ góp công sức nhiều nhất cho công việc của gia đình, giàu tình yêu và có ý thức hơn vì hạnh phúc gia đình. Tuy nhiên trên thực tế vẫn còn hiện tượng đối xử không bình đẳng đã làm cho người phụ nữ phải gánh vác những công việc nặng nhọc trong gia đình và công việc xã hội.

## **CÂU 44. PHÂN TÍCH VỊ TRÍ CỦA GIA ĐÌNH. Ý NGHĨA VẤN ĐỀ NÀY TRONG SỰ NGHIỆP ĐỔI MỚI HIỆN NAY**

### **1. Gia đình có những vị trí cơ bản sau đây:**

- **Gia đình là tế bào của xã hội:** có thể ví toàn xã hội là một cơ thể hoàn chỉnh, trong đó gia đình là một bộ phận của cơ thể sống. Do đó cuộc sống của mỗi gia đình hạnh phúc hòa thuận êm ấm thì sẽ có một cơ thể xã hội lành mạnh.
- **Gia đình là một trong những hình thức biểu hiện trình độ phát triển của kinh tế - xã hội:** nếu như trong xã hội nguyên thủy xuất hiện kiểu gia đình tập thể, hôn nhân cùng huyết thống, hôn nhân đối ngẫu và hôn nhân cặp đôi là do trình độ của lực lượng sản xuất còn quá thô sơ thấp kém. Nhưng đến chế độ chiếm hữu nô lệ, phong kiến, tư bản và xã hội chủ nghĩa thì về hình thức tổ chức, quy mô và kết cấu cũng như tính chất của gia đình cũng có sự khác nhau từ gia đình một vợ, một chồng bất bình đẳng sang gia đình một vợ, một chồng ngày càng bình đẳng hơn giữa nam và nữ, giữa các thành viên trong gia đình. Tất cả những bước tiến đó của gia đình đều phụ thuộc vào trình độ phát triển kinh tế ở mỗi thời đại lịch sử.
- **Gia đình là một thiết chế đặc thù của xã hội, là cầu nối giữa các thành viên gia đình với xã hội:** trong hệ thống cơ cấu tổ chức của xã hội, gia đình được coi là một đơn vị xã hội thu nhỏ của xã hội, một thiết chế đầu tiên. Nhưng thiết chế ấy vận động lại tùy thuộc vào các giá trị văn hóa truyền thống của mỗi vùng, mỗi địa phương khác nhau và nó được bộc lộ thông qua hành vi của các thành viên, trong mỗi gia đình và cũng thông qua các sinh hoạt trong gia đình mà mỗi cá nhân tiếp nhận được các thông

tin của xã hội. Trong các thông tin ấy có cả những cái tốt lẫn cái xấu, gia đình rất quan trọng trong việc lựa chọn hướng dẫn tiếp thu những thông tin ấy.

- **Gia đình là tổ ấm thân yêu, là chiếc nôi nuôi dưỡng cả đời người:** từ khi còn là trẻ thơ cho đến khi khôn lớn, đến lúc về già có nơi nương tựa và sau những ngày lao động mệt nhọc là nơi nghỉ ngơi phục hồi sức khỏe, thoải mái tinh thần... Ở đó, hằng ngày diễn ra các quan hệ thiêng liêng sâu đậm giữa vợ chồng, cha con, anh em, những người đồng tâm, đồng cảm, nâng đỡ nhau suốt cả cuộc đời. Có rất nhiều vấn đề, ngoài môi trường gia đình, không ở đâu có thể đáp ứng và giải quyết có hiệu quả hơn. Chỉ khi nào được sự êm ấm trong gia đình thì mỗi cá nhân mới thực sự yên tâm lao động và một trong những bất hạnh lớn nhất của con người là lâm vào cảnh vô gia cư, gia đình lục đục, tan nát hoặc cảnh nghèo đói, khốn cùng... Vì vậy, việc xây dựng gia đình mới là một trong những vấn đề quan trọng của sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa, đúng như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: “Nhiều gia đình cộng lại mới thành xã hội, xã hội tốt thì gia đình càng tốt, gia đình tốt thì xã hội mới tốt. Hạt nhân của xã hội là gia đình. Chính vì muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội nên phải chú ý hạt nhân cho tốt”.

Gia đình là đơn vị đầu tiên của xã hội, là tế bào của xã hội được gắn bó với nhau bởi quan hệ hôn nhân, quan hệ huyết thống. Đặc trưng của gia đình là sinh hoạt của các quá trình vật chất như sinh hoạt về kinh tế và sinh hoạt về tinh thần như là đạo đức, pháp lý, tâm lý. Gia đình không phải là một đơn vị xã hội bất biến mà nó cũng vận động phát triển cùng với sự thay đổi phát triển của xã hội. Hay nói một cách khác, tính chất, trình độ phát triển kinh tế - xã hội quyết định đối với quy mô, kết cấu, hình thức tổ chức và tính chất của gia đình. Do đó, khi nghiên cứu về quy mô kết cấu gia đình, chúng ta phải xem gia đình vừa là một nhóm xã hội nhỏ có một tổ chức vừa là một thiết chế xã hội đặc biệt mà các thành viên trong gia đình ràng buộc với nhau trên cơ sở quan hệ hôn nhân và quan hệ huyết thống. Có những mối quan hệ phức tạp như quan hệ giữa vợ và chồng, giữa cha mẹ và con cái, giữa anh chị em với nhau, quan hệ giữa người thân. Ngoài ra, còn có các mối quan hệ về chính trị, quan hệ văn hóa, quan hệ kinh tế, quan hệ giáo dục, quan hệ xã hội, v.v... Thực chất, gia đình là một xã hội thu nhỏ. Khi nghiên cứu về gia đình, trước hết phải nghiên cứu về các kiểu gia đình đang tồn tại trong xã hội, đồng thời cần phải nghiên cứu xu hướng vận động và phát triển của gia đình. Dựa trên cơ sở đó có những hướng dẫn, điều chỉnh các sai lệch và xác lập mô hình gia đình phù hợp với điều kiện kinh tế, văn hóa xã hội của đất nước trong thời kỳ hiện nay.

## **2. Ý nghĩa của việc nghiên cứu gia đình:**

Gia đình là đơn vị đầu tiên của xã hội, là tế bào của xã hội được gắn bó với nhau bởi quan hệ hôn nhân, quan hệ huyết thống. Đặc trưng của gia đình là sinh hoạt của các quá trình vật chất như sinh hoạt về kinh tế và sinh hoạt về tinh thần như là đạo đức, pháp lý, tâm lý. Gia đình không phải là một đơn vị xã hội bất biến mà nó cũng vận động phát triển cùng với sự thay đổi phát triển của xã hội. Hay nói một cách khác, tính chất, trình độ phát triển kinh tế - xã hội quyết định đối với quy mô, kết cấu, hình thức tổ chức và tính chất của gia đình. Do đó, khi nghiên cứu về quy mô kết cấu gia đình, chúng ta phải xem gia đình vừa là một nhóm xã hội nhỏ có một tổ chức vừa là một thiết chế xã hội đặc biệt mà các thành viên trong gia đình ràng buộc với nhau trên cơ sở quan hệ hôn nhân và quan hệ huyết thống. Có những mối quan hệ phức tạp như quan hệ giữa vợ và chồng, giữa cha mẹ và con cái, giữa anh chị em với nhau, quan hệ giữa người

thân. Ngoài ra, còn có các mối quan hệ về chính trị, quan hệ văn hóa, quan hệ kinh tế, quan hệ giáo dục, quan hệ xã hội, v.v... Thực chất, gia đình là một xã hội thu nhỏ. Khi nghiên cứu về gia đình, trước hết phải nghiên cứu về các kiểu gia đình đang tồn tại trong xã hội, đồng thời cần phải nghiên cứu xu hướng vận động và phát triển của gia đình. Dựa trên cơ sở đó có những hướng dẫn, điều chỉnh các sai lệch và xác lập mô hình gia đình phù hợp với điều kiện kinh tế, văn hóa xã hội của đất nước trong thời kỳ hiện nay.

Khi nghiên cứu về gia đình nhất thiết phải nghiên cứu về yếu tố kinh tế, văn hóa truyền thống, quy mô gia đình, xem trong mỗi gia đình có bao nhiêu con là hợp lý, nhằm đảm bảo phát triển cân đối và phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội đất nước. Qui mô và kết cấu của gia đình như thế nào, ngoài những sự tác động của các nhân tố xã hội thì yếu tố trình độ dân trí, sự hiểu biết của mỗi cặp vợ chồng là quyết định. Mặt khác, khi nghiên cứu về gia đình, người ta cũng cần phải quan tâm đến vai trò và tính chất của người chủ gia đình người chủ ấy là ai, địa vị của họ trong xã hội ra sao?

Tóm lại gia đình là sản phẩm của lịch sử, là đơn vị đầu tiên của xã hội, là tế bào của xã hội được liên kết lại với nhau dựa trên cơ sở hôn nhân và huyết thống.

#### **CÂU 45. PHÂN TÍCH NHỮNG ĐỊNH HƯỚNG CƠ BẢN CỦA VIỆC XÂY DỰNG GIA ĐÌNH MỚI TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở NƯỚC TA HIỆN NAY.**

Những định hướng cơ bản của việc xây dựng gia đình mới trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta hiện nay cụ thể là:

##### **1. Giữ gìn, phát huy văn hóa truyền thống, loại bỏ những yếu tố tiêu cực, đồng thời tiếp thu văn hóa hiện đại có chọn lọc**

Bên cạnh việc kế thừa những truyền thống, những giá trị tốt đẹp tình làng nghĩa xóm, tình yêu gia đình gắn chặt với tình yêu quê hương đất nước, dân tộc. Từng bước khắc phục, loại bỏ các giá trị không phù hợp như cục bộ theo họ tộc, cục bộ theo địa phương, những nghi lễ rườm rà, tốn kém trong ma chay, cưới hỏi. Sự bất bình đẳng về giới, và giữa các thế hệ. Trong điều kiện hiện nay, sự chuyển đổi hệ giá trị từ gia đình truyền thống sang gia đình hiện đại đang đòi hỏi phải tiếp thu và chọn lọc các giá trị văn hóa của nhân loại. Những giá trị văn hóa ấy chỉ có thể được chọn lọc, tiếp thu một khi các giá trị tốt đẹp của gia đình truyền thống được bảo tồn, được phát huy những nội dung giá trị mới phù hợp với văn hóa và đạo lý làm người của dân tộc Việt Nam.

##### **2. Xây dựng gia đình xuất phát từ tình yêu chân chính:**

Hôn nhân tự nguyện tiến bộ là hôn nhân được xây dựng trên cơ sở tình yêu chân chính và nó nhất thiết phải trải qua thời kỳ quá độ từ tình bạn chuyển sang tình yêu, quá trình đó họ tìm thấy ở nhau những điểm tương đồng sẵn sàng chia sẻ, cùng nhau xây dựng cuộc sống chung và họ cảm thấy không thể thiếu nhau.

Hôn nhân tự nguyện tiến bộ còn phải được pháp luật thừa nhận bằng tờ đăng ký kết hôn. Nhưng cũng không bác bỏ sự quan tâm, hướng dẫn của cha mẹ người thân trong gia đình.

Hôn nhân tự nguyện tiến bộ còn bao gồm tự do ly hôn khi tình yêu không còn nữa. Tuy nhiên, ly hôn dù bất cứ lý do nào thì hậu quả cũng hết sức nặng nề. Vì vậy, cần phải có sự hòa giải của các đoàn thể xã hội, của cộng đồng, làng xóm.

### **3. Xây dựng gia đình trên cơ sở các quan hệ bình đẳng, thương yêu:**

Cùng nhau chia sẻ, gánh vác công việc gia đình và xã hội. Vợ chồng phải có quyền lợi và nghĩa vụ ngang nhau về mọi mặt. Bố mẹ không được phân biệt đối xử với các con, phải tôn trọng và hướng dẫn những nhu cầu chính đáng của các con. Các con phải biết ơn, kính trọng, nghe lời khuyên nhủ của bố mẹ và không ngừng học hỏi vươn lên giữ vững truyền thống tốt đẹp của gia đình. Quan hệ bố mẹ và các con trong gia đình thường có mâu thuẫn và sự khác biệt giữa các thế hệ là điều khó tránh khỏi. Do đó, phải tìm ra hướng giải quyết để những mâu thuẫn của sự khác biệt ấy không dẫn tới xung đột.

Trong gia đình, cần xây dựng những mối quan hệ tốt giữa anh chị em với nhau. Nếu là những gia đình có nhiều thế hệ, phải chú ý đến những mối quan hệ khác như ông bà và cháu chắt; bố mẹ chồng và con dâu; bố mẹ vợ và chàng rể; chú bác, cô dì và các cháu... Các quan hệ này cũng được xây dựng trên tinh thần bình đẳng, tình thương và có trách nhiệm để cho gia đình êm ấm, trở thành tế bào lành mạnh của xã hội.

### **4. Xây dựng gia đình phải gắn liền với cộng đồng, với các thiết chế xã hội:**

Đoàn kết, tương trợ thương yêu đùm bọc nhau là một giá trị văn hoá truyền thống lâu đời của người Việt Nam. Trong giai đoạn hiện nay, xây dựng gia đình mới cần phải biết giữ gìn phát huy truyền thống ấy. Trên cơ sở đó mà xây dựng bổ sung thêm những quy ước, quy chế dân chủ trong mỗi làng xã, trong mỗi gia đình. Đó chính là một phương hướng quan trọng trong việc xây dựng gia đình mới ở nước ta.

## **CÂU 46: HÃY TRÌNH BÀY NHỮNG NỘI DUNG CHỦ YẾU XÂY DỰNG GIA ĐÌNH Ở VIỆT NAM HIỆN NAY.**

Để có được gia đình ấm no, bình đẳng, tiến bộ và hạnh phúc ở Việt Nam hiện nay, phải dựa trên các cơ sở sau đây:

- Giải quyết tốt mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với công bằng xã hội, từng bước xoá đói giảm nghèo đi đôi với tăng cường chăm lo phúc lợi xã hội, chăm sóc sức khoẻ cộng đồng, kết hoạch hoá gia đình.
- Giải phóng phụ nữ và phát huy truyền thống phụ nữ trong gia đình, xã hội được là thước của sự tiến bộ xã hội.
- Trong nghiên cứu khoa học phục vụ hôn nhân và gia đình hiện nay, bên cạnh nghiên cứu giữ gìn phát huy gia đình truyền thống, cần chú ý hơn nữa đến mô hình gia đình hiện đại, sự kế thừa, tiếp thu và dung nạp những giá trị tiến bộ của thời đại trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

## **CÂU 47: NÊU VÀ PHÂN TÍCH QUAN ĐIỂM CỦA CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN VỀ CON NGƯỜI VÀ CON NGƯỜI XÃ HỘI CHỦ NGHĨA?**

### **1. Các quan niệm trước Mác về con người:**



Từ trước đến nay, kể cả ở Phương Đông và Phương Tây chưa có học thuyết nào làm sang về bản chất của con người, mà chỉ mới một phần nào làm hé mở được những yếu tố thuộc về bản chất của con người. Song vẫn chưa được hoàn hảo, thậm chí có một số lý thuyết còn mang tính hoang đường và lạc hậu.

Trên cơ sở kế thừa phát triển những tư tưởng của nhân loại, đặc biệt là những tiến bộ của khoa học tự nhiên vào những năm 40 của thế kỷ XIX. Chủ nghĩa Mác khẳng định: “bản chất của con người là một thực thể tự nhiên, một cấu trúc sinh học mang bản chất xã hội”.

Con người là một thực thể tự nhiên, là một bộ phận của tự nhiên. Do đó, con người cũng bị những quy luật tự nhiên chi phối. Nhưng con người khác với con vật là ngay cả như những hành vi có tính bản năng như ăn, ở và giải quyết các vấn đề sinh lý...ở con người cũng khác hẳn đối với loài vật. Chính vì thế, những quan niệm thô thiển coi con người chỉ là một loài vật giống như mọi loài động vật khác chỉ là luận điệu nhằm bênh vực che đậy cho những hành vi mất tính người.

Bản chất xã hội của con người được biểu hiện trong mối quan hệ cá nhân gắn bó với đồng loại đến mức không thể tách rời, đồng thời lại là những cá nhân không ai giống ai. Xã hội càng phát triển thì mối quan hệ giữa cộng đồng với cá nhân càng trở nên bền vững, nhưng mặt khác mỗi con người càng tách biệt thành những cá nhân độc lập. Vì vậy, sự nghiệp giải phóng con người còn bao hàm cả việc giải phóng cá nhân khỏi áp bức, bóc lột để họ được sống tự do, bình đẳng tự do hạnh phúc.

Tính xã hội của con người còn được biểu hiện, con người là một phần tử của một giai cấp nhất định và thông qua giai cấp mà các cá nhân từng bước nhận rõ lợi ích riêng của các cá nhân chỉ được thực hiện khi kết hợp với lợi ích chung của giai cấp. Đồng thời, mỗi cá nhân con người còn mang tính nhân loại và luôn hướng tới các giá trị nhân loại.

Tính xã hội của con người còn được biểu hiện ở mỗi một thời đại lịch sử đều có một mẫu người do yêu cầu của chế độ chính trị xã hội đã nhào nặn nên. Ví dụ: con người thời nô lệ là sống cam chịu, con người phong kiến là trung quân ái quốc, quân sử thần tử, con người tư bản là trả tiền ngay, tiền trao cháo múc lạnh lùng. Chính vì vậy Hồ Chủ tịch đã nói: “muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội trước hết phải có con người chủ nghĩa xã hội”

## **2. Quan niệm về con người xã hội chủ nghĩa:**

Dựa trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin, tiếp thu những giá trị truyền thống của dân tộc, căn cứ vào điều kiện cụ thể của Việt Nam. Đảng ta đã đề ra chiến lược xây dựng mô hình con người mới, con người xã hội chủ nghĩa gồm có những đặc trưng sau:

- Con người xã hội chủ nghĩa là con người có đầy đủ trình độ, ý thức và năng lực làm chủ về kinh tế, chính trị và xã hội...
- Con người xã hội chủ nghĩa là con người lao động mới, có ý thức về công việc mà mình đang đảm nhận, lao động có ý thức kỷ luật, có tinh thần hợp tác với đồng nghiệp, biết đánh giá chất lượng lao động, hiệu quả lao động của bản thân.
- Con người xã hội chủ nghĩa là con người sống hiếu thảo với cha mẹ ông bà, có tình nghĩa với anh em, bạn bè và mọi người xung quanh. Tự ý thức được vai trò vị trí của

mình trong từng mối quan hệ xã hội và giải quyết đúng đắn được những mối quan hệ đó. Có ý thức nâng cao trình độ tri thức về mọi mặt, rèn luyện sức khỏe, đảm bảo phát triển toàn diện cá nhân.

- Con người xã hội chủ nghĩa là con người giàu lòng yêu nước, thương dân, có tình thương yêu giai cấp, thương yêu đồng loại, sống nhân văn, nhân đạo, có ý thức và kiên quyết đấu tranh bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ những thành quả cách mạng, kiên quyết đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu phá hoại của kẻ thù.

## **CÂU 48: NGUỒN LỰC CON NGƯỜI LÀ GÌ? VAI TRÒ, VỊ TRÍ NGUỒN LỰC CON NGƯỜI TRONG QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI?**

### **1. Nguồn lực là gì?**

Các nguồn lực có thể khai thác như:

- Nguồn lực tự nhiên
- Nguồn lực khoa học - công nghệ
- Nguồn lực tài chính
- Nguồn lực từ nước ngoài
- Nguồn lực con người

Trong tất cả các nguồn lực nói trên thì nguồn lực con người là cơ bản nhất, bởi lẽ những nguồn lực khác muốn khai thác có hiệu quả đều phải phụ thuộc vào trình độ năng lực của con người và một khi đã đưa vào khai thác sử dụng thì ngày càng hao hụt cạn kiệt. Nhưng nguồn lực con người đặc biệt là trí tuệ càng khai thác thì càng phát triển. Theo số liệu khảo sát, con người có khoảng 15 tỷ neuron thần kinh, trong suốt cuộc đời của một con người chỉ mới sử dụng khoảng 2%, số còn lại đang ở dạng tiềm năng, vì vậy trong thế kỷ 21 con người đang là đối tượng khai thác của chính mình.

Nguồn nhân lực về xã hội, tức là nói về chế độ chính trị và môi trường xã hội nơi con người sinh sống. Nếu môi trường thuận lợi thì con người sẽ phát huy được năng lực ở mức độ tối đa; ngược sẽ bị kiềm hãm. Vì vậy, việc đề ra những giải pháp nhằm để phát huy tính năng động sáng tạo của mỗi con người nó vừa là một giải pháp cơ bản, lâu dài vừa là giải pháp có ý nghĩa tình thế.

Nguồn nhân lực cũng là nói về quy mô dân số. Dân số già hay trẻ, ít hay nhiều, cơ cấu độ tuổi, sự tiếp nối nhau giữa các thế hệ, giới tính, sự phân bố dân cư giữa các vùng, các miền của đất nước, giữa các ngành kinh tế, giữa các lĩnh vực của đời sống xã hội.

Nguồn lực con người còn là sự bao hàm cả về thể lực, trí tuệ, tay nghề, trình độ năng lực quản lý, mức độ thành thạo trong công việc, phẩm chất đạo đức, tình yêu quê hương đất nước, ý thức chính trị... Trong các yếu tố trên thì phẩm chất đạo đức và trình độ học vấn, tay nghề là quan trọng nhất. Nó nói lên mức trưởng thành của con người, nhân cách, lối sống, xã hội. Vì vậy, xã hội muốn phát triển nhanh bền vững thì phải quan tâm đến đào tạo nguồn lực con người. Vậy, nguồn lực con người là gì?

Theo ngân hàng thế giới: Nguồn lực con người là toàn bộ vốn người, bao gồm cả thể lực, trí lực kỹ năng, nghề nghiệp v. v...mà mỗi cá nhân sở hữu và có thể huy động được vào trong quá trình sản xuất, kinh doanh hay trong một hoạt động nào đó...

Từ khái niệm trên chúng ta có thể hiểu: nguồn lực con người là bao gồm tất cả các yếu tố như là về thể chất, ý thức chính trị, đạo đức, năng lực, trình độ chuyên môn và vị thế xã hội, v. v...Nó tạo nên năng lực của mỗi con người và được huy động, được tập hợp lại thành một sức mạnh tổng hợp của cả cộng đồng, dân tộc vào việc phát triển kinh tế - xã hội.

## **2. Vai trò nguồn nhân lực trong sự nghiệp xây dựng xã hội chủ nghĩa**

Quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin cho rằng: người lao động trong mọi thời đại đều là chủ thể trong lao động sản xuất, đặc biệt là trong chủ nghĩa xã hội, họ phải là người được làm chủ những tư liệu sản xuất và phải được đào tạo có bài bản kiến thức chuyên môn, quản lý kinh tế thì mới có đủ trình độ để khai thác tiềm năng tài nguyên có hiệu quả.

## **3. Vai trò nguồn lực con người trong lĩnh vực chính trị:**

Khi bàn về xây dựng Nhà nước xã hội chủ nghĩa, Bác Hồ đã nói “chúng ta phải ra sức thực hiện những cải cách xã hội để nâng cao đời sống của nhân dân, thực hiện dân làm chủ xã hội bằng việc chính họ là người lựa chọn, đề cử những người có đủ đức, đủ tài giữ những vị trí quan trọng trong các cơ quan chính quyền các cấp, đó phải là những người giỏi về lý luận, sâu sát với cơ sở, hiểu biết thực tiễn, thấy được trách nhiệm của mình đối với nhân dân, hết lòng vì nhân dân và thật sự tôn trọng quyền làm chủ của nhân dân thì việc gì khó khăn mấy dân cũng làm được”.

## **4. Vai trò nguồn lực con người trong lĩnh vực văn hoá:**

Quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin quan niệm, quần chúng lao động là người đã góp phần xây dựng sáng tạo lên những công trình văn hoá, các tác phẩm nghệ thuật. Do đó, dưới chủ nghĩa xã hội vai trò ấy lại càng được nâng cao, cũng như tạo điều kiện để quần chúng biết thưởng thức, bảo vệ truyền thống văn hoá dân tộc và biết tiếp thu những tinh hoa nghệ thuật quốc tế, loại bỏ những yếu tố không phù hợp để làm giàu cho nền văn hoá dân tộc mình, làm cho đời sống tinh thần cá nhân thêm phong phú.

## **5. Vai trò nguồn lực con người trong lĩnh vực xã hội:**

Những vấn đề xã hội bao gồm: việc làm, công bằng xã hội, xoá đói giảm nghèo, v. v... Muốn giải quyết những vấn đề này cần phải có sự quan tâm của toàn xã hội.

Tóm lại, nguồn nhân lực không khai thác, không phát huy được là lãng phí lớn nhất. Đặc biệt là đối với đội ngũ tri thức càng hoạt động, càng nghiên cứu, càng làm việc thì trí tuệ của họ càng phong phú, nhạy bén sâu sắc. Nước ta đang còn là một nước nghèo, kinh tế kém phát triển, thì việc phát huy nguồn lực con người để xây dựng đất nước càng trở nên quan trọng.

**CÂU 49. HÃY NÊU VÀ PHÂN TÍCH NHỮNG THÀNH TỰU VÀ NHỮNG HẠN CHẾ TRONG PHÁT HUY NGUỒN LỰC CON NGƯỜI VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM QUA?**

## 1. Những kết quả đạt được:

Sau cách mạng tháng 8/1945, nền giáo dục cách mạng Việt Nam đã có những bước phát triển mạnh mẽ, Từ chỗ 95% dân số mù chữ; đến nay đã có 95% dân số biết chữ. Hệ thống giáo dục ngày càng hoàn thiện. Trước cách mạng tháng tám cả nước chỉ có ba trường trung học phổ thông, nay đã có trên 80.000 trường với hơn 800.000 giáo viên từ mầm non đến đại học, trên đại học, đang góp phần đào tạo nguồn lực bồi dưỡng nhân tài phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Việc chăm sóc sức khỏe cho các tầng lớp nhân dân cũng đã được quan tâm đến tận vùng sâu, vùng xa. Tuổi thọ trung bình là 78. Thể của người Việt Nam đã được cải thiện hơn trước.

## 2. Những hạn chế của việc phát huy nguồn nhân lực ở Việt Nam.

Do nhận thức, có giai đoạn chúng ta tuyệt đối tính xã hội của con người, coi nhẹ mặt tự nhiên, chưa quan tâm tới nhu cầu vật chất, chưa thật sự chú ý tới lợi ích cá nhân người lao động. Có lúc đã đồng nhất lợi ích cá nhân với chủ nghĩa cá nhân, đề cao quá mức tính giai cấp, coi nhẹ tính nhân loại không chú ý kế thừa những giá trị truyền thống dân tộc, ít chú ý tới giáo dục gia phong cho con cái. Vì thế, dẫn đến những khiếm khuyết về nhân cách, cho nên đã có một bộ phận thanh niên không chịu học tập rèn luyện, thiếu quyết tâm phấn đấu vươn lên tu thân lập nghiệp, nghiện hút, cờ bạc len lỏi vào bộ máy Nhà nước, một bộ phận cán bộ có chức có quyền đã lợi dụng quyền hạn để tham nhũng cửa quyền, vi phạm quyền dân chủ của công dân; làm biến dạng nhân cách con người, để cho không ít kẻ cơ hội, hữu khuynh chui vào tổ chức Đảng, Nhà nước đang tác động không nhỏ tới niềm tin của thế hệ trẻ hôm nay.

Trong giáo dục đào tạo, phương pháp giáo dục chưa kích thích được tính sáng tạo của người học, chưa gắn lý luận với cuộc sống, cho nên không ít sinh viên sau khi ra trường khó xin việc, bỏ nghề, gây lãng phí cho gia đình, xã hội. Cơ cấu đào tạo giữa các ngành, giữa các bậc học chưa hợp lý, dẫn tới tình trạng vừa thừa, vừa thiếu cán bộ như hiện nay. Nhìn chung việc đào tạo, sử dụng cán bộ hiện nay còn nhiều bất cập. Tình trạng thiếu việc làm trong thanh niên đang tạo sức ép lớn cho xã hội. Những hạn chế đó là do những nguyên nhân sau:

- **Thứ nhất**, nước ta là nước nông nghiệp, năng suất lao động còn rất thấp, đời sống của nhân dân còn rất nhiều khó khăn, tình trạng nghèo đói còn tồn tại trong một bộ phận dân cư, việc chăm sóc đảm bảo cho những điều kiện cho con người phát triển toàn diện còn hạn chế.
- **Thứ hai**, trải qua nhiều năm chiến tranh, đòn sức người sức của để giải phóng miền Nam thống nhất đất nước chúng ta không có điều kiện chăm sóc cho con người, mặt khác hậu quả chiến tranh còn để lại rất nặng nề ngày nay vẫn phải tiếp tục khắc phục.
- **Thứ ba**, những tập quán, thói quen của người sản xuất nhỏ như thiếu ý thức tổ chức kỷ luật, cách nhìn thiên cận, tâm lý tự ti, tính vị kỷ, cục bộ địa phương, gia trưởng trong giáo dục, cũng như khi đánh giá con người, v.v...
- **Thứ tư**, trong quá trình chuyển sang nền kinh tế thị trường, mở rộng giao lưu quốc tế, một mặt cũng tạo ra những tác động tích cực, mặt khác cũng ảnh hưởng tiêu cực như: lối sống thực dụng, chạy chức, chạy quyền, vì tiền mà không ít người có thể làm mọi việc bất chấp luân thường đạo lý. Điều đó gây ra những tác động xấu trong xã hội.

- **Thứ năm**, đầu tư cho giáo dục còn hạn chế, công tác quản lý giáo dục - đào tạo có những mặt yếu kém, bất cập, tình trạng tiêu cực trong giáo dục còn đang phổ biến ở nhiều nơi, chất lượng giáo viên còn hạn chế đang ảnh hưởng tới chất lượng đào tạo, trực tiếp ảnh hưởng tới việc phát huy nguồn nhân lực trong giai đoạn hiện nay.
- **Thứ sáu**, những yếu kém trong quản lý Nhà nước, hệ thống luật pháp chưa đồng bộ, tính gia trưởng, bảo thủ trong một số cán bộ có chức có quyền, tâm lý đố kỵ, ghen ghét với những người có năng lực của một số người đang làm hạn chế phát huy nguồn nhân lực ở nước ta hiện nay.

## **CÂU 50: PHÂN TÍCH NHỮNG PHƯƠNG HƯỚNG, GIẢI PHÁP PHÁT HUY NGUỒN LỰC CON NGƯỜI VIỆT NAM HIỆN NAY?**

### **1. Phương hướng:**

**Một là**, đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, mà thực chất là chuyển từ lao động thủ công sang lao động cơ khí máy móc. Nó có tác dụng vừa làm thay đổi thói quen của nền sản xuất nhỏ, vừa tạo điều kiện để nâng cao mức sống nhân dân. Đồng thời nó cũng đặt ra những thách thức buộc người lao động phải phấn đấu vươn lên, nếu họ không muốn bị đào thải khỏi dây chuyền sản xuất. Có thể nói đây là môi trường tốt nhất để bồi dưỡng nguồn lực con người và đến lượt con người sẽ là yếu tố quyết định cho sự thắng lợi của công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

**Hai là**, từng bước xây dựng hoàn chỉnh hệ thống chính sách xã hội, với mục đích nhằm nâng cao năng suất lao động, công bằng trong phân phối, tạo điều kiện cho người lao động học tập phấn đấu, cống hiến sức mình cho xã hội góp phần vào phát triển kinh tế đất nước.

**Ba là**, từng bước xây dựng và không ngừng hoàn thiện cơ chế quản lý trên cơ sở nhân dân lao động là người làm chủ kinh tế, chính trị, văn hoá tư tưởng...Do vậy, xã hội phải tạo ra những điều kiện cho người lao động tham gia tích cực vào công việc quản lý xã hội, quản lý kinh tế, quản lý nhà nước, thông qua đó mà họ tích cực góp tài năng, trí tuệ cho xã hội.

### **2. Một số giải pháp phát huy nguồn lực con người ở nước ta hiện nay:**

**Thứ nhất**, trong lĩnh vực kinh tế: nhanh chóng thực hiện giao đất, giao rừng cho nông dân, tạo điều kiện cho người lao động làm chủ tư liệu sản xuất ở mọi thành phần kinh tế. Phát động nhân dân đóng góp ý kiến xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, của địa phương, của doanh nghiệp, của đơn vị, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động trên cơ sở thực hiện phân phối công bằng, dân chủ, công khai. động viên mọi người dân bỏ vốn sản xuất kinh doanh, khai thác thế mạnh của địa phương, phát triển ngành nghề truyền thống, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, phát huy trình độ tay nghề, năng lực quản lý kinh doanh của mỗi thành viên trong xã hội để cùng với Nhà nước giải quyết những khó khăn của đất nước. Giáo dục đạo đức, khơi dậy lương tâm nghề nghiệp, nêu cao trách nhiệm của mỗi người trong hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ. Cần làm cho mọi người thấy được trách nhiệm của mình là phải lao động nghiêm túc, có chất lượng, có hiệu quả, tạo ra hàng hoá tốt, nâng cao chất lượng dịch vụ. Điều đó vừa tạo điều kiện cho xã hội phát triển, vừa là điều kiện cho hoạt động sản xuất kinh doanh đạt hiệu



quả. Phê phán mạnh mẽ thói lười biếng, làm bừa, làm ẩu, ngăn chặn làm ăn phi pháp, phi đạo lý.

**Thứ hai**, trong lĩnh vực chính trị: nâng cao trình độ nhận thức cho mọi người để họ có thể tham gia có hiệu quả vào các công việc của các tổ chức trong hệ thống chính trị như kiểm tra giám sát thực hành tiết kiệm, chống tham nhũng để người dân thực sự là người làm chủ đất nước.

**Thứ ba**, trên lĩnh vực xã hội: Từng bước khắc phục đi tới loại bỏ những phong tục, tập quan lạc hậu, những quan hệ không bình đẳng, xây dựng quan hệ mới giữa người với người trên tinh thần tương trợ giúp đỡ lẫn nhau trong sản xuất kinh doanh, trong đời sống xã hội. Xây dựng quan hệ bình đẳng, hữu nghị giúp đỡ lẫn nhau giữa các dân tộc, giữa các quốc gia. Có biện pháp làm giảm dần khoảng cách chênh lệch trên mọi lĩnh vực giữa các tầng lớp dân cư, giữa các vùng lãnh thổ. Quan tâm tới những hộ nghèo, những gia đình khó khăn, những hộ chính sách xã hội, những vùng sâu, vùng xa tạo ra cơ hội phát triển cho mọi người, làm cho mọi người dân đều được hưởng những thành quả y tế, giáo dục văn hoá.... Thực hiện chính sách xoá đói, giảm nghèo; tập trung giải quyết việc làm cho người lao động; trên cơ sở đó, người lao động mới có điều kiện nâng cao trình độ tri thức, trình độ tay nghề, mới có môi trường rèn luyện phấn đấu, cống hiến sức mình cho đất nước, cho xã hội.

**Thứ tư**, trên lĩnh vực giáo dục và đào tạo. Phải xem “giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu nhằm nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài” đáp ứng như cầu công nghiệp hoá hiện đại hoá. Đảng và Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội và gia đình phải quan tâm tới giáo dục hơn nữa. Nội dung giáo dục phải phản ánh được những tri thức của thời đại, những thành tựu mới nhất của khoa học công nghệ, phải giáo dục lòng yêu nước, ý thức tự cường dân tộc, phương pháp dạy phải kích thích được tính sáng tạo của người học. Phương pháp học phải độc lập tự chủ, biết vận dụng kiến thức đã học vào giải thích và giải quyết những vấn đề thực tiễn cuộc sống đang đặt ra nhằm rút ngắn khoảng cách giữa Việt Nam và các nước trong khu vực và trên thế giới. Do vậy, đòi hỏi chúng ta phải phấn đấu nhiều hơn nữa.

**Thứ năm**, trên lĩnh vực tư tưởng, văn hoá, nghệ thuật: phải xem văn hoá nghệ thuật là nhằm phục vụ tốt cho sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc; đã động viên được nhân dân tích cực tham gia trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, do đó văn hoá nghệ thuật phải tích cực tham gia tích cực vào sự nghiệp đổi mới toàn diện đất nước, vì vậy phải có thái độ phê phán nghiêm khắc một số văn nghệ sĩ trí thức đi lệch hướng, chạy theo thị hiếu thấp hèn, dễ dãi của một bộ phận thanh niên thiếu giáo dục. Đẩy mạnh cuộc đấu tranh trên lĩnh vực tư tưởng, phê phán những tư tưởng phản động đang tìm cách phủ nhận con đường xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. “Đẩy mạnh tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận, tiếp tục làm sáng tỏ hơn lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam”, “nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác tuyên truyền, giáo dục lý luận chính trị, tạo nên sự thống nhất hơn nữa trong Đảng, sự đồng thuận trong nhân dân, đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, tư tưởng cơ hội thực dụng, chặn đà suy thoái về đạo đức, lối sống”.

Trước yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, đòi hỏi nhà văn, nhà thơ, nhạc sĩ, nghệ sĩ, phải nâng cao trách nhiệm của mình trong sáng tác, biểu diễn, không vì đồng tiền mà bán rẻ lương tâm, vô trách nhiệm với đất nước.

Phải tăng cường hơn nữa công tác quản lý của Nhà nước trong hoạt động sáng tác, biểu diễn làm cho văn học nghệ thuật phải trở thành vũ khí, phương tiện cổ vũ cho cái hay, cái đẹp, góp phần xây dựng lối sống lành mạnh, nâng cao những giá trị nhân văn, phát huy những giá trị tốt đẹp trong con người Việt Nam.

### **CÂU 51: ĐỂ PHÁT HUY NGUỒN LỰC CON NGƯỜI Ở VIỆT NAM HIỆN NAY, THANH NIÊN, SINH VIÊN NƯỚC TA CẦN PHẢI LÀM GÌ? VÌ SAO LẠI NHƯ VẬY?**

Theo ngân hàng thế giới: *Nguồn lực con người là toàn bộ vốn người, bao gồm cả thể lực, trí lực kỹ năng, nghề nghiệp v. v...mà mỗi cá nhân sở hữu và có thể huy động được vào trong quá trình sản xuất, kinh doanh hay trong một hoạt động nào đó...*

Đất nước ta giàu về tài nguyên khoáng sản nhưng chưa có điều kiện để khai thác nguồn tài nguyên thiên nhiên quý giá đó là do chúng ta phải tập trung cho chống ngoại xâm, bảo vệ chủ quyền của đất nước. Ngày nay chúng ta đã có độc lập tự do, nhiệm vụ mới là phải xây dựng đất nước ta to đẹp đàng hoàng đúng như Bác Hồ mong đợi “đất nước ta có thể sánh vai cùng với các cường quốc năm châu hay không chính là nhờ vào công lao học tập của các cháu” vì vậy lao động ngày nay phải có tri thức, do đó phải ra sức học tập nâng cao trình độ, rèn luyện đạo đức cả về thể lực, trí tuệ, tay nghề, trình độ năng lực quản lý, mức độ thành thạo trong công việc, phẩm chất đạo đức, tình yêu quê hương đất nước, ý thức chính trị...

Trong các yếu tố trên thì phẩm chất đạo đức và trình độ học vấn, tay nghề là quan trọng nhất. Nó nói lên mức trưởng thành của con người, nhân cách, lối sống, xã hội. Vì vậy, xã hội muốn phát triển nhanh bền vững thì phải quan tâm đến đào tạo nguồn lực con người. phải gắn đào tạo nguồn nhân lực với sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, mà thực chất là chuyển từ lao động thủ công sang lao động cơ khí máy móc. Nó có tác dụng vừa làm thay đổi thói quen của nền sản xuất nhỏ, vừa tạo điều kiện để nâng cao mức sống nhân dân. Đồng thời nó cũng đặt ra những thách thức buộc người lao động phải phấn đấu vươn lên, nếu họ không muốn bị đào thải khỏi dây chuyền sản xuất. Có thể nói đây là môi trường tốt nhất để bồi dưỡng nguồn lực con người và đến lượt con người sẽ là yếu tố quyết định cho sự thắng lợi của công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

**HẾT**

Chúc bạn thi tốt nha

